



ISSN: 1859 - 042X

Số 12
2018

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

Vai trò của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và những kỳ vọng cho giai đoạn mới



**Nâng cao hiệu quả
công tác phòng chống
tội phạm môi trường
trên lưu vực sông Cầu**

**Huy động nguồn lực triển khai
xây dựng nông thôn mới tại
các xã khó khăn,
biên giới, hải đảo theo hướng
xã hội hóa giai đoạn 2017-2020**

**Đề xuất phương pháp
xác định mức xử phạt
vi phạm hành chính trong
lĩnh vực môi trường biển
và hải đảo**

THACO
TRƯỜNG HAI AUTO

2019
HAPPY NEW YEAR



KIA SEDONA MỚI
Sang trọng hơn & tiện nghi hơn



The Power to Surprise



CALL CENTER
1900 545 591



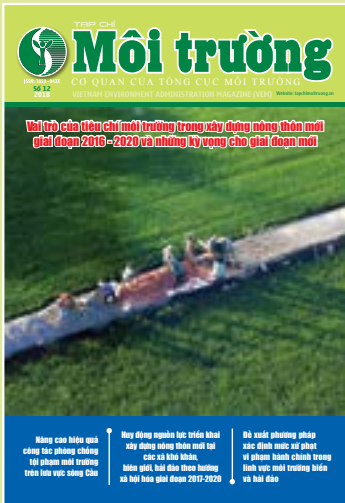
Become a fan of Thaco-Kia
<http://www.facebook.com/Kiamotorsvietnam>



Follow us
<http://www.youtube.com/thacokia>



Website
<http://www.kiamotorsvietnam.com.vn>



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Nâng cấp công trình giao thông
nông thôn

Ảnh: Trần Đức Thảo

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 12/2018

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

[8]

• Tăng cường phối hợp BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai

[9]

• Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH



[10]

NGUYỄN VĂN SÁU: Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm môi trường trên lưu vực sông Cầu

[11]

THANH HÀ: Giải bài toán tro xỉ tại các nhà máy nhiệt điện than

[14]

NGUYỄN THANH HẰNG: Hà Nội tăng cường các giải pháp trong bảo vệ môi trường

[16]

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Sơn La: Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

[18]

MAI HƯƠNG - NGUYỄN MINH TIẾN: Vai trò của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và những kỳ vọng cho giai đoạn mới

[21]

LẠI ĐỨC NGÂN, NGUYỄN THỊ MINH HẢI: Đề xuất phương pháp xác định mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường biển và hải đảo

[24]

NGUYỄN THU LÀNH: Lan tỏa tình yêu cây xanh trong cộng đồng

[26]

NHÂM HIỀN, NGUYỄN THỊ THANH BÌNH:
Phát triển du lịch bền vững trên nền tảng tăng trưởng xanh





GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH



- [28] NGUYỄN THỊ HOA: Những ý tưởng bảo vệ môi trường - sáng kiến nhỏ, lợi ích lớn
- [30] ĐẶNG TOÀN: LÂM ĐỒNG: Áp dụng nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường
- [32] NGUYỄN MINH HẠNH: MÊ LINH: Đẩy mạnh phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp công nghệ cao trong xây dựng nông thôn mới
- [33] HOÀNG THỦY: HTX Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Phong: Điểm sáng BVMT trong xây dựng nông thôn mới
- [35] NGUYỄN THỊ THU HÀ: Thực trạng môi trường chăn nuôi và đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm tại Đồng Nai



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [45] ĐỨC THÁI: Ajinomoto Việt Nam: Bảo vệ môi trường là nguyên tắc vàng cho sự phát triển bền vững
- [46] TRƯƠNG THỊ HẬU: Capital House - Kiến tạo cuộc sống xanh



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [64] NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN: Quần thể các loài động vật có xương sống trên toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng
- [65] NGUYỄN HOÀNG ÁNH: Singapo và cái giá phải trả để giữ sạch thành phố
- [67] THANH HÀ: Songdo - TP công nghệ cao, thân thiện với môi trường



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN



XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- [48] ĐÌNH ANH - TÔ THÚY NGÀ: Huy động nguồn lực triển khai xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa giai đoạn 2017-2020
- [52] TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới
- [54] TRẦN VĂN PHIỆT: Hải Hậu quyết tâm đạt chuẩn nông thôn mới bền vững và phát triển kiểu mẫu



- [57] THANH HOA: Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô
- [58] LÊ HÀ: Hãy trả lại môi trường sống an toàn cho các loài ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên
- [60] PHÙNG THỊ TRANG: Phụ nữ huyện đảo Cô Tô thực hiện hiệu quả phong trào Ngày Chủ nhật xanh
- [62] NGUYỄN XUÂN THẮNG, TRẦN NHỊ BẠCH VÂN: Công viên địa chất núi lửa Krông Nô





Tăng cường phối hợp bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai



▲ Lễ ký kết chuyển giao chức vụ Chủ tịch Ủy ban BVMT LVHTS Đồng Nai nhiệm kỳ IV

Ngày 10/12/2018, tại Đồng Nai, Ủy ban BVMT lưu vực hệ thống sông (LVHTS) Đồng Nai đã tổ chức Phiên họp lần thứ 12 nhằm đánh giá hoạt động của Ủy ban giai đoạn 2017 - 2018 và triển khai nhiệm vụ giai đoạn 2019 - 2020.

Trong giai đoạn 2017 - 2018, cùng với sự chung sức phối hợp giữa các Bộ, ngành và 11 tỉnh, TP: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tây Ninh, Lâm Đồng, Đắk Nông, Ninh Thuận và Bình Thuận, việc triển khai Đề án tổng thể BVMT LVHTS Đồng Nai đến năm 2020 đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ trong nỗ lực giải quyết triệt để ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường nước LVHTS Đồng Nai. Các Bộ, ngành và địa phương trên LVHTS Đồng Nai đã chỉ đạo quyết liệt triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT. Cụ thể, tập trung thanh - kiểm tra các đối tượng có lưu lượng nước thải từ 200 m³/ngày đêm trở lên; thực hiện tổng điều tra, đánh giá, phân loại các nguồn thải; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; rà soát, điều chỉnh các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phù hợp với điều kiện trong nước và yêu cầu hội nhập quốc tế...

UBND các tỉnh, TP trên LVHTS Đồng Nai cũng đã tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm, thẩm định và cấp phép; đa dạng hóa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT; tổ chức triển khai "Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên

nước, khoáng sản và BVMT ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa TP. Hồ Chí Minh với các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Lâm Đồng và Bình Phước.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Đề án còn gặp một số khó khăn như tình trạng ô nhiễm môi trường nước tại khu vực nội thành, nội thị và ô nhiễm do nước thải sản xuất vẫn diễn biến phức tạp; việc huy động các nguồn lực tài chính nhằm triển khai các nhiệm vụ, dự án còn hạn chế; sự phối hợp giữa các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên vùng, liên tỉnh còn chưa đồng bộ và hiệu quả; tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT vẫn diễn ra, đặc biệt là ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh xả nước thải chưa qua xử lý, gây ô nhiễm môi trường lưu vực sông, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

Để đẩy mạnh triển khai Đề án BVMT LVHTS Đồng Nai trong nhiệm kỳ IV (2019 - 2020), các tỉnh, TP sẽ tiếp tục xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án cho giai đoạn đến năm 2020 và từng

năm; Rà soát, ban hành mới hoặc bổ sung kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch. Cùng với đó, Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trên LVHTS Đồng Nai đẩy mạnh xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT LVHTS Đồng Nai; tháo gỡ vướng mắc về mặt tài chính nhằm thúc đẩy việc thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc Đề án BVMT LVHTS Đồng Nai; đồng thời, triển khai, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý TN&MT và phát triển bền vững liên quan đến LVHTS Đồng Nai.

Phát biểu tại Phiên họp, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của các Bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các tỉnh, TP trong việc triển khai Đề án tổng thể BVMT LVHTS Đồng Nai đến năm 2020. Thứ trưởng tin tưởng rằng, với sự quyết tâm cao của các Bộ, ngành và 11 tỉnh, TP trên lưu vực, các mục tiêu của Đề án tổng thể BVMT LVHTS Đồng Nai đến năm 2020 sẽ sớm trở thành hiện thực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu về kinh tế - xã hội, phát triển bền vững của các địa phương trên LVHTS Đồng Nai.

Cũng tại Phiên họp, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai Đinh Quốc Thái đã chuyển giao chức vụ Chủ tịch Ủy ban BVMT LVHTS Đồng Nai nhiệm kỳ IV (2019-2020) cho Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Nguyễn Văn Trình.

HỒNG NHUNG



Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương



Nhân kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Canada (1973 - 2018), ngày 10/12/2018, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối hợp với Đại sứ quán Canada tại Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế tham vấn xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương. Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Canada tại Việt Nam Deborah Paul đã đến dự và chủ trì Hội thảo. Đây là một phần trong chuỗi hoạt động tham vấn giữa Bộ TN&MT và các đối tác có liên quan về những thách thức trong quản lý, cũng như các giải pháp tiềm năng nhằm giải quyết hiệu quả vấn nạn ô nhiễm rác thải nhựa.

Hiện nay, thách thức trên toàn cầu là ô nhiễm rác thải, đặc biệt là rác thải nhựa đại dương. Với đặc thù là một không gian liên thông, được chi phối bởi các hoàn lưu biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương đã trở thành vấn đề của toàn thế giới, gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và hệ sinh thái biển, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực thông qua những cam kết chính trị mạnh mẽ cũng như các hoạt động thiết thực trong quản lý, giảm rác thải nhựa. Tại Hội nghị Thượng đỉnh G7 mở rộng được tổ chức tại Canada (ngày 9/6/2018), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có sáng kiến các nước

G7 thúc đẩy hình thành cơ chế hợp tác toàn cầu về giảm chất thải nhựa để hướng tới mục tiêu các đại dương xanh, sạch, không còn rác thải nhựa. Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Canada và quốc tế triển khai sáng kiến về ngăn ngừa xả rác thải nhựa ra đại dương. Để hiện thực hóa sáng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Bộ TN&MT đã tích cực, chủ động xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương.

Phát biểu tại Hội thảo, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đánh giá cao những nỗ lực của Canada trong việc giải quyết vấn đề rác thải nhựa đại dương, đặc biệt, đóng vai trò nòng cốt, thúc đẩy để ban hành Hiến chương về rác thải nhựa đại dương, khi Canada giữ cương vị Chủ tịch của Hội nghị G7. Bộ trưởng mong rằng, các tổ chức, cá nhân cũng như cộng đồng quốc tế tiếp tục hỗ trợ, đồng hành cùng Bộ TN&MT trong cuộc chiến vì

các đại dương không còn rác thải nhựa. Bộ TN&MT cam kết sẽ nỗ lực cùng Canada và cộng đồng quốc tế hình thành những khuôn khổ hợp tác, hành động cụ thể trong việc giải quyết vấn đề rác thải nhựa đại dương, góp phần thực hiện thành công Hiến chương về rác thải nhựa đại dương.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận các vấn đề như: Hiện trạng rác thải nhựa đại dương tại Việt Nam; Bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu rác thải nhựa đại dương có thể áp dụng vào Việt Nam; Nâng cao nhận thức và các ảnh hưởng của rác thải nhựa đến môi trường biển, đại dương; Cơ chế tài chính, chính sách để đưa ra Kế hoạch hành động quốc gia phù hợp với tình hình Việt Nam; Nghiên cứu khoa học; Đẩy mạnh truyền thông và sự tham gia của phụ nữ, cộng đồng trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu rác thải nhựa đại dương. **ĐỨC ANH**



Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm môi trường trên lưu vực sông Cầu

ĐẠI TÁ NGUYỄN VĂN SÁU - Phó Cục trưởng

Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường, Bộ Công an

Lưu vực sông (LVS) Cầu là một trong những LVS lớn của Việt Nam, có vị trí địa lý đặc biệt, có nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú. Sông Cầu là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, đồng thời cũng là nơi tiếp nhận nước thải chưa qua xử lý từ các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và làng nghề... Do đó, LVS Cầu có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ trên 6 tỉnh: Bắc Cạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh và Hải Dương - nơi có dòng sông chảy qua.

Thời gian qua, các vi phạm về môi trường trên LVS Cầu chủ yếu là gây ô nhiễm nguồn nước do ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của các tổ chức, cá nhân chưa cao; các làng nghề không có biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn... Đặc biệt, lượng nước thải của các làng nghề phát sinh khối lượng lớn, không được xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường, gây ô nhiễm đến nguồn nước của LVS. Trong khi hầu hết các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Bên cạnh đó, tình trạng khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong những năm qua diễn biến phức tạp, việc khai thác cát, sỏi trên sông Cầu làm tăng độ đục và các chất lơ lửng trong nước, làm suy giảm chất lượng nước, biến đổi dòng chảy của LVS. Mật độ tàu thuyền trên sông tăng dẫn đến việc xả nước thải, rác thải sinh hoạt ra sông cũng tăng theo nồng độ ô nhiễm.

Trước thực trạng trên, Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường (C49, Bộ Công an) đã chủ động lập Kế hoạch phòng ngừa và đấu tranh đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, tổ chức nắm chắc tình hình và đấu tranh hiệu quả đối với các tổ chức và cá nhân có dấu hiệu vi phạm. Đồng thời, chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm môi trường tại các địa phương làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật BVMT, qua đó



▲ Công an huyện Bạch Thông (Bắc Cạn) kiểm tra tàu khai thác cát trái phép trên LVS Cầu

từng bước nâng cao ý thức BVMT; Tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh và chính quyền các cấp giải quyết và xử lý các điểm nóng, khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực môi trường; Phối hợp với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia BVMT như phát động phong trào Xanh - Sạch - Đẹp trong sinh viên, học sinh...

Trong giai đoạn 2016 - 2018, lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm môi trường 6 tỉnh trên LVS Cầu đã trực tiếp xử lý 228 vụ việc vi phạm về môi trường, xử lý vi phạm hành chính trên 9 tỷ đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép ra môi trường; thực hiện không đúng, không đầy đủ cam kết BVMT, báo cáo đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải nguy hại không

đúng theo quy định... Tuy nhiên, việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật trên LVS Cầu ngày một khó khăn, do phương thức, thủ đoạn của tội phạm này ngày càng tinh vi, có sự đối phó với cơ quan chức năng, đòi hỏi lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm môi trường phải áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp nghiệp vụ, huy động lực lượng và phương tiện, tổ chức theo dõi thời gian dài. Nhiều địa phương do ưu tiên phát triển kinh tế nên kêu gọi đầu tư dàn trải, cấp phép kinh doanh ồ ạt, không quan tâm đến thẩm định, đánh giá ảnh hưởng của các dự án đối với môi trường, nhất là các dự án thuộc lĩnh vực thăm dò, khai thác, nạo vét cát, sỏi trên tuyến sông Cầu. Lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về môi trường còn



hạn chế. Công tác phối hợp với lực lượng điều tra chuyên trách còn chưa chặt chẽ, kịp thời. Đội ngũ cán bộ có trình độ, hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực môi trường còn hạn chế và chưa được trang bị kịp thời các kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, gây ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của công tác đấu tranh với tội phạm về môi trường. Bên cạnh đó, hành lang pháp lý chưa đủ mạnh, dẫn đến giải quyết công việc còn gặp nhiều khó khăn...

Để tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với vi phạm pháp luật về BVMT trên LVS Cầu, trong thời gian tới, lực lượng Công an nhân dân nói chung và Cảnh sát phòng chống tội phạm môi trường nói riêng sẽ tập trung phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin về tình hình ô nhiễm môi trường trên LVS Cầu với các đơn vị có liên quan (đặc biệt là Ủy ban BVMT LVS Cầu) để có các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa có hiệu quả với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT; Tham mưu phối hợp, làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động quần chúng nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp có ý thức tự giác thực hiện nghiêm túc Luật BVMT; Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT trên LVS Cầu. Mặt khác, hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thực hiện các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn mới liên quan đến công tác phòng chống vi phạm pháp luật BVMT, thống nhất thực hiện trên toàn quốc và quy định phân công, phân cấp hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm môi trường, Công an địa phương; tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, địa phương trọng điểm trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT■

Giải bài toán tro xỉ tại các nhà máy nhiệt điện than

THANH HÀ

Bộ Khoa học và Công nghệ

Nhiệt điện là một trong những ngành phát sinh chất thải lớn, trung bình để sản xuất 1kWh điện (sử dụng nhiên liệu than cám) sẽ thải ra từ 0,9 - 1,5 kg tro, xỉ. Trên cả nước hiện có 21 nhà máy nhiệt điện đang hoạt động, với công suất gần 14.500 MW, thải khoảng 15 triệu tấn tro xỉ/năm. Dự kiến sau năm 2020, với số lượng 43 nhà máy sẽ thải ra hơn 30 triệu tấn tro xỉ/năm. Do vậy, xử lý, tái sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện là nhiệm vụ cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Tro xỉ là chất thải rắn phát sinh trong quá trình đốt than (nhiệt điện, luyện kim, sản xuất nhiên liệu...). Ở nhiều nước trên thế giới, tro xỉ than từ các nhà máy nhiệt điện được sử dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là xây dựng. Việc sử dụng rác thải công nghiệp như tro xỉ than trong xây dựng đường giao thông luôn được khuyến khích và đôi khi là một điều kiện bắt buộc. Tại Pháp, 99% tro xỉ than được tái sử dụng, tại Nhật Bản con số này là 80% và Hàn Quốc là 85%. Trong công nghiệp xi măng, tro thô được dùng để thay thế đất sét, một trong những nguyên liệu chính để sản xuất xi măng, vì tro có thành phần hóa học gần như tương tự đất sét. Chính vì vậy, ở các nước tiên tiến, bên cạnh nhà máy nhiệt điện luôn có các nhà máy xi măng để sử dụng tro xỉ than tại chỗ.

Thành phần chính của tro xỉ than gồm: Tro thô (xỉ) chiếm

25% chất vô cơ không cháy bị dính vón thành các hạt lớn và rơi xuống đáy gọi là xỉ; Tro bay chiếm 75% chất vô cơ không cháy, bay theo khói lò được thu bằng cyclon hay túi lọc tĩnh điện. Bằng các công nghệ tuyển tro bay hiện đại sẽ tuyển tro riêng biệt với tạp chất khác. Từ đó sử dụng tro xỉ này để sản xuất gạch không nung. Loại gạch này sẽ có độ cứng cao hơn nhiều lần so với các loại gạch không nung được sản xuất từ đất hay cát do độ kết dính cao và bền. Bên cạnh đó, tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện có thể làm phụ gia trong sản xuất xi măng, bê tông; làm chất liên kết gia cố các công trình giao thông; làm tấm trần, tường thạch cao, gôm sứ rất hiệu quả với tổng mức tiêu thụ có thể lên đến hàng chục triệu tấn/năm.

Bài toán về tro xỉ của nhà máy nhiệt điện đốt than đã có hướng mở khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12249:2018 "Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung" tại Quyết định số 2847/QĐ-BKHCN, ngày 28/9/2018. Đây được xem là giải pháp để tháo gỡ những lo ngại liên quan đến vấn đề môi trường của nhà máy nhiệt điện than và là bước đi nhằm cụ thể hóa Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 23/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thực hiện xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất phân bón để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng



(VLXD) và Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong các công trình xây dựng.

Tiêu chuẩn TCVN 12249:2018 áp dụng cho tro xỉ nhiệt điện đốt than sử dụng làm vật liệu san lấp trong các công trình xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật; và chỉ áp dụng đối với tro xỉ nhiệt điện đốt than đã được phân định không phải là chất thải nguy hại theo quy định. Tiêu chuẩn này cũng quy định rõ tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện phải được giám sát từ cơ sở phát thải, công tác vận chuyển, lưu giữ, xử lý vật liệu, xây dựng và trong quá trình sử dụng đảm bảo tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện được sử dụng an toàn, đáp ứng các yêu cầu môi trường.

Ngoài ra, tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu san lấp khi xuất xưởng phải ghi rõ: Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện; loại, chủng loại; khối lượng; ngày xuất; phiếu kiểm tra chất lượng vật liệu đạt chuẩn. Khi vận chuyển và bảo quản tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện cần có biện pháp che phủ tránh phát tán bụi, ảnh hưởng của nước mưa và lẫn các tạp chất có hại. Trong một số trường hợp, cần có biện pháp thích hợp để đảm bảo độ ẩm yêu cầu. Tiêu chuẩn quy định một số chỉ tiêu kỹ thuật bao gồm: Thông số ô nhiễm và mức giới hạn trong nước chiết từ tro xỉ nhiệt điện phải đáp ứng yêu cầu quy định đối với nước thải công nghiệp, độ trương nở thể tích và chỉ số hoạt độ phóng xạ an toàn. Việc tiêu chuẩn TCVN 12249:2018 được ban hành nhằm giám sát và kiểm tra chất lượng đối với tro xỉ nhiệt điện, hỗn hợp tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp, đồng thời góp phần xử lý căn bản, hiệu quả khối lượng phát thải tro xỉ từ các trung tâm nhiệt điện để đảm bảo dung tích kho bãi chứa trong hoạt động vận hành nhà máy cần đặt ra hiện nay.

Trên thực tế, tổng lượng tro, xỉ, thạch cao chỉ tiêu thụ được hơn 30% (tương đương 5 triệu tấn) so với tổng lượng thải ra hàng năm. Như vậy, 70% tồn đọng đang gây áp lực rất lớn về bãi chứa và vấn đề



▲ Gạch không nung từ tro xỉ than

BVMT. Hiện nay, một số cơ sở sản xuất VLXD đã nghiên cứu, đầu tư công nghệ để có thể sử dụng tro, xỉ, thạch cao thay thế nguyên liệu trong sản xuất VLXD không nung, sản xuất xi măng, bê tông, làm vật liệu san lấp trong các công trình xây dựng. Cụ thể, tro bay đã được dùng làm phụ gia bê tông khối lớn cho các công trình tại một số nhà máy thủy điện (Sơn La, Lai Châu, Bản Chát...) và làm phụ gia tại một số nhà máy xi măng (Hoàng Thạch với tỷ lệ trộn 14%, Sông Gianh với tỷ lệ trộn lên đến 18%). Trong xây dựng dân dụng, công nghiệp, tro bay đã được sử dụng làm phụ gia khoáng để sản xuất bê tông đầm lăn (RCC), bê tông tươi dân dụng, bê tông mác cao (thay thế 30 - 50% xi măng). Tro bay cũng được làm nguyên liệu trong sản xuất VLXD, đặc biệt là những sản phẩm mới như gạch bê tông bọt, bê tông khí chưng áp, xi măng cốt liệu...

Việc xử lý và sử dụng tro xỉ tại các nhà máy nhiệt điện sẽ giải quyết được nhiều mục tiêu như: Tiết kiệm diện tích

đất dùng làm bãi chứa thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo thêm nguồn thu từ sản phẩm đã được xử lý, tăng hiệu quả đầu tư của các dự án. Bên cạnh đó còn góp phần tiết kiệm ngoại tệ, giảm gánh nặng nhập siêu cho nền kinh tế, bởi việc tái chế sẽ tạo nguồn nguyên liệu thay thế các nguyên liệu vẫn phải nhập khẩu để làm phụ gia cho sản xuất xi măng, bê tông, xử lý đất. Đồng thời, hình thành thị trường mua bán chất thải đã được xử lý để làm nguyên liệu sản xuất VLXD. Đây là một giải pháp tạo nguồn nguyên liệu cơ bản, nhằm ổn định để phát triển bền vững cho ngành VLXD, hạn chế sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản và nhiên liệu phát thải nhiều ra môi trường gây ô nhiễm và hiệu ứng nhà kính. Để khuyến khích phát triển thị trường tiêu thụ tro, xỉ tại Việt Nam, cần có lộ trình hạn chế và tiến tới cấm sản xuất vật liệu nung; xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc thành phần kinh tế khác sử dụng sản phẩm sản xuất từ tro, xỉ■



● Quy định về bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Ngày 5/11/2018, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD), Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (ĐVNQCQH) của Bộ luật Hình sự và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Nghị quyết quy định, đối với hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQH kể từ 0 giờ 00 phút ngày 1/1/2018 nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQH có từ trước ngày 1/1/2018 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQH nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính.

Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQH của người khác nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự.

Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, ĐVNQCQH sau đó lại thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD hoặc tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVNQCQH...

● Bộ TN&MT ban hành 3 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

Ngày 14/9/2018, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 09/2018/TT-BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCKTQG) về môi trường. Ban hành kèm theo Thông tư này là 3QCKTQG, bao gồm: QCVN 65:2018/BTNMT - QCKTQG về phế liệu thủy tinh nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (NLSX); QCVN 66:2018/BTNMT - QCKTQG về phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm NLSX; QCVN 67:2018/BTNMT - QCKTQG về phế liệu xỉ hạt lò cao (xỉ hạt nhỏ, xỉ cát từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép) nhập khẩu làm NLSX.

QCVN 65:2018/BTNMT áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sử dụng phế liệu thủy tinh nhập khẩu làm NLSX; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu thủy tinh nhập khẩu làm NLSX; các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu thủy tinh từ nước ngoài. Quy chuẩn cũng quy định phế liệu thủy tinh nhập khẩu phải được loại bỏ các chất, dầu, mỡ, hóa chất, thực phẩm, vật liệu, hàng hóa cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế; Phải có mã HS thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm NLSX do Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc là các sản phẩm hỏng từ các quá trình nấu thủy tinh hoặc sản xuất các sản phẩm thủy tinh; được lựa chọn, thu hồi từ các sản phẩm thủy tinh đã qua sử dụng nhưng đã được làm sạch dầu, mỡ, hóa chất, thực phẩm.

QCVN 66:2018/BTNMT áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sử dụng phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm NLSX; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm NLSX; các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu kim loại màu từ nước ngoài. Quy chuẩn quy định về việc kiểm tra, giám định đối với lô hàng phế liệu kim loại màu nhập khẩu tại hiện trường được thực hiện bằng mắt thường đối với tất cả các công ten nơ hoặc khối hàng rời thuộc lô hàng phế liệu kim loại màu nhập khẩu; ước tính tỷ lệ tạp chất và kết hợp với thiết bị đo nhanh một số thông số đối với lô hàng phế liệu kim loại màu. Kết quả kiểm tra, giám

định tại hiện trường được xử lý theo một trong các trường hợp: Trường hợp lô hàng phế liệu kim loại màu nhập khẩu được kiểm tra, đánh giá phù hợp với Mục 2 của Quy chuẩn này, thì tổ chức giám định được chỉ định cung cấp văn bản kết quả giám định (chứng thư giám định) lô hàng phế liệu kim loại màu cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và cơ quan kiểm tra, làm căn cứ để cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng của lô hàng phế liệu kim loại màu nhập khẩu để làm thủ tục thông quan theo quy định; Trường hợp lô hàng phế liệu nhập khẩu không phù hợp với Mục 2 của Quy chuẩn này, thì tổ chức giám định được chỉ định cung cấp văn bản kết quả giám định (chứng thư giám định) lô hàng phế liệu kim loại màu cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và cơ quan kiểm tra, để tiến hành xử lý theo quy định...

QCVN 67:2018/BTNMT áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sử dụng phế liệu xỉ hạt lò cao nhập khẩu làm NLSX xi măng; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu xỉ hạt lò cao nhập khẩu làm NLSX; các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu xỉ hạt lò cao từ nước ngoài. Quy chuẩn quy định việc kiểm tra, giám định đối với lô hàng phế liệu xỉ hạt lò cao nhập khẩu được thực hiện thông qua kiểm tra bằng mắt thường hoặc kiểm tra, lấy mẫu phân tích. Cơ quan kiểm tra và tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật khi thực hiện hoạt động kiểm tra, giám định phế liệu xỉ hạt lò cao nhập khẩu phải tuân thủ quy trình kiểm tra, giám định■



Hà Nội tăng cường các giải pháp bảo vệ môi trường

NGUYỄN THANH HẰNG

Sở TN&MT Hà Nội

Thời gian qua, Hà Nội đã triển khai nhiều giải pháp quyết liệt nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) ngày càng gia tăng. Việc ban hành Nghị quyết số 11 - NQ/TU ngày 31/5/2017 của Thành ủy Hà Nội về Tăng cường công tác BVMT trên địa bàn TP đến năm 2020 và những năm tiếp theo (Nghị quyết số 11 - NQ/TU) là một trong những nội dung quan trọng thể hiện sự quyết tâm của Lãnh đạo TP. Sau hơn 1 năm thực hiện Nghị quyết, công tác BVMT của TP đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng môi trường được cải thiện, đặc biệt tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) và khu dân cư tập trung.

TẬP TRUNG GIẢM THIỂU ÔNMT, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG

Xác định tầm quan trọng của công tác BVMT, thời gian qua, UBND TP. Hà Nội đã chỉ đạo các cấp, ngành tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp BVMT trên địa bàn TP, bước đầu đạt kết quả đáng ghi nhận. Đến nay, đã có 38 Sở, ngành, quận, huyện, thị xã lập kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU. Bên cạnh công tác xây dựng thể chế, chính sách, TP còn có nhiều giải pháp cải thiện môi trường như lắp đặt và vận hành 10 trạm quan trắc tự động (gồm 2 trạm cố định và 8 trạm cảm biến). Dự kiến trong năm 2019, TP sẽ đầu tư thêm 20 trạm quan trắc không khí và phấn đấu đến năm 2030, sẽ có khoảng 70 - 80 trạm quan trắc theo quy hoạch mạng lưới quan trắc không khí đã được phê duyệt. Đồng thời, triển khai mô hình cánh đồng không đốt rơm rạ và hạn chế sử dụng bếp than tổ ong tại một số quận, huyện trên địa bàn TP. Để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí, TP cũng đã thực hiện Chương trình trồng 1 triệu cây xanh giai đoạn 2016 - 2020, đến nay, đã trồng hơn 927.000 cây, đạt 92% mục tiêu của Chương trình.

Trong khuôn khổ Đề án Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ÔNMT trên địa bàn TP giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn 2030, TP đã triển khai 6 nhóm giải pháp với 45 nhiệm vụ được thực hiện đồng bộ theo 3 giai đoạn, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để dừng hoạt động xe máy trên địa bàn các quận vào năm 2030. Bên cạnh đó, TP cũng tập trung phát triển giao thông vận tải theo hướng sử dụng phương tiện công cộng, hạn chế phương tiện cá nhân; áp dụng các công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng



▲ Nhà máy điện rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, công suất 4.000 tấn/ngày, đêm

lượng, giảm phát thải khí nhà kính...

Đặc biệt, TP đã xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng mới phát sinh trên địa bàn; đồng thời, di dời, tập trung xử lý đối với 113 cơ sở gây ÔNMT, hoặc không phù hợp với quy hoạch ra ngoài khu vực nội thành. Trong 43 CCN trên địa bàn TP đã đi vào hoạt động thì có 25 CCN đã và đang được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (XLNT) và 18 CCN chưa đầu tư xây dựng hệ thống XLNT. TP đã giao các nhà đầu tư lập hồ sơ để xuất Dự án xây

dựng hệ thống thu gom XLNT và quản lý vận hành hệ thống XLNT tại các CCN trên địa bàn TP theo phương thức xã hội hóa.

Để việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU đạt kết quả, TP đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Trong năm 2017, các cơ quan chức năng của TP đã kiểm tra, thanh tra 2.583 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính đối với 751 cơ sở, với tổng số tiền phạt là gần 18,5 tỷ đồng. Trong



6 tháng năm 2018, các cơ quan chức năng đã kiểm tra, thanh tra tại 681 cơ sở và xử lý vi phạm hành chính 159 cơ sở, với tổng số tiền phạt 5,1 tỷ đồng. Đồng thời, tiến hành rà soát, kiểm tra và xác định các “điểm đen” về ÔNMT trên địa bàn TP. Qua rà soát tại 21/30 quận, huyện, thị xã đã có 187 khu vực ô nhiễm. Sở TN&MT Hà Nội đang tiếp tục tiến hành phân loại, đánh giá chi tiết mức độ ô nhiễm tại các điểm để đề xuất phương án xử lý, khắc phục ô nhiễm.

Cùng với đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản, TP đã tích cực triển khai một số dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt có công nghệ tiên tiến. Đến nay, tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải y tế tiếp tục được nâng cao; các dự án đầu tư nhà máy đốt rác phát điện trọng điểm đang được đẩy nhanh tiến độ bảo đảm vận hành trước năm 2020 như: Nhà máy điện rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, công suất 4.000 tấn/ngày, đêm; Nhà máy xử lý rác thải Tả Thanh Oai (huyện Thanh Trì), công suất từ 2.000 - 2.500 tấn/ngày, đêm; Khu xử lý chất thải Đồng Ké (huyện Chương Mỹ), công suất dự kiến từ 1.200 - 1.500 tấn/ngày, đêm; Nhà máy xử lý chất thải rắn chuyển thành năng lượng tại Khu xử lý rác thải Xuân Sơn, công suất 1.500 tấn/ngày, đêm. UBND TP cũng đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án khí hóa rác thải sinh hoạt thành điện năng quy mô 500 tấn/ngày của Công ty TNHH Indovin Povver tại Khu xử lý rác thải Xuân Sơn. Đối với các hồ trên địa bàn, TP đã tiến hành xử lý ô nhiễm nguồn nước tại 132 hồ bằng chế phẩm Redoxy-3C; lắp đặt bè thủy sinh, máy sục khí, nạo vét bùn ở 118 hồ. Đặc biệt, TP đã triển khai cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm và nạo vét bùn hồ Tây.



▲ Người dân Thủ đô đập xe có gắn hệ thống lọc nước tại hồ Hoàng Cầu (Đống Đa)



▲ Cải tạo, nạo vét hồ Hoàn Kiếm

XÁC ĐỊNH CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU của TP. Hà Nội vẫn còn một số hạn chế: Sự phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương chưa chặt chẽ; một số đơn vị triển khai các nhiệm vụ, nhất là các dự án đầu tư, còn chậm so với tiến độ TP được giao; việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu của Nghị quyết chưa đạt yêu cầu; công tác di dời các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng gặp nhiều khó khăn; kinh phí sự nghiệp về môi trường còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu, tình hình thực tế; hoạt động thu hút nguồn vốn cải tạo các dòng sông theo hình thức BT còn hạn chế...

Trên cơ sở những kết quả đạt được và một số tồn tại, hạn chế, TP đã đề ra các nhóm giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời gian tới như: Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, đặc biệt là xây dựng chính sách đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô, trong đó, tập trung vào công tác kiểm soát và xử lý ÔNMT KCN, CCN và làng nghề; quản lý chặt chẽ

các nguồn thải gây ÔNMT không khí, nước sông, hồ... Đẩy nhanh công tác xử lý ô nhiễm nước sông Tô Lịch, Kim Ngưu và xây dựng hệ thống thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý trước khi xả vào hai sông trên và các sông Sét, Lừ, Cầu Bây; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác BVMT; huy động sự tham gia của nhân dân trong việc hạn chế, tiến tới không sử dụng bếp than tổ ong; vận động nhân dân thu gom rác thải, vệ sinh môi trường hàng tuần gắn với tham gia phong trào trồng cây xanh, trồng hoa, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Mặt khác, TP cũng sẽ tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát về môi trường; xử lý nghiêm khắc, triệt để các trường hợp vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải làm rơi vãi; đề xuất tăng mức xử phạt nặng đối với chủ cơ sở, công trình gây ÔNMT và hoàn thiện việc quy hoạch mạng lưới điểm tập kết, trung chuyển rác thải, xử lý nghiêm các trường hợp đổ đất, phế thải không đúng nơi quy định...■



Sơn La: Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng



▲ Ông Lò Minh Hùng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La chủ trì cuộc họp về công tác BVMT

Tỉnh Sơn La đã ban hành Kế hoạch BVMT năm 2018, với mục tiêu đề ra: Hỗ trợ, xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) bức xúc ở tỉnh; phòng ngừa, kiểm soát ÔNMT; tăng cường quản lý chất thải và bảo vệ đa dạng sinh học... Trong đó, nhiệm vụ ưu tiên là: Hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống xử lý đối với Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) huyện Sông Mã, Yên Châu; Xử lý dứt điểm tình trạng ÔNMT tại các cơ sở chế biến nông sản tập trung (cà phê, dong, sắn); cải tạo môi trường Bãi chôn lấp rác thải bản Khoang, xã Chiềng Ngần, TP. Sơn La...

TẬP TRUNG XỬ LÝ DỨT ĐIỂM CÁC CƠ SỞ ÔNMTNT

Trong thời gian qua, tỉnh đã tăng cường công tác quản lý về BVMT, trong đó, tập trung xử lý triệt để các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT) trên địa bàn. Các dự án sau khi được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải đã được vận hành thử nghiệm và đưa vào sử dụng, đáp ứng được yêu cầu về BVMT. Trên địa bàn tỉnh Sơn La có 16 cơ sở gây ÔNMTNT cần xử lý triệt để, trong đó hầu hết là các cơ sở y tế. Trên cơ sở tập trung các nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách Trung ương,

ngân sách địa phương, vốn vay Ngân hàng thế giới, đến hết năm 2017, tỉnh Sơn La đã hoàn thành hệ thống xử lý chất thải của 14 cơ sở, gồm: BVĐK tỉnh Sơn La; Y học cổ truyền; Lao và bệnh phổi Sơn La; Tầm Thần; Phong và Da liễu; BVĐK 9 huyện: Mai Sơn, Sốp Cộp, Bắc Yên, Phù Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mộc Châu, Mường La, Thào Nguyên Mộc Châu. Còn 2 cơ sở gây ÔNMTNT là BVĐK huyện Sông Mã và Yên Châu, tỉnh tập trung xử lý dứt điểm trong năm 2018.

BVĐK huyện Yên Châu phát sinh mỗi năm khoảng 200 kg chất thải nguy hại, không lây nhiễm; 3,6 tấn chất thải y tế lây nhiễm; khoảng 23 tấn rác thải thông thường và 1.440 m³ nước thải y tế. Dự án công trình xây dựng Hệ thống xử lý nước thải và rác thải BVĐK huyện Yên Châu đã được khởi công xây dựng vào

tháng 8/2018, với tổng kinh phí 7.331 triệu đồng. Hiện nay, Dự án đã hoàn thành phần xây dựng, lắp đặt thiết bị nuôi cấy vi sinh và đưa vào chạy thử hệ thống liên động, hướng dẫn vận hành và đưa vào sử dụng vào cuối tháng 12/2018.

Đối với BVĐK huyện Sông Mã, UBND tỉnh Sơn La đã phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và khởi công xây dựng Hệ thống xử lý nước thải y tế vào đầu tháng 10/2018. Dự án có tổng kinh phí 9.935 triệu đồng. Hiện nay, các hạng mục của Dự án đã hoàn thành phần xây dựng, lắp đặt thiết bị, nuôi cấy vi sinh, chạy thử liên động, được bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018.

TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA, XỬ LÝ CÁC CƠ SỞ CHẾ BIẾN CÀ PHÊ GÂY ÔNMT

Hiện nay, diện tích trồng cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La đạt hơn 18.500 ha, trong đó tại TP. Sơn La hơn 5.000 ha; huyện Mai Sơn hơn 6.000 ha và Thuận Châu hơn 5.000 ha. Bên cạnh những cơ sở lớn, trên địa bàn các huyện còn nhiều cơ sở nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, cá nhân. Riêng TP. Sơn La có 16 cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến hàng nông sản. Ngoài ra, còn có khoảng 40 hộ gia đình tự sơ chế sản phẩm từ vườn cà phê của gia đình bằng phương pháp ướt. Phần lớn các hộ này đều chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải.



Để phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm do các cơ sở chế biến nông sản gây ra, Sở TN&MT đã tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra công tác BVMT các cơ sở sơ chế, chế biến cà phê. Trong đợt kiểm tra từ tháng 8 - 9/2018, Đoàn đã kiểm tra 7 cơ sở sơ chế, chế biến cà phê tập trung trên địa bàn các huyện Thuận Châu, Mai Sơn và TP. Sơn La. Tại thời điểm kiểm tra, 6/7 cơ sở chưa chấp hành kết luận thanh tra và quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Sở TN&MT; không có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Đoàn đã yêu cầu các cơ sở phải xây dựng hệ thống xử lý đạt chuẩn trước khi sản xuất, sơ chế, chế biến cà phê. Đợt kiểm tra tiếp theo, từ ngày 11-12/10/2018, Đoàn đã tiến hành kiểm tra 8 cơ sở trên địa bàn xã Chiềng Đen và Chiềng Cọ (TP. Sơn La). Theo đó, Đoàn đã lập biên bản và yêu cầu dừng hoạt động với 6 hộ thu mua, sơ chế, chế biến cà phê.

Trong đợt kiểm tra, Đoàn đã tiến hành kiểm tra thực tế và làm việc với Hợp tác xã (HTX) xây dựng và phát triển nông thôn Mường Chanh. Theo HTX báo cáo, từ ngày 10/10/2018, HTX đã đổ khoảng 100 m³ vỏ cà phê, gây ÔNMT. Nước rỉ từ vỏ cà phê chưa được thu gom, chảy vào rãnh thoát nước mưa rồi chảy ra suối cạnh khuôn viên cơ sở. Đoàn kiểm tra đã yêu cầu HTX vận chuyển vỏ cà phê vào khu vực lưu chứa và thu gom nước rỉ vào hệ thống xử lý nước thải để xử lý, thực hiện thau rửa rãnh thoát nước mưa, đảm bảo không gây ÔNMT.

Trong thời gian tới, Sở TN&MT tiếp tục kiểm tra xử lý với các hành vi gây ÔNMT do

hoạt động chế biến cà phê. Cùng với đó, Sở TN&MT tỉnh đề nghị Hội Cà phê Sơn La chấp hành chủ trương của tỉnh về kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm. Về hỗ trợ xây dựng các cơ sở chế biến cà phê áp dụng phương pháp ướt, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, tỉnh giao Sở KH&CN xây dựng quy trình công nghệ xử lý phù hợp; giao Sở TN&MT xây dựng mô hình xử lý nước thải cà phê quy mô hộ gia đình.

Về cải tạo Bãi chôn lấp rác thải tại bản Khoang, xã Chiềng Ngần, TP. Sơn La, tỉnh đang tập trung nguồn lực để xử lý. Đây là bãi rác lộ thiên, có diện tích 11 ha, do Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Sơn La tiếp nhận từ năm 1999. Năm 2012, UBND tỉnh Sơn La đã triển khai Dự án xây dựng Khu xử lý chất thải rắn (CTR) TP. Sơn La tại xã Chiềng Ngần, với công suất 80 tấn rác/ngày. Khu liên hợp xử lý CTR TP chính thức đi vào hoạt động tháng

11/2014, đảm bảo việc tập kết và xử lý toàn bộ CTR trên địa bàn TP. Hiện nay, Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị đang phối hợp với chính quyền địa phương trong khu vực tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường, mức độ ô nhiễm tại các hộ gia đình gần Khu liên hợp.

Như vậy, với sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, ngành, vấn đề xử lý ÔNMT trên địa bàn tỉnh trong năm qua đã được giải quyết và được cải thiện. Để tăng cường công tác BVMT, trong thời gian tới, tỉnh sẽ triển khai các dự án, chương trình BVMT như xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, CTR, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về BVMT cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hướng dẫn các địa phương ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ xử lý chất thải, làm cơ sở thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực BVMT trên địa bàn.

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG



▲ Lò đốt chất thải rắn y tế của BVĐK huyện Phù Yên, Sơn La



Vai trò của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và những kỳ vọng cho giai đoạn tới

Sau 8 năm Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) được triển khai, đến nay, bộ mặt nông thôn đã khởi sắc rõ rệt, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao... Tuy nhiên, cả nước vẫn còn 1.750 xã chưa đạt đủ tiêu chí NTM. Những tiêu chí chưa đạt hầu hết là tiêu chí quan trọng, trong đó, môi trường vẫn là tiêu chí khó thực hiện nhất. Để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Minh Tiến - Cục trưởng, Chánh Văn phòng điều phối NTM.



▲ Ông Nguyễn Minh Tiến - Cục trưởng, Chánh Văn phòng điều phối NTM

***Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gần đến thời gian kết thúc giai đoạn 2 (2016 - 2020), trong đó, nhiều mục tiêu đã hoàn thành vượt tiến độ đề ra. Xin ông cho biết vai trò cũng như kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM nói chung và giai đoạn 2016 - 2020 nói riêng?**

Ông Nguyễn Minh Tiến: Chúng ta đã đi được chặng đường 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và 8 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM (2 giai đoạn 2010 - 2015 và 2016 - 2020). Với chủ trương đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, cùng biện pháp tích cực, đồng bộ của các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương, có thể khẳng định, đến thời điểm hiện nay, nhiều mục tiêu của Chương trình đã hoàn thành vượt tiến độ. Cả nước đã có gần 3.700 xã (chiếm khoảng 42,3% tổng số xã trên toàn quốc) đạt chuẩn NTM, 61 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Như vậy, hoàn toàn có thể đạt mục tiêu phấn đấu cả nước có 50% số xã đạt chuẩn vào cuối năm 2019, về đích trước 1 năm so với mục tiêu Nghị quyết của Đảng và Quốc hội.

Trong suốt những năm triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 1 (2010 - 2015), việc thực hiện tiêu chí môi trường gặp khó khăn, nhất là trong bối cảnh nhiều địa phương chưa thực sự quan tâm, vào cuộc. Cùng với

đó, các cơ quan quản lý môi trường lúng túng về phạm vi trách nhiệm, dẫn đến công tác triển khai thực hiện còn hạn chế. Do vậy, kết thúc giai đoạn 1, môi trường vẫn là một trong những tiêu chí có tỷ lệ xã đạt chuẩn thấp và thiếu tính bền vững (Tính đến hết tháng 4/2016, cả nước chỉ có 42,38% số xã đạt tiêu chí về môi trường trên tổng số xã trên toàn quốc).

Nguyên nhân một phần là do tiêu chí có một số nội dung chưa được lượng hoá cụ thể nên khó đánh giá; sự phân công trách nhiệm giữa các Bộ, Trung ương và địa phương, Nhà nước và người dân, người gây ô nhiễm và xã hội chưa rõ ràng...

Tháng 4/2015, tại Nam Định, liên Bộ TN&MT và NN&PTNT đã đồng chủ trì tổ chức Hội nghị "Xây dựng mô hình cộng đồng xử lý môi trường bền vững ở các xã NTM", nhằm thẳng thắn

nhìn nhận vấn đề, phân tích nguyên nhân, cũng như tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn, khắc phục tồn tại trong quá trình thực hiện tiêu chí số 17. Nhờ vậy, bước sang giai đoạn 2, nội dung môi trường trong xây dựng NTM đã được nhìn nhận hoàn toàn khác, nhất là khi Ban Chỉ đạo Trung ương đã khẳng định rõ, môi trường cùng với phát triển sản xuất và văn hoá - an ninh trật tự là 3 nội dung trọng tâm của xây dựng NTM. Đã đến lúc nông thôn Việt Nam không chỉ hài lòng với "ăn no, mặc ấm" mà phải tiến tới "ăn ngon, mặc đẹp", với những "miền quê đáng sống".

Về kết quả đạt được, đến hết tháng 9/2018, cả nước có 4.893 xã (chiếm 54,8% số xã) đạt tiêu chí 17 về môi trường. Có được thành công trên là nhờ chuyển biến trong nhận thức và quyết tâm chính trị của cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp, sự phân



công trách nhiệm, vào cuộc của tổ chức đoàn thể, sự đồng lòng, tính tự giác của người dân. Nếu có dịp về thăm bản Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ, Lai Châu), huyện Nghĩa Hưng (Nam Định), Yên Khánh (Ninh Bình), Nghi Xuân (Hà Tĩnh), Tiểu Cần (Trà Vinh), thị xã Bình Minh (Vĩnh Long)..., bạn sẽ nhận thấy rõ nét sự đổi thay của môi trường trong xây dựng NTM.

Dễ dàng nhận thấy sự đa dạng, sáng tạo trong các mô hình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt khu vực nông thôn. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, có những nơi chất thải được thu gom và xử lý tập trung hiệu quả như Bình Dương. Ở đây, chúng tôi chưa bình luận về giải pháp, công nghệ, mà chỉ trao đổi về cách làm.

Ngoài ra, không thể không nói đến tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt chuẩn ngày càng gia tăng; công tác quản lý cơ sở sản xuất, nghĩa trang, quản lý hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và an toàn thực phẩm cũng đã dần đi vào nề nếp. Có thể nói, chưa bao giờ, các quy định của pháp luật về môi trường trở nên gần gũi, thân thiết, đi vào đời sống như giai đoạn hiện nay. Từ người dân, nhất là chính quyền cấp xã đã chủ động đặt câu hỏi, đi tham quan học tập lẫn nhau để tìm hiểu và thực thi.

***Sau 8 năm triển khai, ông có nhận định/đánh giá như thế nào về những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng NTM?**

Ông Nguyễn Minh Tiến: Bài học thành công đầu tiên và quan trọng nhất là sự quan tâm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền và người dân đến môi trường không ngừng tăng lên, về vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, bao bì, tạo dựng cảnh quan, chăn nuôi sạch sẽ..., nhu cầu được sống trong môi trường trong lành, Xanh - Sạch - Đẹp cũng như ý thức trách nhiệm với môi trường... Từ sự quan tâm đó đã chuyển hoá thành ưu tiên bố trí nguồn lực, suy nghĩ tìm cách làm và vừa làm vừa học hỏi, rút kinh nghiệm.

Bài học thành công thứ hai là cách thức tổ chức thực hiện, xác định người dân là chủ thể, có giao việc, hỗ trợ, đôn đốc, kiểm tra. Tại nhiều diễn đàn tôi đã chia sẻ, tiêu chí môi trường không phải lúc nào cũng cần quá nhiều tiền nhưng phải cách làm phù hợp và sự kiên trì. Nếu dừng lại thì các thành quả sẽ



▲ Khuôn viên khu xử lý rác thải sinh hoạt ở huyện Xuân Trường (tỉnh Nam Định)

nhANH chóng biến mất. Chẳng hạn, đầu tư lò đốt hiện đại nhưng không vận hành đúng, phân loại chất thải... thì công trình đó không phát huy tác dụng. Có một số nơi, sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc đạt chuẩn NTM xong, người dân và chính quyền “buông tay”, cảnh quan, đường hoa xơ xác, ao hồ sông suối lại ngập trong rác.

Bài học thành công thứ ba là nguồn lực. Chúng ta đừng quá trông chờ vào nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, hãy biết huy động sức dân một cách hiệu quả, hợp lý, công khai, minh bạch. Cách đây 10 năm, nói đến nước sạch nông thôn là muôn vàn khó khăn và chỉ trông chờ vào ngân sách Nhà nước. Nhưng đến nay, nhiều địa phương hoàn toàn không còn phải lo phân bổ kinh phí cho hoạt động này nữa khi thị trường nước sạch nông thôn ở một số địa phương đã thu hút nguồn xã hội hóa tham gia đầu tư.

Bên cạnh những thành công, hiện vẫn còn khó khăn trong xử lý vấn đề môi trường nông thôn, cần sự quan tâm chỉ đạo, giải quyết từ các cấp chính quyền.

Thứ nhất, tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm là tiêu chí rộng, có tính liên ngành cao. Như vậy, cần phân định rõ ràng, tránh chồng chéo

cũng như bỏ lọt trách nhiệm. Từ đó mới đánh giá được hiệu quả của sự vào cuộc của các ngành trong cuộc cách mạng NTM hiện nay.

Thứ hai, cần “lời giải” cho bài toán công nghệ xử lý chất thải hiệu quả, phù hợp với điều kiện chung ở nông thôn Việt Nam. Hiện nay, nhiều nguồn lực từ Trung ương và địa phương đầu tư công trình xử lý chất thải được triển khai thực hiện, tuy nhiên, mô hình công nghệ không hợp lý, thiếu an toàn... Do đó, các Bộ/ngành cần sớm đưa ra câu trả lời cho vấn đề này, tránh sự đầu tư lãng phí.

Thứ ba, công tác chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, chế biến tập trung cần được triển khai, thực hiện theo quy hoạch. Nói đến sản xuất là phát sinh ô nhiễm, nhưng không thể tách đời sống người dân nông thôn khỏi sản xuất, nó tồn tại hàng ngàn đời nay. Như vậy, chúng ta phải định hướng loại hình nào, quy mô nào thì được hoặc không được sản xuất trong khu dân cư nông thôn. Nếu không, chẳng nỗ lực nào có thể giải quyết được.

Một điểm nữa, cần xác định trách nhiệm có tính nhân - quả đối với vấn đề môi trường. Ví dụ, về vấn đề thu gom rác thải hay nước thải, người dân, doanh nghiệp là đối tượng xả thải, nhưng lại vô



can trong xử lý, dẫn đến cứ quy hoạch khu xử lý thì xảy ra khiếu kiện. Ngược lại, không nên để người dân một khu vực chịu đựng mùi hôi do chất thải từ các khu vực khác mang tới, bên cạnh việc tôn trọng người dân địa phương, cần có các chính sách bù đắp tổn hại về sức khỏe, việc làm, thu nhập và môi trường.

★Thời gian còn lại của Chương trình không còn nhiều, liệu các mục tiêu về môi trường có đạt được và đạt được một cách bền vững không, tầm nhìn cho giai đoạn tiếp theo như thế nào, thưa ông?

Ông Nguyễn Minh Tiến: Mặc dù thời gian còn lại không nhiều, nhưng chúng tôi tin tưởng, với tiến độ, sự vào cuộc, sức lan tỏa của môi trường trong xây dựng NTM, các mục tiêu về môi trường sẽ đạt được, cụ thể là “70% số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường; 75% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh; 100% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được quản lý và sử dụng tốt”. Trong đó, thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống; Xây dựng các công trình BVMT nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; Thu gom xử lý nước thải, chất thải theo quy định; Cải tạo nghĩa trang; Xây dựng cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp; Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường

tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Với lộ trình từ nay đến năm 2020, chúng tôi mong muốn các Bộ, ngành, địa phương vào cuộc quyết liệt hơn; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện tiêu chí môi trường; huy động các nguồn lực (không chỉ từ nguồn Chương trình mục tiêu) cho các trọng tâm ưu tiên của tiêu chí là cung cấp nước sạch, xử lý chất thải rắn, khắc phục ô nhiễm tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng. Kế thừa và phát huy nhiều bài học kinh nghiệm tốt, tiếp tục tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ các mô hình, điểm sáng trên diện rộng nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng của tiêu chí tại các địa phương đã đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM như: Không ngừng việc triển khai thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, xây dựng cảnh quan, cải tạo khu

vực ô nhiễm; thu gom triệt để chất thải sinh hoạt, chăn nuôi, chất thải sản xuất phát sinh trên địa bàn nông thôn và có giải pháp xử lý phù hợp; quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến trên địa bàn, tuân thủ các quy định về môi trường...

Với tầm nhìn dài hạn sau năm 2020, các ngành chức năng có liên quan cần xác định rõ trọng tâm ưu tiên, lộ trình và cách làm phù hợp. Những thành quả của giai đoạn này là rõ nét, thể hiện một định hướng đúng, cách làm đúng. Giai đoạn sau năm 2020, cần tiếp tục củng cố hợp phần môi trường theo cả chiều rộng và chiều sâu. Với chiều rộng, cần tập trung cho các địa phương khó khăn, các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Về chiều sâu, cần củng cố chất lượng trong chính nội hàm các tiêu chí. Bên cạnh đó, có những mục tiêu lớn hơn để nâng cao chất lượng cuộc sống và quan



▲ Đường ra đồng tràn ngập hoa ở thị xã Bình Minh (tỉnh Vĩnh Long)



trọng hơn là hình thành một hệ sinh thái nông nghiệp - nông thôn bền vững, an toàn về môi trường. Trong đó, chú trọng nội dung về nước sạch; các giải pháp đồng bộ về quy hoạch và đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải phù hợp cho khu vực nông thôn; hình thành các khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sinh thái; khu vực sản xuất - chế biến tập trung xanh, cách xa khu dân cư, an toàn về môi trường; hình thành và lan tỏa các “khu dân cư kiểu mẫu”, “vườn mẫu”, “hàng rào kinh tế - sinh thái”, các tuyến đường xanh, đường hoa....; quy hoạch và đầu tư hệ thống thu gom và xử lý chất thải tập trung thân thiện, an toàn về môi trường với giải pháp công nghệ, biện pháp thu gom, phương thức quản lý hiệu quả; nâng cao tỷ lệ phân loại rác tại các hộ gia đình. Phấn đấu đến năm 2030, tại khu vực nông thôn, 100% rác thải vô cơ được thu gom và xử lý tập trung; 100% rác hữu cơ được phân loại, xử lý cho các mục đích khác nhau tại các hộ gia đình/cụm dân cư; Các loại chất thải nông nghiệp được tận thu, quay vòng tái sử dụng một cách hiệu quả, mang lại giá trị kinh tế; Hoạt động thu gom chất thải được xã hội hóa 100%.

Mong ước của những người làm NTM chúng tôi là làm sao để nông thôn Việt Nam vừa là nơi sản xuất lượng thực, thực phẩm sạch, an toàn cho toàn xã hội, vừa là vùng đệm sinh thái cho khu vực đô thị, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, là “miền quê đáng sống”, điểm đến của du khách, sự trải nghiệm về văn hóa du lịch nông nghiệp, nông dân, nông thôn... Để đạt được mong muốn nói trên, thì chất lượng môi trường là yếu tố có ý nghĩa quyết định.

★**Trân trọng cảm ơn ông!**

MAI HUƠNG (Thực hiện)

Đề xuất phương pháp xác định mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường biển và hải đảo

ThS. LẠI ĐỨC NGÂN, ThS. NGUYỄN THỊ MINH HẢI

Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Mỗi một quốc gia đều có hệ thống chính sách, quy định về BVMT, trong đó có quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm các quy định về BVMT và gây ô nhiễm môi trường. Một trong những chế tài được các quốc gia quy định là xử phạt vi phạm hành chính (VPHC), tùy thuộc vào mức độ vi phạm khác nhau và mức độ thiệt hại do hành vi gây ra mà xác định mức phạt cụ thể.

QUY ĐỊNH XÁC ĐỊNH MỨC PHẠT VPHC TRONG LĨNH VỰC BVMT TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Tại Canada, Luật Xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường SOR/2017 - 109 được xác định hành vi vi phạm dựa trên các Luật BVMT ở Nam Cực, Luật Khu bảo tồn biển quốc gia, Luật Công viên quốc gia, Luật về nước, Luật Động vật hoang dã, Luật BVMT Canada năm 1999, Luật Giá ô nhiễm khí nhà kính, Luật Cải thiện sông quốc tế, Luật công ước về di cư chim năm 1994, Luật Công viên đô thị quốc gia Rouge, Saguenay-St. Luật Công viên biển Lawrence và bảo vệ động vật, thực vật hoang dã; Quy chế Luật Thương mại quốc tế và liên tỉnh.

Tại mục 27, Luật Xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường SOR/2017 - 109 quy định mức phạt VPHC được tính bằng công thức: $W + X + Y + Z$ (W là số tiền phạt cơ bản, mức phạt ban đầu đối với một hành vi vi phạm và được xác định bằng một giá trị nhất định với từng mức độ vi phạm; X là lịch

sử của số tiền không tuân thủ (nếu có); Y là số tiền gây hại môi trường (nếu có); Z là số lợi ích kinh tế (nếu có) cho người vi phạm, bao gồm cả chi phí tài chính tránh được, số tiền lãi kinh tế).

Đối với Ôxtrâyliya, các quy định để xác định hành vi vi phạm của Luật Xử phạt VPHC cũng dựa trên các Luật Tài nguyên và môi trường, với nguyên tắc sau:

Các chỉ số liên quan để xác định mức phạt: Tính nghiêm trọng của vi phạm (xem xét ảnh hưởng của vi phạm về môi trường tới môi trường, đã xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra); Lịch sử vi phạm của người vi phạm; Các tội phạm có trách nhiệm nghiêm khắc.

Tính toán mức phạt, những yếu tố có thể tính đến khi xem xét mức phạt: Bản chất và mức độ của vi phạm; Các thiệt hại, tổn thất về môi trường đối với lợi ích cộng đồng do vi phạm; Các lợi ích về kinh tế mà cá nhân đạt được do thực hiện vi phạm; Người vi phạm đã vi phạm tương tự hay chưa; Các vấn đề có thể liên quan.

Phương trình tính toán mức phạt dân sự gồm 4 bước (Xác định



▲ Cảnh sát biển Việt Nam tiếp cận tàu chở dầu Pacific Ocean vì sang mạn trái phép dầu DO ngày 11/4/2017 tại vùng biển cách Đèo Ngang 45 hải lý về phía Đông Bắc

mức khởi điểm; Xác định mức phạt cơ sở; Xem xét các yếu tố giảm nhẹ; Các lợi ích kinh tế của bị đơn khi thực hiện vi phạm).

Xác định mức phạt khởi điểm là bước đầu tiên để tính toán mức phạt thương lượng. Mức phạt này sẽ được tính toán theo % của mức phạt tối đa được quy định theo đạo luật, có thể xếp vào 1 trong 3 nhóm sau:

Nhóm 1: Các cáo buộc về những hành vi gây hại cho môi trường (tức là các cáo buộc về phát thải gây ô nhiễm và những tác động có thể đo đếm đối với môi trường), mức phạt này tương đương 60% của mức phạt tối đa theo quy định.

Nhóm 2: Các cáo buộc về những hành vi tiềm tàng gây hại cho môi trường (bao gồm rủi ro và các mối nguy hại trong tương lai) khi các nguy hại thực tế chưa xảy ra. Đơn giản như các cáo buộc về chất ô nhiễm mà có thể giảm thiểu hay không thể đo đạc chính xác, như sự phát thải một lượng lớn SO_2 vào không khí. Những cáo buộc này nhận mức phạt tương đương 35% mức phạt cao nhất quy định trong luật.

Nhóm 3: Các cáo buộc về những VPHC không dẫn đến những nguy hại thực tế hay có khả năng gây hại đến môi trường, nhưng có rủi ro cao về nguy hại sẽ xảy ra. Đa số những cáo buộc này không liên quan đến xả thải, về cơ bản là các VPHC. Trường hợp, không thể thực hiện được

những cam kết trong ĐTM hoặc không thể cung cấp dữ liệu quan trắc, không huấn luyện đầy đủ cho nhân viên... 35% mức phạt cao nhất quy định trong Luật.

Qua nghiên cứu các quy định xử phạt hành vi VPHC trong lĩnh vực môi trường của các nước nêu trên cho thấy, việc xác định mức phạt của các mức dựa trên các nguyên tắc: Xác định mức độ tác động tới môi trường, kinh tế - xã hội từ hành vi vi phạm gây ra.

Giả sử, A: Xác định từng mức phạt cơ sở cho từng mức phạt với một số tiền nhất định; B: Xác định mức thiệt hại môi trường do hành vi vi phạm pháp luật gây ra; C: Xác định lợi ích kinh tế mà cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật đem lại cho cá nhân, tổ chức đó; D: Đối với hành vi vi phạm tái phạm nhiều lần: Xác định mức số tiền không tuân thủ trước đó. Như vậy, mức

xử phạt vi phạm hành chính có thể tính chung khái quát bằng công thức: $A+B+C+D$. Với từng yếu tố thì mỗi quốc gia có một phương pháp xác định riêng.

CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ TÍNH CÁC MỨC XỬ PHẠT VPHC TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG BIỂN Ở VIỆT NAM

Các quy định về xử phạt VPHC của Việt Nam đã được quy định hầu hết lĩnh vực, trong đó có nhiều lĩnh vực liên quan đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Đối với mỗi hành vi vi phạm đều quy định một mức tiền phạt cố định, trên thực tế khi gây ra hậu quả nghiêm trọng, mức phạt quy định trong văn bản lại còn quá ít (không đủ sức răn đe) so với lợi ích kinh tế mà tổ chức, các nhân khi vi phạm pháp luật. Qua nghiên



cứu kinh nghiệm quốc tế và thực tế thi hành các quy định xử phạt trong lĩnh vực liên quan, đề xuất cách xác định mức phạt VPHC trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo như sau:

Hiện nay, cơ sở pháp lý quan trọng xác định mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển là Luật Xử phạt VPHC năm 2012 và các văn bản dưới Luật (Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật...). Tuy nhiên, trong các văn bản nêu trên, không quy định các định mức phạt hay phương pháp xác định các định mức phạt cụ thể, chỉ quy định mức tối đa và tối thiểu của mức phạt tiền cho VPHC trong lĩnh vực quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, nhóm nghiên cứu đề xuất nguyên tắc xác định mức tiền phạt cho hành vi VPHC trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo gồm: Mức độ thiệt hại cho môi trường do hành vi vi phạm gây ra: Được xác định bằng các công thức quy định tại Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 6/1/2015 của Chính phủ quy định về thiệt hại đối với môi trường; Lợi ích kinh tế phát sinh từ hành vi vi phạm mà cá nhân, tổ chức thu được: Là số tiền thu được từ hành vi vi phạm (Trong trường hợp, đổ chất thải nguy hại xuống biển, số tiền thu được do chủ hành vi không phải bỏ ra để xử lý số chất nguy hại nói trên...); Mức phạt cơ bản để mang tính răn đe cho các hành vi phạm; Mức truy thu (đối với những đối tượng tái phạm từ 2 lần trở lên và lần trước chưa thực hiện nghĩa vụ nộp phạt). Như vậy, mức phạt sẽ được xác định như sau:

Xác định mức độ thiệt hại cho môi trường do hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Đặc thù của môi trường biển rất rộng lớn, tính khuếch tán và lan truyền, khi biển bị ô nhiễm thì các thành phần của môi trường biển đều bị ảnh hưởng (Môi trường nước; đất, hệ sinh thái). Theo quy định tại Nghị định số 03/2015/NĐ-CP, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường của một khu vực địa lý được tính theo công thức sau: $T = TN + TĐ + THST + TLBV$, trong đó: T (thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường của một khu vực địa lý); TN (thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước); TĐ (thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất); THST (thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái); TLBV (thiệt hại gây ra đối với loài được ưu tiên bảo vệ do ô nhiễm, suy thoái hoặc do bị xâm hại).

Lợi ích kinh tế phát sinh từ hành vi vi phạm mà cá nhân, tổ chức thu được: Nếu vi phạm đã dẫn đến lợi ích kinh tế cho người vi phạm, bao gồm cả chi phí tài chính tránh được, số tiền lãi kinh tế trong thời gian vi phạm. Cụ thể, đối với các lợi ích kinh tế do hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo mang đến cho các tổ chức cá nhân vi phạm: Cấp phép nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; vi phạm các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; vi phạm các quy định về cấp giấy phép nhận chìm trên biển; vi phạm các quy định về giao khu vực biển; vi phạm các quy định về quyền khai thác thông tin dữ liệu biển.

Cấp phép nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: Lợi ích kinh tế do hành vi vi phạm về nội dung này mang lại: Lệ phí cấp giấy phép cho tàu nghiên cứu biển; Việc không tuân thủ các nội dung của giấy phép; Không thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình khảo sát, nghiên cứu trên vùng biển Việt Nam.

Cấp giấy phép nhận chìm ở biển: Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi nộp hồ sơ xin cấp phép ở biển; Không thực hiện đúng theo Giấy phép nhận chìm ở biển...

Giao khu vực biển: Phí thuê mặt nước biển để sử dụng; Không thực hiện theo như quyết định giao khu vực biển mà cơ quan có thẩm quyền cấp...

Việc xác định lợi ích kinh tế phát sinh từ hành vi vi phạm mà cá nhân, tổ chức thu được sẽ được xác định cho từng

hành vi cụ thể. Ví dụ, hành vi đổ chất thải xuống biển khi chưa có giấy phép nhận chìm ở biển và chưa được giao khu vực biển để sử dụng thì lợi ích kinh tế trong trường hợp này được xác định như sau: Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển + Phí sử dụng biển và tổ chức, cá nhân đã đổ chất thải (tính cả diện tích ảnh hưởng x 30 năm).

Mức phạt cơ sở: Luật Xử phạt hành chính năm 2012 quy định, để xác định mức tối đa và tối thiểu của mức phạt tiền cho vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa, mức phạt tối thiểu 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Như vậy, mức phạt cơ sở sẽ được xác định $\geq$ mức phạt tối thiểu và $<$ mức tối đa đã được Luật Xử phạt hành chính quy định.

Để xác định được mức phạt VPHC trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cần xác định 3 yếu tố chính (Gây hại tới môi trường; lợi ích kinh tế mang lại do vi phạm các quy định; mức phạt cơ sở). Ngoài ra, một số trường hợp xác định mức truy thu đối với những đối tượng tái phạm lần 2 trở lên. Với cách xác định mức xử phạt VPHC trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nêu trên có thể tính được chính xác mức tiền phạt mà mỗi tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Nhằm tạo ra chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm đủ sức răn đe để tăng cường công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và BVMT biển và hải đảo ■



Lan tỏa tình yêu cây xanh trong cộng đồng

Những năm gần đây, việc thành lập các câu lạc bộ, tổ chức tình nguyện hoạt động BVMT đã dần dần hình thành làn sóng “sống xanh” trong giới trẻ. Với những hoạt động thiết thực như tuyên truyền BVMT, tham gia nhặt rác, trồng cây xanh, giới trẻ đã chuyển tải được những thông điệp BVMT đến với cộng đồng. Đặc biệt, mới đây, Dự án Nhà chống lũ phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã khởi động Chương trình “Hạnh phúc xanh” với mục tiêu, mỗi năm trồng ít nhất 10.000 cây xanh cho cộng đồng tại Việt Nam. Để tìm hiểu rõ hơn về Chương trình này, Phóng viên Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với bà Nguyễn Thu Lành - Quản lý Dự án Nhà chống lũ.



▲ Bà Nguyễn Thu Lành -
Quản lý Dự án Nhà chống lũ

★Bà đánh giá như thế nào về ý thức của trẻ em cũng như đoàn viên, thanh niên và toàn xã hội trong việc trồng, chăm sóc cây xanh, BVMT?

Bà Nguyễn Thu Lành: Hiện nay, tình trạng chặt phá rừng, đất trống đồi trọc cùng với sự phát triển nhanh về kinh tế, khiến con người phải thường xuyên đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường và chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai.

Để hít thở bầu không khí trong lành, sống trong môi trường sạch sẽ, không ô nhiễm, một bộ phận người dân đã chuyển hóa từ “yêu thích” thành “hành động” như trồng cây, giữ gìn hệ sinh thái, điều chỉnh lối sống giảm thiểu rác thải, sử dụng năng lượng tiết kiệm hay tham gia các hoạt động, phong trào giữ gìn môi trường. Tuy nhiên, còn một số người dân nói chung và các em học sinh, sinh viên nói riêng còn chưa có ý thức trong công tác BVMT. Điều đáng nhấn mạnh trước hết là việc giáo dục ý thức BVMT trong các nhà trường chưa được chú trọng đúng mức. Ý thức BVMT vì thế chưa hình thành rõ nét trong tầng lớp học sinh, sinh viên. Có thể nhận thấy điều này khi trực tiếp chứng kiến cảnh quan môi trường ở các trường học. Tình trạng trường học ít cây xanh hoặc không có cây xanh vẫn còn phổ biến. Ngay bên trong một số trường học, dù đã có những thùng đựng rác lớn nhưng rác vẫn vứt bừa bãi

ra môi trường. Những điểm công cộng ở gần các trường học: Nhà ga, bến xe, chợ... hiện tượng xả rác bừa bãi là khá phổ biến. Tình trạng sử dụng điện, nước lãng phí cũng đã trở nên “quen thuộc” trong các nhà trường.

Điều tôi thấy đáng mừng là nhóm cộng đồng “yêu thích” đã chuyển hóa sang “hành động” ngày càng nhiều hơn, có cách làm sáng tạo hơn. Nhưng tình trạng phá rừng, ô nhiễm môi trường đã và đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh. Do vậy, tôi nghĩ, con người cần nỗ lực nhiều hơn trong việc tự thay đổi lối sống của mình để giảm thiểu tác hại đến môi trường và truyền động lực cho những người khác cùng thay đổi theo.

★Xin bà cho biết cụ thể hơn về sứ mệnh và các hoạt động của Chương trình “Hạnh phúc xanh”?

Bà Nguyễn Thu Lành: Mỗi đứa trẻ khi sinh ra và lớn

lên cùng cây xanh, sẽ hình thành tình yêu và biết quý trọng thiên nhiên. Xây dựng lòng biết ơn, để sau này khi lớn lên chúng sẽ bảo vệ và không làm tổn hại đến cây xanh, giữ gìn môi trường sống thân thiện và bền vững. Với ý nghĩa này, Chương trình “Hạnh phúc xanh” hướng đến tạo ra cộng đồng sống xanh và có trách nhiệm, trong đó trẻ em chính là những nhân tố cốt lõi truyền tải và lan tỏa thông điệp của Chương trình.

Với thông điệp “Ai trồng cây người đó có hạnh phúc”, Chương trình Hạnh phúc xanh được khởi xướng và thực hiện bởi Dự án Nhà chống lũ và Trung tâm Tình nguyện Quốc gia (Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh). Đây là Chương trình phát triển cộng đồng được triển khai từ tháng 5/2018 và chính thức ra mắt vào tháng 10/2018. Chương trình được chia làm 3 hợp phần tiến



hành trong 3 giai đoạn bao gồm: Cây xanh đô thị (năm 2018); Cây chúc năng (năm 2018); Cây rừng (năm 2020). Trong ngày Khởi động Chương trình tổ chức tại Hà Nội và Hội An, Quảng Nam đã diễn ra nhiều hoạt động và thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, học sinh, sinh viên: Triển lãm tranh “Mầm xanh yêu thương”; Ra mắt khởi động Chương trình “Hạnh phúc xanh” và kết nạp các “chiến sĩ” Biệt đội xanh dành cho các bạn nhỏ; làm các sản phẩm thủ công từ tre và lá dừa... Đặc biệt, ngay sau Lễ khởi động, các nghệ sỹ, đoàn viên, thanh thiếu nhi và các gia đình đã tham gia trồng và tặng 1.240 cây “Hạnh phúc xanh” tại huyện Ứng Hòa, Hà Nội và 5.000 cây dương liễu phòng hộ tại bờ biển Cửa Đại (Hội An, Quảng Nam).

Hạnh phúc xanh không đơn thuần là chương trình về trồng cây, mà còn là sự kết nối với thiên nhiên. Mỗi một đứa trẻ sinh ra là một điều hạnh phúc và cây xanh tương đương với một đơn vị hạnh phúc. Cây xanh không chỉ là một cái cây cơ học, giúp cho ta bóng mát hay nhiều ôxy hơn... còn là tình yêu thương. Cùng với đó, Hạnh phúc xanh giúp kết nối tình yêu thương giữa những người trong gia đình với nhau, là sự truyền yêu thương ấy từ thế hệ này sang thế hệ khác, bố mẹ sang con cái và từ các con sang những thế hệ mai sau. Đồng thời là dấu nối giữa gia đình với cộng đồng, giữa con người và thiên nhiên, để con người biết sống hài hòa, nương tựa vào thiên nhiên và chúng ta biết trân trọng mẹ thiên nhiên.

★Được biết, Chương trình “Hạnh phúc xanh” kỳ vọng phổ biến rộng rãi chỉ số đo lường Hạnh phúc xanh (G.H.I), vậy chỉ số này là gì, thưa bà?

Bà Nguyễn Thu Lành: Hạnh phúc xanh - Green Happiness Index (G.H.I) là chỉ số đo lường hạnh phúc tương trưng, được tích lũy khi trồng cây cho cộng đồng do Chương trình “Hạnh phúc xanh” khởi xướng. Khi bạn trồng được một cây bạn sẽ tích lũy được 1 điểm G.H.I, trồng 1.000 cây sẽ tích lũy được 1.000 G.H.I. Chúng ta đang ở thời đại mà nhiều nhóm người phải đấu tranh để giữ từng hàng cây, cánh rừng khỏi sự chặt phá, con sông, bãi biển khỏi sự ô nhiễm, xâm lấn. Tôi nghĩ, khi từng người nhận ra những sự mất mát không đong đếm được từ việc khai thác cạn kiệt tự nhiên, họ sẽ nghĩ khác về thành công hay phát triển, tiền và vật chất sẽ không còn là thước đo nữa. Khi ấy “độc lập - tự do - ấm no - hạnh phúc” chính là biển vẫn sạch, cá vẫn sống, bầu trời vẫn còn không khí sạch để thở, rừng vẫn còn cây, động vật, đất



▲ Đồng đảo người dân và các em học sinh, sinh viên tham gia trồng cây tại huyện Ứng Hòa, Hà Nội

đai đồng ruộng vẫn còn cho lúa, con người vẫn còn kết nối với nhau và với tự nhiên. Đó là những ý niệm mà chúng tôi muốn gửi gắm qua chỉ số G.H.I, mà khởi đầu là bằng việc trồng một cây.

Thông qua Chương trình, trong ngắn hạn, Dự án mong muốn đưa G.H.I trở thành một chỉ số quan trọng trong việc đánh giá một cá nhân hay tập thể văn minh, sống bền vững. Trong dài hạn, Dự án mong muốn triển khai ở tất cả các vùng có nguy cơ sạt lở, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ để phát triển và phục hồi hệ thống rừng đầu nguồn có khả năng che chở, bảo vệ con người, giảm thiểu các vấn đề lũ lụt, hạn hán.

★Bà có đề xuất gì để công tác giáo dục ý thức BVMT cũng như trồng, chăm sóc cây xanh của các em học sinh đạt hiệu quả?

Bà Nguyễn Thu Lành: Để công tác giáo dục ý thức BVMT trong nhà trường mang lại hiệu quả, cần bắt đầu từ những việc làm, hành động nhỏ nhất. Chẳng hạn như làm tốt công việc trồng và chăm sóc cây xanh; vệ sinh trong và ngoài lớp sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học; thường xuyên tổ chức những “Ngày chủ nhật xanh”... Trong các

bài giảng, căn cứ vào điều kiện từng môn học cụ thể, có thể lồng ghép những kiến thức về BVMT. Việc cho học sinh, sinh viên thường xuyên tiếp xúc với những kiến thức về môi trường qua các lời giảng của giáo viên sẽ tác động trực tiếp và có tác dụng hơn so với những chương trình truyền thông khô cứng.

Đồng thời, khuyến khích học sinh tự giám sát việc BVMT và đưa ra những lời nhắc nhở, tuyên dương kịp thời. Nhà trường cũng cần dành một khoản kinh phí nhất định để đầu tư các thiết bị tiết kiệm điện, khuyến khích giáo viên, học sinh, sinh viên sử dụng năng lượng tiết kiệm, cùng với việc ban hành những quy định cụ thể về việc BVMT, giữ gìn cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp. Cần đưa ý thức BVMT thành một tiêu chí để đánh giá, xếp loại giáo viên, học sinh, sinh viên. Nâng cao ý thức BVMT trong nhà trường là một trong những biện pháp quan trọng góp phần xây dựng môi trường học đường thân thiện cũng như mang lại những lợi ích trước mắt và lâu dài.

★Xin cảm ơn bà!

VŨ NHUNG (Thực hiện)



Phát triển du lịch bền vững trên nền tảng tăng trưởng xanh

Dự thảo Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định một trong những xu thế chủ đạo của du lịch thế giới trong những thập niên tới là “Phát triển du lịch có trách nhiệm, du lịch sinh thái (DLST) và du lịch cộng đồng vừa là xu hướng vừa là đòi hỏi tất yếu đối với ngành Du lịch để đảm bảo thực hiện nguyên tắc và mục tiêu phát triển bền vững”. Đón đầu xu thế chung đó, quan điểm phát triển du lịch Việt Nam được đề ra trong Chiến lược cho giai đoạn tới: “Phát triển du lịch bền vững trên nền tảng tăng trưởng xanh là yêu cầu xuyên suốt; gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc; quản lý, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển du lịch xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu...”

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DLST

Cùng với sự tăng trưởng về số lượng du khách, nhu cầu du lịch cũng có sự thay đổi theo xu hướng: Chuyển từ tiêu dùng sản phẩm du lịch truyền thống sang du lịch kết hợp trải nghiệm, dựa trên những giá trị sáng tạo và công nghệ mới; mang tính chất thân thiện với môi trường; nghỉ ngơi, tiêu dùng các dịch vụ phục vụ sức khỏe và làm đẹp; độc đáo, mạo hiểm; Tour tự thiết kế; Lựa chọn các sản phẩm du lịch có chất lượng, mức chi tiêu cao với phương tiện hiện đại; tại chỗ trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0 thông qua “tour ảo”. Như vậy, loại hình DLST thân thiện với môi trường vẫn là xu thế chủ đạo trong phát triển du lịch thế giới trong vài thập niên tới.

Trên thế giới, DLST được khởi phát từ những năm 80 của thế kỷ 20, khi những người tham gia lĩnh vực bảo tồn, du lịch và các cộng đồng địa phương sống trong hoặc xung quanh các khu vực được bảo tồn nhận thấy mối quan tâm ngày càng tăng đối với du lịch thiên nhiên và thấy được cơ hội BVMT một cách bền vững qua hoạt động du lịch. Nhận thức được tầm quan trọng có tính toàn cầu của DLST, Liên hợp quốc đã ban hành quyết định lấy năm 2002 là Năm quốc tế về DLST và sau 10 năm, ngày 21/12/2012, Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết: “Thúc đẩy DLST nhằm xóa đói giảm nghèo và BVMT”. Theo dự báo của Hội đồng Lữ hành thế giới (WTTC), DLST là phân ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất trong hoạt động du lịch trên toàn thế giới. Đến nay, DLST trở thành một trong những loại hình du lịch phát triển nhanh, ngày càng thu hút được sự quan tâm của khách du lịch trên toàn thế

giới, bởi đó là loại hình du lịch thiên nhiên có trách nhiệm, hỗ trợ cho các mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng, đồng thời đem lại những nguồn lợi kinh tế lớn. Ở nhiều nước trên thế giới, DLST được xem như một giải pháp hữu hiệu để BVMT thông qua quá trình làm giảm sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên phục vụ nhu cầu khách du lịch, người dân địa phương.

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN DLST TẠI VIỆT NAM

Hiện nay, loại hình DLST ở nước ta bước đầu có sự phát triển đáng ghi nhận. Dưới góc độ sản phẩm, DLST đã định vị được một số sản phẩm và có thương hiệu như: Quan sát các loài thú (Cát Tiên, Phong Nha - Kẻ Bàng...); xem rùa sinh nở (Côn Đảo); tham quan các hệ sinh thái đất ngập nước, thám hiểm ở một số khu vườn quốc gia (Xuân Thủy, Cát Bà, Cúc Phương, Ba Bể, Nam Cát Tiên, Tam Nông...); trải nghiệm vùng núi cao tại Fansipan, Yên Tử; thám hiểm hang động (Phong Nha); DLST nông

ng nghiệp (Đà Lạt), tham quan miệt vườn, sông nước đồng bằng sông Cửu Long; lặn biển (Cù Lao Chàm, Nha Trang, Phú Quốc)... DLST đã có thị trường khách khá ổn định đến từ các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Ôxtrâyliia. Trong tổng số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hàng năm có khoảng 5 - 8 % tham gia vào các tour DLST tự nhiên, khoảng 40 - 45 % tham gia vào các tour tham quan - sinh thái nhân văn. Đến nay, nhiều địa phương như Vinh Phúc, Hải Phòng, Quảng Nam, Bình Thuận, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Kiên Giang... đã phê duyệt thực hiện Đề án phát triển DLST trên địa bàn. Các văn bản pháp lý như Luật Du lịch, Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam cũng đã xác định vị trí, vai trò và định hướng phát triển DLST mang ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở phát triển du lịch bền vững.

Mặc dù được đánh giá là có nhiều tiềm năng phát triển, song DLST ở Việt Nam mới ở giai đoạn khởi đầu, thể hiện qua sản phẩm DLST mới chỉ dưới hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu các hệ sinh thái,



▲ Du lịch trải nghiệm tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

quan sát đời sống động thực vật, văn hóa bản địa; chất lượng dịch vụ DLST còn hạn chế dẫn tới lợi ích mang lại còn thấp; công tác quảng bá, xúc tiến còn mờ nhạt nên chưa thu hút được nhiều khách du lịch... Nhận thức về DLST chưa được hiểu thấu đáo nên nhiều khu du lịch mang tên “sinh thái” nhưng thực tế chỉ là những khu nghỉ dưỡng, giải trí với ít nội dung giáo dục hay bảo tồn. Theo Báo cáo kiểm tra hoạt động DLST tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên (VQG/KBTTN) của Tổng cục Lâm nghiệp năm 2017, có 56/61 VQG/KBTTN tổ chức kinh doanh hoạt động DLST khi chưa có đề án phát triển DLST; 60/61 khu chưa có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Điều này dẫn tới công tác quản lý hoạt động DLST tại các VQG/KBTTN còn nhiều bất cập. Đối với các doanh nghiệp lữ hành, ít doanh nghiệp có chương trình DLST thật sự mà chỉ mang “màu sắc” sinh thái. Mặt khác, công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản, quy hoạch, đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ điều hành quản lý, hướng dẫn viên DLST còn chưa đáp ứng được nhu cầu từ

thực tế... Như vậy, để DLST phát triển đúng với tính chất và mục tiêu của nó cần có sự chuyển biến căn bản về nhận thức và cách thức vận hành trong thời gian tới.

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, DLST cần được đẩy mạnh phát triển trên cơ sở khai thác hợp lý các thế mạnh tiềm năng của tài nguyên du lịch Việt Nam. Đồng thời, cần có sự chỉ đạo, kết hợp đồng bộ ở 3 lĩnh vực chủ yếu: Chủ trương chính sách của Nhà nước, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp và sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư địa phương. Trong đó, chính sách của Nhà nước tập trung vào việc triển khai quy hoạch tổng thể phát triển DLST quốc gia, trên cơ sở đó xây dựng cho từng địa phương có tiềm năng. Quy hoạch phải đảm bảo hợp lý về không gian, cân đối về môi trường và sức chứa của điểm đến. Chính quyền địa phương cần có chế

tài nhằm giám sát các điểm tài nguyên, đầu tư cơ sở hạ tầng dẫn tới các điểm DLST, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tạo sản phẩm DLST đáp ứng nhu cầu du khách trong và ngoài nước... Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương sinh sống trong và gần các điểm DLST vào quá trình lập kế hoạch và quản lý DLST... Doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư địa phương có trách nhiệm xây dựng sản phẩm, tổ chức quản lý các hoạt động DLST và khách du lịch, quảng bá sản phẩm DLST, trong đó nhấn mạnh đến nguyên tắc phát triển DLST để giảm bớt áp lực về tài nguyên thiên nhiên, mang lại sự phát triển bền vững cho địa phương...

Có thể nói, với định hướng đã được xác định, DLST chắc chắn sẽ là tiền đề để phát triển du lịch Việt Nam bền vững■

**NHÂM HIỀN -
THANH BÌNH**



Những ý tưởng bảo vệ môi trường - Sáng kiến nhỏ, lợi ích lớn

Chế tạo ống hút bằng cỏ bàng, tái chế rác thải nhựa thành nguồn nguyên liệu cho máy in 3D, xe đạp lọc nước... là những dự án đang được các bạn trẻ nỗ lực nghiên cứu, cải tiến và đưa vào sử dụng. Các sáng chế đã nhận được sự ủng hộ của cộng đồng, từ đó, thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo của giới trẻ Việt Nam trong việc tìm ra các sản phẩm tận dụng phế liệu, góp phần hạn chế rác thải, BVMT.

TÁI CHẾ RÁC THẢI NHỰA THÀNH NGUỒN NGUYÊN LIỆU CHO MÁY IN 3D

Đó là sáng chế của bạn Nguyễn Trà Mi cùng các cộng sự Trương Bội Linh, Karl Wallkum (Đức) và một số sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, TP. Hồ Chí Minh, nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa.

Hiện nay, nguồn nguyên liệu cho máy in 3D là các hạt nhựa mới, được mua với giá khá cao (hơn 500.000 đồng/kg). Trong khi đó, Việt Nam là một trong 4 nước có lượng rác thải nhựa thải ra biển lớn nhất thế giới, công tác thu gom, tái chế rác thải nhựa vẫn còn nhiều hạn chế và chưa thực sự hiệu quả. Không những thế, khi máy in hoạt động, chỉ cần sơ suất nhỏ là cuộn nhựa bị hỏng. Trước thực tế này, nhóm nghiên cứu đã nảy sinh ý tưởng chế tạo ra loại máy có thể tận dụng những cuộn nhựa bỏ đi cũng như các loại chất thải nhựa khác trên thị trường thành sợi filament để làm nguyên liệu cho máy in 3D. Biến ý tưởng thành hiện thực, nhóm bắt tay vào chế tạo 3 loại máy: Máy cắt (cắt chất thải nhựa thành những miếng nhỏ); máy nghiền nhựa (làm tan chảy các miếng nhựa) và máy đùn sợi (tạo thành sợi filament) để biến rác thải nhựa thành sợi nhựa nguyên liệu.



▲ Nguyễn Trà Mi (thứ 4 từ phải sang) cùng các nhà sáng chế chạy thử máy biến rác thải nhựa thành sợi nhựa nguyên liệu cho máy in 3D



▲ Sản phẩm ống hút từ cỏ bàng tự nhiên của Trần Minh Tiến

Các máy này hoạt động đơn giản, vì vậy, nhóm dự kiến sẽ đặt ở nơi công cộng, trên mỗi con đường, khu phố để các gia đình có rác thải nhựa sẽ mang rác đến, tự vận hành máy làm ra sợi nhựa.

Không chỉ tái chế thành sợi filament cho máy in 3D, tùy vào từng loại với đặc tính khác nhau, rác thải nhựa có thể ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Ví dụ, vỏ chai nước có thể chế tạo ra những sợi

mỏng như sợi tóc nên nhóm đang tiến hành nghiên cứu tái chế thành tóc giả. Ngoài ra, nhóm còn mong muốn thiết kế một loại máy có khả năng cuốn những sợi nhựa thành dạng khuôn hình tròn làm đồng hồ... Với sáng kiến này, nhóm đã nhận được sự đánh giá cao và hỗ trợ thực hiện của thành viên các Fablab (công xưởng nhỏ tập trung vào lĩnh vực chế tác số). Khi Dự án hoàn thành, nhóm sẽ



▲ Các bạn trẻ thuộc Tổ chức ECO Vietnam Group đang nỗ lực để hoàn thiện mô hình xe đạp lọc nước

viết đề cương sử dụng, lắp ráp máy, phổ biến trong các trường đại học và ra mắt đại trà.

ỐNG HÚT TỪ CỎ BÀNG TỰ NHIÊN

Cũng trần trở về vấn đề rác thải nhựa, thói quen sử dụng túi ni lông, ống hút nhựa của người dân... gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tác hại cho môi trường, Trần Minh Tiến - Chủ của hàng 3T chuyên bán các sản phẩm từ tre, cỏ bàng ở huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã bỏ nghề giáo viên để bắt tay thực hiện Dự án sử dụng đồ tái chế từ thiên nhiên thay cho vật liệu nhựa. Trong đó, sản phẩm ống hút từ cỏ bàng tự nhiên, trưng bày tại Diễn đàn Khởi nghiệp nông nghiệp do Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh tổ chức đã để lại nhiều ấn tượng.

Quá trình tìm nguyên liệu để chế biến ống hút cho sản phẩm dừa tươi, Tiến đã thử nghiệm nhiều loại nguyên liệu làm ống hút khác nhau, từ cộng rau muống đến ống hút tre... nhưng cộng rau muống mềm, dễ hỏng, đôi khi còn nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; ống hút tre có giá thành quá cao (khoảng 6.000 đồng/cái), trong khi đó, cây cỏ bàng là nguồn nguyên liệu tự nhiên, mọc phổ biến tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, phù hợp để làm ống hút. Vì vậy, Tiến và nhóm bạn bắt đầu thực hiện kế hoạch làm ống hút bằng cỏ bàng.

Về quy trình sản xuất, sau khi thu gom, ống cỏ được đục bỏ các ngăn bên trong, cắt đoạn theo kích thước phù hợp, đảm

bảo không nứt vỡ, làm sạch ruột bằng dụng cụ chuyên dụng. Ngoài ống hút cỏ tươi, Tiến còn tìm cách phơi khô ống hút cỏ bàng để kéo dài thời gian sử dụng. Mỗi ống hút thành phẩm có độ dài từ 18 - 20 cm, tùy theo nhu cầu sử dụng, đường kính trong từ 4,5 - 6,5 mm, dày khoảng 0,5 - 0,8 mm. Một đầu của ống hút được cắt thẳng và 1 đầu cắt nhọn để cắm vào bình hút. Sau khi sử dụng, ống hút cỏ có thể rửa sạch và bảo quản trong tủ lạnh đến 2 tuần. Hiện tại, giá bán lẻ sản phẩm ống hút cỏ bàng dao động từ 600 - 1.000 đồng/ống.

XE ĐẠP LỌC NƯỚC

Tổ chức ECO Vietnam Group được sáng lập bởi 20 bạn trẻ, phần lớn là sinh viên tại TP. Hồ Chí Minh, được biết đến với các dự án, hoạt động vì cộng đồng, trong đó, mô hình xe

đạp lọc nước do Tổ chức phối hợp cùng nhóm sinh viên đến từ Singapo đã mang lại hiệu quả, vừa tạo ra nước lọc miễn phí cho người dân tỉnh Trà Vinh, vừa góp phần BVMT.

Xe đạp lọc nước hoạt động trên nguyên lý điện từ trường, trên xe lắp nhiều lõi đồng và nam châm ở bánh sau, khi đạp sẽ tạo ra điện dùng để lọc nước (máy lọc nước được gắn ở phần bánh sau của xe). Nguồn điện này còn được dùng cho nhiều mục đích khác như sạc điện thoại, chiếu sáng... Tuy nhiên, do các thành viên của nhóm đa số đều học ngành xã hội nên kiến thức chuyên sâu về công nghệ còn hạn chế. Hiện nhóm đang nhờ sự tư vấn, giúp đỡ của các chuyên gia để nghiên cứu tạo ra dòng điện bền vững, giúp máy lọc nước hoạt động ổn định■

NGUYỄN THỊ HOA



Lâm Đồng: Áp dụng nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường

Việc ứng dụng nông nghiệp thông minh là một trong những giải pháp cấp bách để bảo đảm an ninh lương thực và chất lượng nông sản, nhằm phục vụ nhu cầu người dân, trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn biến ngày càng khó lường. Với phương châm “đi ngay, nhanh và đúng”, cùng việc tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực, điều kiện sinh thái, Lâm Đồng đã vươn lên, trở thành tỉnh dẫn đầu cả nước trong việc áp dụng nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC), thân thiện với môi trường vào sản xuất.

Từ những năm 1990, Lâm Đồng đã xác định, NNCNC là một đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, thông qua nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao đã được hình thành và hoạt động có hiệu quả. Kết quả trong xây dựng nông thôn mới tại Lâm Đồng có đóng góp rất lớn của sản xuất nông nghiệp và đặc biệt nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đến nay, theo báo cáo của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng, 100% số xã trên địa bàn đã có đề án phát triển sản xuất được phê duyệt và đang triển khai thực hiện, tập trung vào các lĩnh vực phát triển sản xuất NNCNC đối với rau, hoa, chè, cà phê, cây đặc sản, bò sữa, cá nước lạnh... Trên cơ sở thực hiện thành công chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2004 - 2015, tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng 2025. Trong đó, xác định: “Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo đảm sự phát triển bền vững, trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, gắn với công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch”.

Tính đến cuối năm 2017, tỉnh Lâm Đồng có 51.779 ha đất sản xuất theo mô hình NNCNC, chiếm 18% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp; diện tích trồng rau là 18.968 ha, số còn lại là trồng hoa, cây đặc sản, chè, cà phê và lúa. Trong đó, có 4.040 ha nhà kính (2.070 ha



▲ Mô hình trồng rau bó xôi sạch mang về cho gia đình anh Nguyễn Văn Thi hàng tỷ đồng mỗi năm

rau, 1.970 ha hoa); 694 ha ứng dụng công nghệ điều khiển tự động, bán tự động về nhiệt độ, độ ẩm, cường độ và thời gian chiếu sáng; 19.507 ha rau, hoa ứng dụng hệ thống tưới kết hợp bón phân tự động. Nhờ đó, sản lượng xuất khẩu rau đạt 10.744 tấn, giá trị 27,7 triệu USD; hoa xuất khẩu đạt 291.4 triệu cành, giá trị đạt 34 triệu USD. Hầu hết các mô hình nông nghiệp thông minh ở Lâm Đồng đều sử dụng hệ thống cảm biến kết nối vạn vật (IoT Sensors), các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được kết nối, điều khiển tự động trong suốt quá trình sản xuất. Cùng với đó, công nghệ đèn LED sử dụng đồng bộ trong canh tác kỹ thuật cao để tối ưu hóa quá trình sinh trưởng, canh tác trong nhà kính, nhà lưới, đồng thời, sử dụng công nghệ thủy canh,

khí canh nhằm cách ly môi trường tự nhiên.

Đến nay, tỉnh Lâm Đồng có 8 doanh nghiệp được Bộ NN&PTNT công nhận là doanh nghiệp NNCNC, gồm: Công ty (CT) cổ phần Công nghệ sinh học rừng hoa Đà Lạt, CT Dalat Has Farm, CT TNHH Dịch vụ thương mại Trường Hoàng; CT TNHH Đà Lạt G.A.P, CT TNHH Hoa mặt trời, CT TNHH trang trại Langbiang, CT TNHH sản xuất - thương mại - nông sản Phong Thúy và CT TNHH Trà Long Đình. Nhờ việc mạnh dạn đầu tư máy móc, công nghệ hiện đại và tổ chức lại bộ máy sản xuất theo hướng ứng dụng NNCNC, những doanh nghiệp trên trở thành đơn vị đầu tàu trong sản xuất, kinh doanh tiêu thụ nông sản cho nông dân trên địa bàn.



Nằm cách trung tâm TP. Đà Lạt khoảng 5 km, trang trại hoa Lang Biang (Lang Biang Farm), do ông Trần Huy Đường làm chủ, chuyên sản xuất giống hoa, hoa thương phẩm, giá thể trồng hoa, rau quả an toàn... Sau 15 năm hoạt động, đến nay, CT của ông Đường đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường rau, hoa Đà Lạt. Hiện Công ty có 2 trang trại: 1 trang trại 7 ha ở TP. Đà Lạt, trồng hoa với các sản phẩm chủ lực là cẩm chướng, lay ơn, cúc nhật...; 1 trang trại nằm ở huyện Lạc Dương, có diện tích 20 ha, sản xuất dâu tây, rau quả theo tiêu chuẩn VietGAP, đồng thời, sản xuất giá thể cũng như phân bón phục vụ cho sản xuất của các trang trại trong CT và cung cấp cho nhiều hộ nông dân trong vùng. Tổng doanh thu của CT khoảng 40 - 50 tỷ đồng/năm. Chỉ riêng trang trại trồng hoa, bình quân mỗi năm cho doanh thu từ 4 - 7 tỷ đồng/ha. Thành công của ông Đường, có nguyên nhân quan trọng từ việc ông đã sớm áp dụng NNCNC vào sản xuất như trồng rau thủy canh, rau khí canh, autopot (hệ thống canh tác thủy canh cho phép phân phối nước và dinh dưỡng tự động theo nhu cầu của cây)..., đặc biệt là sử dụng công nghệ IoT (mạng lưới thiết bị kết nối Internet) trong trồng trọt. Theo đó, trong vườn sử dụng các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được kết nối và điều khiển tự động qua mạng Internet trong suốt quá trình sản xuất. Công nghệ này giúp cải thiện khí hậu trong nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất... Hiện, Langbiang Farm đang được coi là một trong

những cơ sở tiêu biểu về ứng dụng IoT vào sản xuất ở Lâm Đồng.

Ngoài ứng dụng NNCNC, ông Đường còn đầu tư phát triển mô hình du lịch nông nghiệp, bằng việc cải tạo một nhà kính chuyên sản xuất rau an toàn trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (TP. Đà Lạt), thành quán cà phê với tên gọi Green Box. Quán cà phê với thiết kế thân thiện, độc đáo, mang đậm nét của một trang trại Đà Lạt. Đến đây, thực khách được thưởng thức những ly nước ép từ dâu tây, cà chua, rau quả sạch do Langbiang Farm sản xuất. Ngoài ra, Green Box còn trưng bày những nông cụ từng gắn bó với nhà nông Đà Lạt nói riêng, Lâm Đồng nói chung, qua đó, giúp cho du khách hiểu được nghề nông truyền thống.

Dưới chân núi LangBiang, xã Lát, huyện Lạc Dương, có trang trại rau bó xôi của nông dân Nguyễn Văn Thi, mỗi năm đem về cho gia chủ hàng tỷ đồng. Ban đầu, ông Thi vừa làm, học hỏi kỹ thuật từ những người đi trước, cách chăm sóc, phát hiện bệnh, biện pháp trừ diệt mầm bệnh trên bó xôi qua mạng Internet, sau 3 tháng xuống giống, trang trại bó xôi non xanh mơn mớn dưới chân núi LangBiang bắt đầu cho thu hoạch. Tuy nhiên, giá rau xuống thấp, thương lái không mua, gia đình ông phải bán phá giá để thu hồi vốn liếng đã bỏ ra. Sau bài học này, biết không thể phụ thuộc vào thương lái và giá cả bấp bênh của thị trường, vợ chồng ông Thi quyết định đem cải bó xôi xuống TP. Hồ Chí Minh chào hàng tại các chợ đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị... Sau những lần kiên trì

chào hàng, gia đình ông Thi được cùng lúc hai hệ thống siêu thị lớn hàng đầu là BigC và Metro đặt vấn đề ký hợp đồng cung cấp rau bó xôi dài hạn. Có đầu ra lâu dài, ổn định, ông Thi mạnh dạn mở rộng diện tích bó xôi, sản xuất theo hướng công nghệ sạch. Hiện mỗi ngày, nông trại của gia đình ông Thi cho thu hoạch 7 tạ rau. Mỗi tháng, trừ mọi chi phí đầu tư thu về gần 100 triệu đồng tiền lãi. Trong nhà lúc nào cũng có hơn 10 người được ông thuê lao động quanh năm, với mức lương 4,5 triệu đồng/tháng. Với tinh thần dám nghĩ, dám làm, kiên trì học hỏi, xúc tiến mở rộng thị trường, áp dụng NNCNC, hiện nông dân Nguyễn Văn Thi đã trở thành một ông chủ của trang trại bó xôi được nhiều người biết đến.

NNCNC là một trong những giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Với hệ thống chính sách khuyến khích ngày càng được hoàn thiện cùng các điều kiện tự nhiên thuận lợi, sự quyết tâm của chính quyền địa phương, Lâm Đồng đang đứng trước cơ hội lớn để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Từ nay đến năm 2025, tỉnh sẽ tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ tại huyện Đơn Dương, gần với vùng NNCNC, thân thiện với môi trường. Trong các cơ chế khuyến khích người sản xuất tham gia vào nông nghiệp hữu cơ, tỉnh Lâm Đồng ưu tiên cho dự án đầu tư của doanh nghiệp chuyển giao cho nông dân, hỗ trợ xây dựng chuỗi ngành hàng hữu cơ... ■

ĐẶNG TOAN



▲ Vườn rau trong Green Box



Mê Linh: Đẩy mạnh phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp công nghệ cao trong xây dựng nông thôn mới

NGUYỄN MINH HẠNH

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Qua gần 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), huyện Mê Linh (TP. Hà Nội) đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Đến nay, huyện đã có 12/16 xã về đích nông thôn mới (NTM). Trong năm 2018, địa phương phấn đấu thêm 2 xã (Tam Đồng, Chu Phan), nâng tổng số xã về đích là 14/16 xã. Hiện 4 xã còn lại là Tụ Lập, Hoàng Kim, Tam Đồng, Chu Phan cơ bản đạt 16 - 18/19 tiêu chí. Để đưa các xã trên về đích NTM, huyện đã đẩy mạnh phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp công nghệ cao, góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Trong năm qua, thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU của Thành ủy về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016 - 2020”, huyện Mê Linh đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển kinh tế trang trại, hộ gia đình; đồng thời, triển khai 3 Đề án: Cơ giới hóa sản xuất trong nông nghiệp (hỗ trợ mua 48 máy gặt đập liên hợp, 3 máy cấy, 1 máy gieo hạt...); Phát triển cây vụ Đông quy mô 200 ha đậu tương và 30 ha khoai tây (hỗ trợ 100% giá trị giống) và Đề án hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu chăn nuôi từ nhỏ lẻ trong khu dân cư sang gia trại, trang trại xa khu dân cư... Đến nay, trên địa bàn huyện đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh tập trung như vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao quy mô từ 50 ha trở lên (tại các xã Tam Đồng, Liên Mạc, Kim Hoa...); vùng sản xuất rau an toàn (xã Tráng Việt 200 ha, Tiến Thắng 70 ha, Tiến Phong 90 ha...); vùng sản xuất hoa, cây cảnh (tại các xã Mê Linh với 190 ha hoa hồng, Văn Khê 110 ha hoa hồng, Đại Thịnh 20 ha hoa hồng và 60 ha hoa cúc...); vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung xa khu dân cư (Liên Mạc, Tụ Lập, Tiến Thắng...).

Ngoài ra, toàn huyện có 18 mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao (nhiều nhất



▲ Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội Ngô Thị Thanh Hằng thăm vùng trồng rau an toàn tại xã Tráng Việt (Mê Linh)

thành phố), 3 mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Huyện cũng chấp thuận chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho 227 hộ... nhờ đó, góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình. Ước tính, hiện nay, giá trị nuôi trồng thủy sản của Mê Linh đạt khoảng trên 500 triệu đồng/ha/năm, cây ăn quả đạt khoảng trên 350-400 triệu đồng/ha/năm, chăn nuôi đạt 500 triệu đồng/ha/năm.

Để có thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, huyện đã vận động các hệ thống bán lẻ, doanh nghiệp đẩy mạnh phân phối, chế biến đa dạng sản phẩm; xây dựng kế hoạch đào tạo cho người nông dân về kiến thức thị trường, xây dựng thương hiệu và đưa thành chương trình hỗ trợ nông dân, các hộ kinh doanh cá thể...

PHẦN ĐẦU ĐƯA CÁC XÃ CÒN LẠI VỀ ĐÍCH NTM

Bước vào công cuộc xây dựng NTM, năm 2010, với xuất phát điểm thấp, toàn huyện Mê Linh chỉ đạt 1 tiêu chí (an ninh trật tự), các tiêu chí còn lại đều thấp. Đến nay, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Ban chỉ đạo NTM huyện, nỗ lực của các cấp, ngành, từ huyện đến xã, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, triển khai các tiêu chí cơ sở hạ tầng trong xây dựng NTM, cải thiện thu nhập cho người dân. Tính đến hết tháng 8/2018, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện đạt 39,12 triệu đồng/người/năm; dự kiến đến cuối năm 2018 ước đạt trên 41 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn là 97,8%; tỷ lệ lao động có



việc làm qua đào tạo là 59,6%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 84,2%; tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2017 là 2,35%... Huyện đã thực hiện cứng hóa 23,5 km đường giao thông ngõ xóm; 5,5 km đường trục thôn; 4,5 km đường liên xã; 50,5 km trục chính nội đồng; xây mới 1 trạm bơm, cứng hóa 15 km kênh tưới bằng cầu kiện bê tông đúc sẵn; xây dựng 23 nhà văn hóa thôn, nâng tổng số thôn có nhà văn hóa 70/74 thôn..., góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân.

Là một trong 2 xã của huyện Mê Linh được công nhận NTM trong năm nay, xã Chu Phan được coi là điển hình thuần nông làm tốt tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, hiện xã đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 4 nhà văn hóa thôn; xây dựng 7,3 km kênh mương trục chính; cứng hóa 9/10,5 km đường giao thông nông thôn...; xây dựng mô hình đường làng, ngõ, xóm Xanh - Sạch - Đẹp...

Năm 2019, huyện cũng đề ra mục tiêu hoàn thành 2 xã NTM còn lại (Tự Lập, Hoàng Kim), phấn đấu đến năm 2020 huyện đạt chuẩn NTM, với các chỉ tiêu đề ra là 55% số trường mầm non, 85% trường tiểu học, 70% trường THCS đạt chuẩn; chợ nông thôn đạt chuẩn của Bộ Xây dựng đạt 65%; thôn, làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa 100%; gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu gia đình văn hóa đạt 95%; chất thải được thu gom và xử lý đúng quy định đạt 100%; HTX hoạt động có hiệu quả đạt 75%; Thu nhập bình quân dân cư nông thôn đạt 50 triệu/người/năm...

Để hoàn thành các chỉ tiêu trên, huyện Mê Linh cần đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường trao đổi, phối hợp để nhận được sự hỗ trợ của các quận nội thành trong xây dựng NTM, nhất là trong xây dựng trường học, nhà văn hóa; nâng cao tỷ lệ các hộ dân được sử dụng nước sạch; xử lý nước thải, chất thải; chất lượng công tác giáo dục đào tạo, y tế, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch; tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, quan tâm xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản của Mê Linh, hình thành chuỗi sản xuất khép kín từ người nông dân đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm■

Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Phong: Điểm sáng bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới

HOÀNG THỦY

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Phong (HTX Hòa Phong), huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên là một trong những HTX tiên phong trong phong trào xây dựng nông thôn mới (NTM) của tỉnh. Những năm qua, HTX không chỉ làm tốt vai trò cầu nối trong sản xuất nông nghiệp mà còn góp phần không nhỏ trong công cuộc BVMT nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP CANH TÁC MỚI

HTX Hòa Phong hiện có 2.613 hộ/5.464 xã viên, với tổng vốn kinh doanh gần 5 tỷ đồng, trong đó vốn lưu động 3,4 tỷ đồng. Hiện HTX Hòa Phong phát triển kinh doanh dịch vụ

trong sản xuất nông nghiệp đa ngành nghề như: Đầu tư tín dụng nội bộ; mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; mua bán xăng, dầu, nhớt; thu gom rác thải; sản xuất đá cây lạnh; cho thuê tài sản; mua bán lúa giống; cày đất và thu hoạch lúa; các dịch vụ hỗ trợ kinh tế hộ thành viên; điện dân dụng, khai thác khoáng sản cát, sản xuất rượu tầm và thu gom rác thải nông thôn.

Nằm trên địa bàn xã Hòa Phong, là một xã thuần nông, HTX Hòa Phong đã đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa, từ khâu làm đất, thu hoạch, thay đổi một số giống mới có năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh. Nhờ đưa phương pháp canh tác mới vào sản xuất lúa, HTX đã thực



▲ Mô hình tưới nước nhỏ giọt của HTX Hòa Phong cho cây bông vải, giúp nâng cao năng suất và BVMT



hiện thành công Chương trình 3 giảm 3 tăng, sạ hàng, sạ thưa hợp lý. Bước vào vụ mùa năm nay, hơn 80% diện tích lúa (616 ha) trên địa bàn xã Hòa Phong đã được sạ với mật độ từ 80 - 120kg giống/ha và đạt năng suất khoảng 130 tạ/ha/năm. Đồng thời, các thành viên đã áp dụng chương trình như IPM, ICM (mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao) nhằm góp phần hạn chế sâu bệnh, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động.

Trong quá trình sản xuất, nhằm giảm áp lực nguồn nước tưới trong vụ Đông Xuân, đồng thời hạn chế nguồn sâu bệnh gây hại cho cây trồng trên cùng một diện tích sản xuất, HTX đã thực hiện mô hình luân canh 2 vụ lúa, một vụ ngô hoặc kết hợp trồng bông với trồng ngô. Không chỉ mang lại giá trị kinh tế, mô hình sản xuất xen canh, tăng vụ của HTX đã giải quyết tình trạng đất sản xuất nông nghiệp bị bỏ hoang vào mùa hanh khô. Theo Ban Giám đốc HTX, vào thời điểm mùa khô, đặc biệt là trong vụ Đông Xuân, thời tiết khắc nghiệt, tình trạng thiếu nước thường xuyên xảy ra nên diện tích đất canh tác lúa phải bỏ trống. Nhiều nông dân tự chuyển đổi sang các loại cây ngắn ngày khác như: Dưa hấu, mè, đậu, rau... nhưng hiệu quả mang lại không cao. Do đó, HTX đã triển khai các mô hình trồng xen canh, luân canh lúa. Mô hình sản xuất của HTX được đánh giá cao vì phù hợp với vùng đất Hòa Phong, có thể giảm áp lực nước tưới trong vụ Đông Xuân. Ngoài ra, khi luân canh trồng bắp trên ruộng lúa có thể giảm thiểu được nguồn sâu bệnh, cải thiện môi trường đất khi sản xuất lúa ở vụ tiếp theo. Đối với bông vải, HTX Hòa Phong áp dụng mô hình tưới nước nhỏ giọt (do Trạm Bông Phú Yên - Chi nhánh Công ty Bông Nha Trang phối hợp cùng HTX Hòa Phong thực hiện) đạt hiệu quả cao. Không những năng suất bông vải tăng mà các khoản chi phí đầu tư từ phân, thuốc, nước tưới cũng giảm đáng kể.

Với hơn 30 năm phát triển, làng nghề trồng dâu nuôi tằm ở xã Hòa Phong từ lâu đã được nhiều người biết tới. Hòa Phong cũng là HTX duy nhất còn giữ được nghề trồng dâu nuôi tằm với diện tích 14 ha. Tuy nhiên, những năm gần đây, khi thời tiết thay đổi, giá trên thị trường biến động đã khiến kén tằm không còn mang lại nguồn thu nhập cao cho bà con ở đây. Nhiều hộ phải bỏ nghề, chuyển sang trồng các loại cây khác. Trước thực trạng đó, HTX Hòa Phong đã sản xuất sản phẩm

rượu tằm, mở ra hướng tiêu thụ mới, tạo cơ hội duy trì và phát triển nghề truyền thống ở địa phương. Năm 2017, sản phẩm rượu tằm của HTX chính thức có mặt trên thị trường. Hơn 1 năm qua, được sự hỗ trợ từ các chương trình xúc tiến thương mại, sản phẩm rượu tằm đã được nhiều cá nhân, tổ chức biết đến. 6 tháng đầu năm, HTX bán được 2.000 chai với giá 139.000 đồng/chai, cho doanh thu gần 300 triệu đồng. Đặc biệt, sản phẩm của HTX đã được chọn trưng bày tại Ngày hội Du lịch Phú Yên năm 2018.

ĐI ĐẦU THỰC HIỆN CÁC PHONG TRÀO BVMT TRONG XÂY DỰNG NTM

Hoạt động thu gom rác thải là nền tảng quan trọng của HTX trong việc nâng cao ý thức nhân dân và giải quyết rác thải tồn đọng. Để hoàn thành tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Ban Giám đốc HTX Hòa Phong đã thành lập dịch vụ thu gom rác thải vào tháng 6/2012. Với mục tiêu, không để rác thải không bị tồn đọng, HTX đã tiến hành thu gom 2 lần/tuần và hướng dẫn người dân phân loại rác thải. Những rác thải hữu cơ sẽ được tận dụng ủ tại nhà làm phân phục vụ sản xuất, rác thải vô cơ được vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. Hiện HTX đã thu hút được 2.361 hộ dân tham gia dịch vụ, đạt doanh thu gần 91 triệu đồng/năm. Từ khi Mô hình thu gom rác thải của HTX hoạt động, môi trường nơi đây được cải thiện rõ rệt. Trước đây, các

hộ gia đình thường tự xử lý rác thải bằng cách đốt, chôn lấp hoặc xả xuống sông, mương, đến nay, trước hoạt động tích cực của HTX, mọi người đã chủ động phân loại rác tại nguồn và để rác đúng nơi tập kết. Hiện nay, xe rác của HTX đã đến tận nhà thu gom, với phí dịch vụ 8.000 đồng/hộ/tháng nên mọi người rất hào hứng tham gia. Ngoài ra, HTX cũng vận động hội viên phối hợp cùng đoàn thể và người dân thực hiện các buổi tổng vệ sinh thường xuyên, trồng hoa, cây cảnh ven đường để làm đẹp cảnh quan xóm làng.

Ngoài ra, trong 5 năm qua, đi đầu ủng hộ phong trào xây dựng đường nông thôn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của xã Hòa Phong, HTX đã vận động các hội viên tham gia xây dựng đường giao thông nông thôn, mở rộng, nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vận chuyển nông sản, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa bàn. Nhờ đó, diện mạo các thôn của xã Hòa Phong được “thay áo mới”, nhiều con đường đã thảm bê tông, làm cho làng quê thoáng đãng, sạch, đẹp. Năm 2016, xã Hòa Phong đã được công nhận xã đạt chuẩn NTM.

Có thể nói, HTX Hòa Phong đã góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng NTM của huyện. Ngoài việc liên kết chặt chẽ với các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tăng cường công tác tuyên truyền, HTX cũng tổ chức nhiều chương trình văn nghệ, hội thi về môi trường để người dân tham gia và nâng cao nhận thức trong BVMT■



Thực trạng môi trường chăn nuôi và đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm tại tỉnh Đồng Nai

ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

Viện Địa lý nhân văn

Đồng Nai là tỉnh có số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm lớn nhất miền Đông Nam bộ và chăn nuôi lợn lớn nhất cả nước. Với tổng đàn lợn năm 2017 đạt 1,69 triệu con, chiếm 6,19% số lợn cả nước và chiếm 52,32% số lợn khu vực Đông Nam bộ; đàn gia cầm chiếm 4,92% cả nước và 45,33% khu vực Đông Nam bộ. Những năm gần đây, nhiều cơ sở chăn nuôi (CSCN) trên địa bàn phát sinh lượng lớn chất thải và nước thải chưa được xử lý được xả trực tiếp ra môi trường, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sản xuất của người dân.

BẤT CẬP TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Báo cáo tại Hội nghị giải trình về thực thi chính sách pháp luật về xử lý chất thải chăn nuôi (CTCN) của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2017 cho thấy, hiện toàn tỉnh có 109 CSCN quy mô lớn và 46.000.000 cơ sở nhỏ lẻ. Trong số các CSCN quy mô lớn đang hoạt động, có 62 cơ sở đã thực hiện xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải (XLNT) và đưa vào vận hành ổn định; 47 cơ sở đang trong giai đoạn xây dựng hệ thống xử lý. Với quy mô chăn nuôi đứng đầu cả nước nên lượng chất thải chăn nuôi phát sinh ảnh hưởng lớn đến môi trường Đồng Nai. Do đó, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chăn nuôi là vấn đề được tỉnh cũng như các địa phương quan tâm. Những biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường đều được tỉnh triển khai xuống các địa phương để các CSCN ứng dụng nhằm giảm thiểu ô nhiễm như sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý mùi hôi và ủ phân compost, chăn nuôi bằng đệm lót sinh học; ủ phân hữu cơ... Nhưng nhiều CSCN chỉ quan tâm đến lợi nhuận, chưa chú trọng đến việc áp dụng các biện pháp để bảo đảm môi trường.

Qua công tác kiểm tra về BVMT trong hoạt động chăn nuôi của Sở TM&MT tỉnh Đồng Nai cho thấy, từ đầu năm đến nay, Sở đã tiến hành kiểm tra đối với 37 CSCN lớn trong giai đoạn trước ngày 30/11/2017 chưa hoàn thành xây dựng hệ thống XLNT. Kết quả, đến nay vẫn còn 16 cơ sở chưa xây dựng hệ thống. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng mới chỉ xử lý được những trang trại chăn nuôi lớn có giấy

phép, còn đối với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ thì việc xả thải gây ô nhiễm vẫn khó kiểm soát. Đơn cử như tại những vùng có chăn nuôi phát triển thuộc địa bàn các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom... phần lớn người dân đều phản ánh về tình trạng ô nhiễm không khí, nước sông, suối. Khảo sát tại những khu vực trên, hầu hết nước suối đều bị ô nhiễm nặng do chất thải từ chăn nuôi. Kết luận mới đây của UBND huyện Thống Nhất về hiện trạng môi

trường đối với 5 trang trại chăn nuôi ở khu vực ấp Hưng Thạnh cho thấy, các trang trại đều xây dựng với quy mô vượt quá quy định cho phép từ 1,5 - 2,5 lần; Trang trại nhỏ nhưng lượng đầu lợn chăn nuôi quá lớn dẫn đến việc các công trình phụ trợ không xử lý được hết lượng chất thải; Các hồ lắng chất thải không được xây đúng kỹ thuật, để nước thải chưa xử lý thấm trực tiếp xuống đất, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm; Chất thải rắn không



▲ Chất thải chăn nuôi của hộ gia đình là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường



được xử lý, phân lộn chảy tràn ra cánh đồng, người dân không thể sản xuất, canh tác được, nhiều khu vực đất bị bỏ hoang.

Do các CSCN tự phát nằm xen lẫn trong các khu dân cư, vấn đề xử lý môi trường chưa được người dân quan tâm đúng mức, còn mang tính đối phó nên gây khó khăn cho các cơ quan quản lý. Hầu hết, các trang trại vẫn chưa thực hiện đúng các quy định BVMT, xử lý nước thải (XLNT) trong chăn nuôi. Cơ sở hạ tầng về khu chăn nuôi, khu tiêu hủy xác động vật... chưa đảm bảo so với yêu cầu. Ngoài ra, một số trang trại chăn nuôi đã áp dụng biogas trong XLNT, nhưng hệ thống biogas chưa phát huy hiệu quả; hoặc trang trại hầm không đủ khí nên không vận hành được dẫn đến tình trạng khó khăn trong XLNT. Nhiều chủ cơ sở chưa chủ động trong việc tìm hiểu các thủ tục hành chính phải thực hiện khi xây dựng trang trại và hoạt động sản xuất kinh doanh. Các CSCN cũng không có sổ sách ghi chép quá trình sản xuất chăn nuôi, không kiểm soát được xả thải ra môi trường. Nhận thức, kiến thức về chăn nuôi an toàn sinh học và vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của người dân còn chưa cao, đặc biệt đối với các hộ dân chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ, mà đối tượng này vẫn đang chiếm số lượng lớn.

Trong khi đó, Đồng Nai là tỉnh nằm tại khu vực thượng nguồn sông Đồng Nai, việc BVMT nguồn nước sông Đồng Nai được đặt lên hàng đầu, hầu hết các CSCN hiện tại bắt buộc phải XLNT chăn nuôi tại cột A, QCVN 62-MT: 2016/BTNMT nên rất ít trang trại chăn nuôi có thể đáp ứng được.

Bên cạnh đó, một số CSCN mặc dù có áp dụng biện pháp xử lý môi trường, nhưng vẫn gây ô nhiễm môi trường do các nguyên nhân như: Quy mô công trình xử lý chất thải chưa đáp ứng đủ cho lượng chất thải dẫn đến quá tải công suất xử lý; do áp dụng công nghệ chưa phù hợp. Đặc biệt, tại các trại chăn nuôi lợn không

thực hiện thu phân khô, không lọc tách phân rắn và lỏng, phát sinh các mùi hôi gây khó chịu. Tuy nhiên, hiện nay, quy chuẩn môi trường riêng về khí thải, mùi hôi cho ngành chăn nuôi chưa có nên các trại chăn nuôi gặp khó khăn trong việc lựa chọn và thực hiện giám sát các thông số khí thải, mùi hôi đặc trưng cho ngành chăn nuôi.

Về chế tài xử phạt trong quản lý môi trường chăn nuôi. Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ (Nghị định số 155) ra đời thay thế cho Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT có hiệu lực thi hành từ ngày 1/2/2017 đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác BVMT của địa phương. Tuy nhiên, việc xử phạt mang tính kỹ thuật cao, phụ thuộc nhiều vào kết quả quan trắc. Trong khi, cơ quan chức năng tại địa bàn các huyện, xã, còn hạn chế về phương tiện, thiết bị, lực lượng giám sát, thực thi pháp luật, gây khó khăn cho việc xác định đối tượng vi phạm.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để tăng cường công tác BVMT chăn nuôi, tỉnh cần rà soát tổng quy mô đàn gia súc, gia cầm để quy hoạch vùng nuôi hợp lý. Ưu tiên, sản xuất chăn nuôi công nghệ cao để giảm áp lực về môi trường, phát triển chăn nuôi theo chuỗi, hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ.

Khu vực thượng nguồn các con sông, gần khu dân cư, công trình quan trọng không bố trí quy hoạch chăn nuôi, vì sẽ ảnh hưởng đến môi trường

đất, nước không khí và sức khỏe người dân.

Thống kê đầy đủ thực trạng chăn nuôi và tình trạng phát sinh chất thải, biện pháp BVMT tại các CSCN nhỏ lẻ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đình chỉ hoạt động đối với các CSCN không thực hiện các biện pháp BVMT.

Chuyển đổi phương thức chăn nuôi với các giải pháp XLNT bằng các công nghệ phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường chăn nuôi và môi trường sống. Nghiên cứu, đánh giá toàn diện về mặt công nghệ XLNT từ hoạt động chăn nuôi; trên cơ sở đó đưa ra các quy trình công nghệ, giải pháp tổng thể về XLNT, mùi hôi trong hoạt động chăn nuôi phù hợp với thực trạng chăn nuôi để các trại lựa chọn, áp dụng.

Đề xuất ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải, mùi hôi đặc trưng cho ngành chăn nuôi tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm tra, giám sát, khí thải, mùi hôi. Sớm ban hành quy định hướng dẫn về tái sử dụng nước, nhất là tái sử dụng nước thải sau xử lý trong hoạt động chăn nuôi; biện pháp kiểm soát lưu lượng nước thải tái sử dụng.

Hỗ trợ các chính sách hiệu quả cho các đối tượng chăn nuôi. Cần vận động các chủ trang trại tiếp cận lập hồ sơ vay vốn ưu đãi từ Quỹ BVMT tỉnh để có nguồn lực tài chính xây dựng hệ thống XLNT.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi để hình thành chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm■



TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI TIÊN PHONG TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tinh luyện đường, những thách thức về môi trường mà công ty phải giải quyết là rất lớn. Tuy nhiên, với quyết tâm cao độ cùng tầm nhìn chiến lược đúng đắn, Ban lãnh đạo Công ty đã thành công trong việc xây dựng một môi trường sản xuất theo tiêu chuẩn hiện đại, xanh - sạch - đẹp, hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Là thương hiệu nổi tiếng, được người tiêu dùng trong và ngoài nước ưa chuộng suốt 50 năm qua, Nhà máy Đường Biên Hòa đã không ngừng mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, áp dụng kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

Với vốn đầu tư ban đầu hơn 14 tỷ đồng cho hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy, được xây dựng từ năm 1997 và đưa vào hoạt động từ năm 1998, do GEA Envitech B.V (Hà Lan) thiết kế và thi công. Đây là doanh nghiệp tiên phong tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 trong vấn đề bảo vệ môi trường và xử lý nước thải, với công suất xử lý 1.000 m³ nước thải/ngày đêm.

Nhờ hoạt động bảo trì và cải tiến liên tục, cho đến hôm nay, toàn bộ lượng nước thải sau khi xử lý của TTC Biên Hòa - Đồng Nai đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột A, QCVN 40:2011/ BTNMT. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải. Nước thải phát sinh được thu gom về hồ gom tập trung, sau khi xử lý một phần được tái sử dụng để tưới khu vực tiểu cảnh, cây xanh nội khu.

Về việc theo dõi chất lượng nước đầu vào và sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải: Công ty tiến hành thực hiện quan trắc chất lượng nước mỗi ngày. Năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư hơn 1 tỷ đồng cho hệ thống quan trắc nước

thải tự động, truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh.

Về vấn đề xử lý khí thải: Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý khí thải cho lò hơi đốt than có công suất 25 tấn/giờ với kinh phí đầu tư ban đầu hơn 3 tỷ đồng. Qua đó, khí thải được xử lý bằng hệ thống trang bị hoạt động đồng bộ với lò hơi, đảm bảo sau khi được xử lý đạt Loại A, QCVN 19:2009/ BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Đầu năm 2017, Công ty đầu tư hơn 1 tỷ đồng cho hệ thống quan trắc khí thải tự động, đảm bảo tính khách quan trong việc theo dõi, đánh giá chất lượng khí thải tại khu vực.

Hệ thống cây xanh chiếm hơn 20% diện tích khuôn viên có tác dụng khống chế ô nhiễm hiệu quả, tạo cảm giác dễ chịu cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy. Hằng năm, Công ty cũng chủ động phối hợp với các đơn vị có chức năng thực hiện đo đạc, quan trắc để theo dõi chất lượng không khí trong môi trường làm việc, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến trong vấn đề bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.

Đối với các nguồn thải khác như chất thải sinh hoạt, chất thải trong quá trình sản xuất, chất thải nguy hại, TTC Biên Hòa - Đồng Nai đã ban hành hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan, phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện

thu gom, phân loại và xử lý tại nguồn, bố trí khu vực lưu trữ riêng đối với từng loại chất thải, dán mã "chất thải nguy hại" theo quy định của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, đảm bảo chất thải được phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý hiệu quả nhằm giảm thiểu các tác động môi trường, phù hợp với các yêu cầu luật định, các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm và quy định về FSSC.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên, tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến nhằm giúp CBNV Công ty nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Mỗi người lao động tại TTC Biên Hòa - Đồng Nai thường xuyên áp dụng các biện pháp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên vào hoạt động sản xuất như: hạn chế in ấn, tăng cường sử dụng giấy 2 mặt, vệ sinh nơi làm việc, chăm sóc cây xanh, khơi thông rãnh nước quanh khu vực sản xuất, tiết kiệm điện... Ngoài ra, Công ty còn phát triển nguồn điện mặt trời, đóng góp một phần vào nguồn năng lượng sạch cho đất nước.

Xuất phát từ việc nhận thức được các biện pháp giảm thiểu các tác động tới môi trường và bảo vệ môi trường, đầu năm 2018, TTC Biên Hòa - Đồng Nai đã xây dựng thành công hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 được chứng nhận bởi Bureau Veritas Việt Nam - là đơn vị dẫn đầu toàn cầu trong lĩnh vực thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận.

Với việc thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu và các phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường, tuân thủ các yêu cầu từ quy định của pháp luật, TTC Biên Hòa - Đồng Nai đã nhận được nhiều chứng nhận, bằng khen của các cơ quan hữu quan ghi nhận, biểu dương về công tác bảo vệ môi trường, phát triển bền vững./

* Bài: Minh Thái - Ảnh: Công Luận



Tiểu cảnh cây xanh xung quanh khu xử lý nước thải của nhà máy



Cây xanh bên trong khuôn viên nhà máy



CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH ĐIỀN - NINH BÌNH: TIỀN PHONG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI CHO NỀN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Công ty Cổ phần Bình Điền - Ninh Bình, thành viên của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền được thành lập tháng 12 năm 2012. Là một doanh nghiệp dẫn đầu trong việc sáng tạo các giải pháp cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng, Bình Điền là đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để sản xuất ra các sản phẩm phân bón vừa nâng cao năng suất, chất lượng, vừa chống thất thoát để giảm chi phí và giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, phục vụ cho nền sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững.

Hiện nay, Bình Điền - Ninh Bình có 3 dây chuyền sản xuất bao gồm: 2 dây chuyền sản xuất các loại phân đạm bổ sung các hoạt chất tăng hiệu quả sử dụng và 1 dây chuyền sản xuất phân NPK 1 hạt. Dây chuyền sản xuất phân NPK được đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất 1 hạt theo công nghệ Urê hóa lỏng - đây là thành tựu công nghệ mới được áp dụng rộng rãi tại các nước phát triển trên thế giới. Dây chuyền được nhập khẩu đồng bộ của nước ngoài với công nghệ tiên tiến, hiện đại, thiết bị tự động hóa và thiết bị điện được nhập của hãng Schneider - Cộng hòa liên bang Đức, hệ thống xử lý bụi được thiết kế theo công nghệ trầm lắng nhằm giảm thiểu tối đa lượng bụi thoát ra môi trường.

Là một doanh nghiệp dẫn đầu trong việc sáng tạo các giải pháp cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng, trong những năm gần đây, Bình Điền đã tiên phong trong việc nghiên cứu áp dụng công nghệ xanh để sản xuất ra các sản phẩm phân bón vừa nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vừa chống thất thoát để giảm chi phí và giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

Với Hội đồng cố vấn khoa học kỹ thuật gồm các Giáo sư, Tiến sĩ hàng đầu về nông nghiệp, có quan hệ chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trường đại học để từ đó ứng dụng các tiến bộ công nghệ mới nhất ở Việt Nam cũng như trên thế giới vào sản phẩm của mình. Các sản phẩm của Bình Điền đa dạng về chủng loại, phong phú về mẫu mã, đến nay đã có hơn 100 loại sản phẩm phù hợp với từng loại đất đai và thời kỳ sinh trưởng của từng loại cây trồng. Phân bón Bình Điền cũng là đơn vị đầu tiên đưa ra các loại sản phẩm chuyên dùng phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng như: lúa, mía, cây ăn trái, rau màu, chè, ngô, lạc,... Bình Điền cũng không ngừng nghiên cứu, cải tiến công nghệ, thiết bị, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường, sắp xếp lại tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực để sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ngày càng cao hơn.

Trong sản xuất nông nghiệp, vấn đề tồn dư nitrat trong nông sản và ô nhiễm



nước bởi hàm lượng Nitrat vượt quá quy định do bón quá nhiều phân đạm gây ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường. Bình Điền kết hợp với các nhà khoa học Mỹ đã nghiên cứu và ứng dụng hoạt chất N-(n-butyl) phosphoric triamide (tên thương mại là Agrotain) để sản xuất phân đạm hạt vàng Đầu Trâu 46A+. Nhờ Agrotain ức chế men phân hủy urê, giúp giảm lượng bón 20-30% do phân bón được phân hủy từ từ, phù hợp cho nhu cầu của cây, đồng thời còn giảm được ô nhiễm do lượng đạm không bị dư thừa gây tồn dư trong nông sản cũng như nguồn đất và môi trường. Điều đó được chứng minh khi năm 2017 Bình Điền đạt giải nhì khi tham gia "Dự án sản xuất lúa bền vững và giảm khí thải nhà kính (AVERP)" do Tổ chức phát triển Hà Lan triển khai tại tỉnh Thái Bình. Dự án sử dụng phân đạm hạt vàng Đầu Trâu 46A+ và NPK Đầu Trâu + Agrotain, giúp giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường đồng thời tăng năng suất so với tập quán sản xuất lúa truyền thống.

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, Công ty thực hiện nghiêm túc các công tác bảo vệ môi trường như xây dựng bể nước cứu hỏa 6000m³ và nước sinh hoạt riêng biệt, khu xử lý chất thải sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn, khu chứa chất thải nguy hại và khu xử lý nước thải gần 500m³ với

công suất 100m³/ngày đêm. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho đời sống của cán bộ công nhân viên cũng đặc biệt được chú trọng: khu vực nhà ăn, căng tin sạch sẽ, thoáng mát, toàn bộ khuôn viên Công ty được bao bọc bởi diện tích cảnh quan, cây xanh lớn, hồ thủy tạ 1.000m², hồ nước 18.000m², cây xanh và thảm cỏ hơn 24.000m² tạo nên một không gian sống và làm việc trong lành.

Cùng với môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và chế độ phúc lợi tốt cho cán bộ công nhân viên, Bình Điền - Ninh Bình thường xuyên có những hoạt động xã hội, hỗ trợ các chương trình khuyến học, các hoạt động phong trào trong và ngoài tỉnh như: tài trợ giải bóng bàn tỉnh Ninh Bình; Quỹ học bổng vì tương lai Việt Nam; Quỹ tiếp sức đến trường; tài trợ kinh phí hoạt động của Ban Liên lạc Trung ương Hội Nông dân; Hội khuyến học tỉnh Nam Định; Chương trình Tiếp sức đến trường tại Hà Nam...

Những thành tựu đạt được là cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc thực hiện bảo vệ môi trường, Bình Điền - Ninh Bình là điểm sáng trong tiên phong ứng dụng công nghệ mới, cung cấp các sản phẩm phục vụ nông nghiệp bền vững và tăng trưởng xanh, là doanh nghiệp vì cộng đồng, là ngôi nhà thứ hai của người lao động, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước và toàn xã hội.

CHÔN LẤP CHẤT THẢI KHÔNG CÒN CHỖ ĐÚNG, ĐỒNG XỬ LÝ LÊN NGÔI

Trong khi thế giới đang hướng đến không chôn lấp chất thải thì 85% rác thải ở Việt Nam vẫn được xử lý bằng phương pháp chôn lấp truyền thống, mang đến nhiều hậu quả nghiêm trọng. Một trong những giải pháp xử lý chất thải tiên tiến được các chuyên gia đánh giá cao về tính hiệu quả và bền vững chính là phương pháp đồng xử lý.

Theo thống kê của Liên Hợp Quốc, tổng dân số thế giới đã chạm mốc 7,5 tỷ người vào năm 2017 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên đến 10 tỷ người vào năm 2056. Nhu cầu về các hệ thống xử lý chất thải hiệu quả để phục vụ cho dân số khổng lồ của thế giới đang ngày càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Đáng lưu ý là tại Việt Nam, phương pháp chôn lấp truyền thống vẫn được ưu tiên sử dụng vì đơn giản và ít tốn kém. Tuy nhiên trong thực tế, phương pháp này vẫn bộc lộ nhiều thiếu sót, gây tổn hại môi trường nặng nề đến mức các chuyên gia và các quan chức trong nước đang đề ra các kế hoạch khuyến khích chuyển đổi và sử dụng công nghệ mới thay thế.

Câu chuyện về bãi chôn lấp chất thải ở Koelliken, Thụy Sĩ là một ví dụ điển hình chứng minh cho hậu quả của công nghệ xử lý chất thải này. Được sử dụng để xử lý các loại chất thải của ngành công nghiệp hóa chất ở Thụy Sĩ từ năm 1978 đến năm 1985, bãi chôn lấp Koelliken đã làm ô nhiễm nguồn nước ngầm của khu vực, cá chết hàng loạt và bốc mùi hôi thối. Đầu năm nay, Thụy Sĩ vừa chính thức hoàn thành dự án cải tạo bãi chôn lấp này với tổng chi phí lên đến hơn 1 tỷ franc Thụy Sĩ (tương đương với 23 nghìn tỷ đồng Việt Nam), và hơn 660.000 tấn chất thải được khai quật để xử lý.

Trong thực tế, tại các nước tiên tiến với ngành công nghiệp môi trường phát triển, phương pháp chôn lấp chất thải chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ vào khoảng 10-15%. Nhiều chuyên gia dự đoán, trong tương lai phương pháp chôn lấp chất thải sẽ trở nên lạc hậu, nhường chỗ cho những công nghệ hiện đại và thân thiện hơn với môi trường.

Vào cuối tháng 11 vừa qua, công ty INSEE Ecocycle Việt Nam đã tổ chức hội nghị **"Không chôn lấp chất thải trong nền kinh tế tuần hoàn"** nhằm chỉ rõ những tác động tiêu cực của phương pháp chôn lấp chất thải truyền thống đang được các doanh nghiệp tại Việt Nam áp dụng rộng rãi. Bên cạnh đó hội nghị cũng giới thiệu khái niệm "kinh tế tuần hoàn" và công nghệ "đồng xử lý" như một giải pháp thay thế phù hợp; từ đó kêu gọi các doanh nghiệp chung tay hành động, chủ trương phát triển theo định hướng bền vững và bảo vệ môi trường.

Phát biểu trong hội nghị, ông Kare Helge Karstensen – chuyên gia khoa học đầu ngành tại Quỹ nghiên cứu khoa học và công nghiệp SINTEF tại Na Uy cho rằng Đồng xử lý chính là bước tiến xa hơn trên hệ thống phân cấp các phương thức xử lý chất thải so với chôn lấp hay đốt chất thải. Sự khác biệt quan trọng nhất so với các công nghệ xử lý chất thải khác là đồng xử lý không chỉ thu hồi năng lượng mà còn tái tạo nguyên liệu để sản xuất xi măng. Khi được xử lý trong lò nung xi măng với nhiệt độ lên đến 2.000°C và thời gian lưu cháy lâu, các hợp chất hữu cơ sẽ bị tiêu hủy hoàn toàn, còn các hợp chất vô cơ sẽ được



Ông Philippe Richart, tổng giám đốc công ty INSEE Việt Nam

kết hợp vào thành phần của clinker để sản xuất xi măng. Quá trình xử lý đem lại hiệu quả tối đa đối với cả chất thải lỏng, như dung môi hoặc bùn từ các nhà máy nước thải, cũng như đối với chất thải rắn, chẳng hạn như nhựa hoặc cao su. Công nghệ đồng xử lý giúp giảm bớt sự phụ thuộc của sản xuất công nghiệp vào nhiên liệu hóa thạch, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và làm giảm phát thải khí nhà kính. Đây là công nghệ được toàn thế giới công nhận là một trong những giải pháp bền vững nhất để xử lý chất thải không thể tái chế và được nhiều tổ chức quốc tế như Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới về Phát triển bền vững, Công ước Basel, Hiệp hội Xi măng châu Âu... khuyến khích áp dụng.

Hiện nay, tại Việt Nam, công nghệ đồng xử lý trong lò nung xi măng được cung cấp và phát triển bởi công ty INSEE Ecocycle. Trong suốt 10 năm hoạt động, INSEE Ecocycle đã xử lý an toàn, triệt để hơn 1.000.000 tấn chất thải, giảm hơn 1.000.000 tấn khí thải nhà kính cho hơn 250 đối tác là các tập đoàn lớn trong các ngành công nghiệp khác nhau tại Việt Nam. "INSEE Việt Nam đã đầu tư gần 900 tỷ đồng vào các giải pháp xử lý chất thải trong suốt 10 năm qua. Sự tin tưởng của khách hàng đã tạo động lực cho chúng tôi liên tục cải thiện dịch vụ cũng như đầu tư vào các thiết bị và quy trình hiện đại. Chúng tôi tin rằng thế giới sẽ trở nên tốt đẹp hơn nếu mọi thứ chúng ta tạo ra đều góp phần làm cuộc sống thêm phần đáng sống." – ông Philippe Richart, tổng giám đốc công ty INSEE Việt Nam phát biểu tại hội nghị.

Trong tương lai, Việt Nam và các doanh nghiệp trong nước cần học hỏi từ những quốc gia đi trước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để hạn chế những hậu quả của phương pháp chôn lấp chất thải cũng như tập trung phát triển và nhân rộng những mô hình xử lý chất thải hiện đại hơn.

Viglacera lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh: “Thương hiệu Quốc gia”

Đây là lần thứ 4 liên tiếp, năm 2018 Tổng công ty Viglacera – CTCP lại được xướng tên với danh vị “Thương hiệu Quốc gia 2018”. Thành quả này tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc của Tổng công ty Viglacera – CTCP – doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Sản xuất vật liệu xây dựng và Phát triển bất động sản tại Việt Nam

Ngày 20/12/2018, tại Hà Nội đã diễn ra “Lễ công bố các thương hiệu sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia 2018”, do Hội đồng Thương hiệu Quốc gia và Bộ Công Thương tổ chức. Chương trình được truyền hình trực tiếp trên sóng của Đài Truyền hình Việt Nam VTV2 từ Nhà hát lớn Hà Nội.



Trước khi buổi Lễ vinh danh “Thương hiệu Quốc gia” diễn ra, ông Nguyễn Minh Tuấn đại diện Tổng công ty Viglacera – CTCP đã tham dự buổi tiếp kiến Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc.

Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 253/2003/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2003, giao Bộ Công Thương là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm phối hợp với các Bộ, Ngành triển khai. Thương hiệu Quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam tiến hành với mục đích quảng bá hình ảnh quốc gia, thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm. Biểu trưng cho Thương hiệu quốc gia có tựa đề “Giá trị Việt Nam – Vietnam Value” được trao cho các sản phẩm đã có thương hiệu riêng, đáp ứng được các tiêu chí do Chương trình quy định. Các doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia đã và đang phát huy kết quả đạt được để tiếp tục theo đuổi các giá trị của chương trình là Chất lượng – Đổi mới, Sáng tạo – Năng lực tiên phong.

Để đạt được danh vị “Thương hiệu Quốc gia 2018” lần thứ 4 liên tiếp, trong nhiều năm qua, Tổng công ty Viglacera – CTCP đã luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD và luôn giữ vai trò dẫn đầu trong ngành vật liệu xây dựng Việt Nam. Mỗi thương hiệu cần có một thế mạnh hay ưu thế nhất định để cạnh tranh trên thị trường, và với Viglacera đó là sự cam kết về chất lượng sản phẩm, kết hợp với tiêu chí “Xanh” theo định hướng của Chính phủ trong giai đoạn mới: các sản phẩm VLXD của Viglacera luôn được nghiên cứu phát triển trên nền

tăng tích hợp các tính năng: thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, bên cạnh những cơ hội từ những hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết cũng như đang đàm phán với các đối tác quốc tế, thì cũng có nhiều thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam. Tổng công ty Viglacera – CTCP đã thực hiện nhiều giải pháp hợp tác, xúc tiến thương mại, xây dựng quan hệ tốt đẹp với đối tác, khách hàng nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và quảng bá hình ảnh thương hiệu Viglacera đến bạn bè trong khu vực và trên toàn thế giới.

Tổng công ty Viglacera – CTCP định hướng chất lượng ngay tại thị trường trong nước để làm bàn đạp tấn công mạnh mẽ thị trường nước ngoài. Ngoài việc tập trung vào cuộc cách mạng khoa học công nghệ xanh trong ngành sản xuất VLXD bằng việc đầu tư, sản xuất và nâng cao chất lượng các sản phẩm VLXD thân thiện với môi trường, về thị trường, Viglacera chọn những thị trường trọng tâm và đầu tư có chọn lọc, chú trọng những thị trường mục tiêu giàu tiềm năng như Cuba, Hàn Quốc, Nhật Bản... Hiện tại, sản phẩm của Viglacera đang được cung cấp, tiêu thụ ở hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, được các bạn hàng tin tưởng và đánh giá cao về mẫu mã, về chất lượng sản phẩm.

Những kết quả và đóng góp to lớn đối với ngành vật liệu xây dựng, với xã hội đã phần nào tạo nên giá trị thương hiệu của Viglacera. Với những bước tiến vững chắc, Tổng công ty VIGLACERA sẽ tiếp tục nỗ lực và phấn đấu nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam, phát triển nhanh chóng và bền vững để từng bước khẳng định vị thế trên trường quốc tế.



Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Công thương Trần Tuấn Anh trao Biểu trưng “Thương hiệu Quốc gia năm 2018” cho Phó Tổng giám đốc Nguyễn Minh Tuấn - đại diện Tổng công ty Viglacera – CTCP

Công ty TNHH SX-TM-DV Môi Trường Việt Xanh (VXCO) phần đầu luôn là một thành viên tích cực trong công tác bảo vệ môi trường. Việt Xanh liên tục phát triển với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ học thức, kỹ năng chuyên môn và xây dựng được bản sắc riêng. Giải pháp VXCO đưa ra giúp doanh nghiệp đảm bảo các yêu cầu và tiêu chuẩn về môi trường đối với các sản phẩm hàng hóa của mình với chi phí hợp lý, góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường cho doanh nghiệp.

VXCO đồng hành cùng doanh nghiệp để giải quyết khó khăn trong công tác bảo vệ môi trường, nâng tầm thương hiệu và phát triển thị trường của doanh nghiệp.

VXCO trở thành công ty đầu tiên mà khách hàng lựa chọn khi sử dụng các dịch vụ môi trường.

Với nội lực như trên, VXCO tự tin mang đến cho khách hàng các giá trị:

- Tiết kiệm thời gian, chi phí.
- Uy tín và hình ảnh được nâng cao, góp phần mở rộng thị trường.
- Sự an tâm trong quá trình hợp tác với chính sách chi phí ổn định.
- Sự tôn trọng tuyệt đối từ VXCO.



Cấp vàng vì sự nghiệp BVMT



Chúc Mừng Năm Mới 2019 - Cùng Chúc Tôn Xuân An Khỏe Thịnh Vượng




EVNTPC NINH BÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 01 A, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0229 2210537 - Fax: 0229 3873762

Email: nbtpc@yahoo.com.vn - www.nbtpc.com.vn

Lĩnh vực hoạt động chính của công ty:

- ✓ Sản xuất Điện.
- ✓ Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, thí nghiệm, hiệu chỉnh, thiết bị điện, nhiệt, cơ và các công trình kiến trúc của nhà máy điện.
- ✓ Hàn tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, sửa chữa thiết bị nhà máy điện.
- ✓ Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- ✓ Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp.
- ✓ Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện.
- ✓ Sản xuất dĩa đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng.
- ✓ Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN
TÂN AN - PHƯỜNG MÔNG DƯƠNG - HUYỆN MÔNG DƯƠNG - TỈNH QUẢNG NINH



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033 3868271 - Fax: 033 3868276 - Email: thanmongduongvnc@gmail.com

Ngành nghề sản xuất kinh của Công ty:

Sản xuất, chế biến, kinh doanh than và các khoáng sản khác, chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và sản phẩm cơ khí khác, vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển, tư vấn mỏ và công nghiệp, xây dựng công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng, giao thông và san lấp mặt bằng, sản xuất vật liệu xây dựng, quản lý, khai thác cảng và bến đò, kinh doanh hạ tầng và bất động sản... Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định.

Chúc Mừng Năm Mới 2019 - Mừng Xuân Kỷ Hợi

Chúc Mừng Năm Mới 2019 - Mừng Xuân Kỷ Hợi



CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG CẦN THƠ - HẬU GIANG

📍 Cụm CN Tập Trung Phú Hữu A, Giai Đoạn 3, TT. Mai Lâm, H. Châu Thành, T. Hậu Giang

☎ Dịch vụ khách hàng: 0293 650 66 99 Hotline: 0971 550 247



Doanh nghiệp đồng hành cùng sự phát triển của tỉnh Hậu Giang

Với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất, gia tăng sức mạnh cạnh tranh của thương hiệu đáp ứng nhu cầu của thị trường, năm 2009, Cantcimex Group đã rẽ lối sang đầu tư thêm nhà máy Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang và Bê tông CCM tại cụm công nghiệp tập trung tại xã Phú Hữu A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, do trước đây Bộ Xây dựng đã có ý kiến yêu cầu UBND tỉnh Hậu Giang xem xét thu hồi giấy phép đầu tư đối với dự án nhà máy Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang vì dự án không gắn với cơ sở sản xuất clinker trong nước theo Quy hoạch phát triển Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Điều này đã khiến doanh nghiệp khó khăn về tài chính vì bỏ hàng vào hàng ngàn tỉ đồng.

Thế nhưng, trước sự hỗ trợ của tỉnh, cùng với sự quyết liệt của công ty, vào cuối năm 2016, Cantcimex Group đã đưa vào hoạt động Nhà máy Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang và Bê tông CCM. Nhà máy sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại nhập từ Đức, Nhật và Trung Quốc với công suất thiết kế 1,5 triệu tấn/năm; giai đoạn 1 là 500.000 tấn/năm. Ông Thái Minh Thuyết, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang, cho biết: "Với công nghệ hiện đại, Nhà máy Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang thuộc thế hệ mới và hiện đại nhất hiện nay. Phương châm của chúng tôi là luôn hướng đến chất lượng sản phẩm vượt trội, chất lượng được đảm bảo đầu tư với dây chuyền sản xuất xi măng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn đảm bảo tốt với môi trường".

Các sản phẩm Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang đều được sản xuất trên hệ thống máy móc, dây chuyền công nghệ hiện đại tự động hóa 100%, theo đúng quy trình kỹ thuật, kiểm soát và quản lý tiêu chuẩn chất lượng chặt chẽ từ khâu đầu vào cho đến đầu ra. Hướng đến kinh doanh hiệu quả, bền vững và sản xuất sạch hơn, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, Công ty Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang còn triển khai

thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 14001, hướng tới một môi trường xanh, sạch, đẹp, trong lành. Đó cũng chính là lý do thương hiệu Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang luôn chiếm được niềm tin và sự ủng hộ của người tiêu dùng, trở thành người bạn đồng hành tin cậy của mọi công trình xây dựng. Từ đầu năm đến nay, sản lượng tiêu thụ xi măng của toàn hệ thống công ty đạt 900.000 tấn bằng 150% so với năm 2017. Hệ thống phân phối ngày càng mở rộng với trên 25 nhà phân phối trải dài từ Bình Thuận cho đến Cà Mau, góp phần làm bình ổn thị trường xi măng khu vực phía Nam và trên cả nước.



Hiện tại, Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang đã và đang dồn lực đầu tư mở rộng giai đoạn 2. Theo ông Thuyết, mở rộng không có nghĩa là đầu tư thêm gia tăng ô nhiễm môi trường. Mà mở rộng chính là vừa sản xuất vừa bảo vệ môi trường. Nói rõ hơn, có nghĩa khi vào hoạt động dây chuyền mới thì dây chuyền cũ sẽ ngưng hoạt động và tiến hành cải tiến kỹ thuật với mục tiêu dây chuyền sau tốt hơn dây chuyền trước, góp phần tạo ra sự chủ động trong sản xuất và đảm bảo môi trường. "Phương châm của chúng tôi là sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường" - ông Thuyết khẳng định.



***Nhân dịp xuân Kỷ Hợi 2019 Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang xin kính chúc Quý đối tác, Quý khách hàng
An Khang - Thịnh vượng - Hạnh Phúc - Thành công***



CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN NAM TAN UYEN JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Đường ĐT747B, khu phố Long Bình, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274- 3652 326 * Fax: +84-274- 3652 325

Email: kinhdoanh@namtanuyen.com.vn * Website: www.namtanuyen.com.vn

KCN Nam Tân Uyên, do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên làm chủ đầu tư, trong đó: KCN Nam Tân Uyên hiện hữu đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật có diện tích 332 ha đã cho thuê lấp đầy 99%; KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn 1) có diện tích 288 ha đã cho thuê lấp đầy hơn 96% diện tích đất cho thuê lại; KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn 2) có diện tích 346 ha đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, đang lập dự án đầu tư.

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên luôn chấp hành tốt các quy định luật pháp về bảo vệ môi trường, luôn coi trọng công tác bảo vệ môi trường một cách đặc biệt, không vì lợi ích kinh tế mà hủy hoại môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



SỞ DU LỊCH NINH BÌNH

BAN QUẢN LÝ QUẦN THỂ DANH THẮNG TRẢNG AN

Địa chỉ: Số 6, đường Tràng An, phường Đồng Thành, Thành phố Ninh Bình

Điện thoại: (0229) 3890 217 * Fax: (0229) 3891 326

Email: banquanlytrangan@gmail.com * Website: <http://www.trangandanhthang.vn>

Nằm ở cực nam của Đồng bằng Châu thổ sông Hồng, Ninh Bình cách Hà Nội khoảng 90 km về phía đông nam, Khu di sản có diện tích 6.226 ha, vùng đệm có diện tích 6.026 ha, chiếm gần như toàn bộ khối đá vôi Tràng An với tuổi địa chất hơn 250 triệu năm, một khu vực hòa lẫn giữa thiên nhiên và văn hóa, với ba khu là khu di tích lịch sử văn hóa tâm linh Cố đô Hoa Lư, núi chùa Bái Đính, khu Danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và rừng nguyên sinh đặc dụng Hoa Lư.

Tràng An là một vùng thiên nhiên kỳ bí, không bị ảnh hưởng nhiều bởi các hoạt động của con người. Rừng rậm còn hoang sơ, hồ nước, sông suối trong vắt, không khí trong lành, chỉ có âm thanh và sắc màu của thiên nhiên. Cảnh quan địa chất núi đá dạng tháp các-xơ (karst) Tràng An là một trong những khu vực đẹp và ngoạn mục bởi vẻ đẹp siêu nhiên bậc nhất trên thế giới.

Đặc biệt, ngày 25/6/2014, Quần thể danh thắng Tràng An được tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản hỗn hợp đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á.

Nhằm bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020, Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2016 trong đó xác định

"Bảo vệ và phát huy hiệu quả, bền vững các giá trị của Di sản là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị, doanh nghiệp và của nhân dân trong tỉnh".

Hoạt động du lịch, dịch vụ từng bước được tổ chức, quản lý khoa học theo hướng bền vững; an ninh trật tự, vệ sinh môi trường được đảm bảo. Bên cạnh đó, công tác quảng bá xúc tiến du lịch ngày càng được chú trọng, luôn đổi mới về hình thức và nội dung, góp phần tích cực nâng cao hình ảnh, xây dựng thương hiệu, thu hút ngày càng đông khách du lịch đến Ninh Bình.

Du khách đến với Tràng An là ngược dòng thời gian trở về với nét vàng son của lịch sử, hòa mình trong văn hóa tâm linh truyền thống, hay bình bành trên những con thuyền nhỏ do chính người dân địa phương chèo lái, thả hồn trong giang sơn cấm tử, ngắm nhìn hang kỳ đá lộng, tận hưởng bầu không khí thuần khiết, tinh lương, trải nghiệm từng cung bậc cảm xúc và khám phá cõi rẽ xa xăm của sự sống nhân loại... Tràng An, nơi của cảm hứng vĩ đại, nơi thiên nhiên và văn hóa không thể tách rời, nơi văn hóa tương tác và bị thay đổi kỳ diệu, bí ẩn và lộng lẫy của thế giới tự nhiên, tạo nên mạch nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa lịch sử với cảnh quan, giữa thiên nhiên với con người, đã trở thành biểu tượng của văn hóa Việt Nam và đang trên đà phát triển, để thế giới hướng về Tràng An và Tràng An hòa mình vào thế giới.





CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel (84-28) 38223484 - 38225373 - 38258297 - 38296620

Fax: (84-28) 38243166 - Email: sbcc@sochem.vn.com - Website: www.sochem.vn.com



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam là doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm Hóa chất của Công ty là nguyên liệu của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: sản xuất giấy, dệt, nhuộm, nhiệt điện, dầu khí, đúc, phân bón, thủy tinh, gốm sứ, vật liệu chịu lửa, điện tử, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, thực phẩm, dược phẩm...



CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

- Hóa chất vô cơ cơ bản: Natri hydroxyt, axit sulfuric, axit photphoric, axit clohydric, photpho...
- Hóa chất xử lý nước: Sắt (III) clorua, javen, natri silicat, poly aluminium clorua, phèn...
- Các loại muối: Mono amon photphat, mono kali photphat, điamon photphat...

Ngành Thuế Vĩnh Phúc tăng cường triển khai cải cách thủ tục hành chính

Nhằm tiếp tục tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các chính sách thuế theo quy định, thời gian qua, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách thủ tục hành chính (TTHC) thuế, giảm thiểu thời gian và chi phí cho người nộp thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh của tỉnh.



Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đón tiếp các doanh nghiệp, cá nhân thực hiện tốt chính sách thuế năm 2017

Để thực hiện mục tiêu đề ra, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã kiến tạo Ban chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2015 - 2020, xây dựng kế hoạch về cải cách quản lý thuế để triển khai thực hiện chi tiết trong toàn ngành thuế Vĩnh Phúc. Triển khai, thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp theo quy định của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới; bố trí cán bộ công chức phù hợp với số trường công việc, cán bộ có trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức vào những vị trí chủ chốt, quan trọng của đơn vị.

Đẩy mạnh triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ cấp cơ sở; đổi mới nội dung, hình thức và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức gắn với kế hoạch, quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành; chú trọng bồi dưỡng kỹ năng mềm và năng lực tham mưu, đề xuất cơ chế chính sách của công chức, viên chức; xây dựng cơ cấu ngạch cán bộ công chức, viên chức hợp lý gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

Duy trì và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện kế khai thuế và thực hiện nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử; khuyến khích các doanh nghiệp triển khai thực hiện hóa đơn điện tử. Tính đến tháng 11/2018, tỷ lệ khai thuế điện tử toàn Cục Thuế luôn duy trì ở mức 99,8% trên tổng số doanh nghiệp phải kê khai, tỷ lệ nộp thuế điện tử đạt 99,7 và có 100% doanh nghiệp hoàn thuế có hoàn thuế từ hoạt động đầu tư và xuất khẩu thực hiện hoàn thuế điện tử. Ngay từ cuối tháng 2/2018 Cục Thuế đã triển khai dịch vụ thuế điện tử phục vụ Quyết toán thuế TNCN để kịp thời hỗ trợ các tổ chức cá nhân thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2017.

Bên cạnh đó, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đẩy mạnh tuyên truyền đến các doanh nghiệp

trên địa bàn quy định về hóa đơn điện tử theo Nghị Định 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về Hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Cục Thuế Vĩnh Phúc đã tích cực triển khai công tác tuyên truyền việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử thay cho hóa đơn tự in, việc chuyển đổi phương thức sử dụng hóa đơn này tiếp tục là bước cải cách quan trọng của ngành Thuế trong năm 2018.



Cán bộ bộ phận Một của Cục Thuế Vĩnh Phúc hướng dẫn NNT thực hiện quyết toán thuế TNCN - Tháng 3/2018

Mặt khác, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã và đang tích cực tổ chức triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Tổng cục Thuế đảm bảo vận hành an toàn, ổn định hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm hệ thống mạng thông tin, trang thiết bị máy tính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ và giải quyết TTHC. Đến thời điểm hiện tại, Cục Thuế đang quản lý trên 14 phần mềm (ứng dụng) trong quản lý thuế, với ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS là hệ thống quản lý thuế cốt lõi của ngành, tập trung vào phục vụ cho công tác quản lý thuế. Bên cạnh đó, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc cũng tiếp tục triển khai các ứng dụng đáp ứng chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ về cải cách thủ tục hành chính thuế và xây dựng chính phủ điện tử, triển khai ứng dụng thuế điện tử (eTax), duy trì và đẩy mạnh nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử, chế độ sổ tập trung.

Với việc triển khai kịp thời các chính sách thuế mới đến NNT, thực hiện đồng bộ, nghiêm túc và ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình quản lý thuế, quyết tâm triển khai thành công công tác khai thuế qua mạng internet, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử... trên địa bàn đã mang lại kết quả tốt đẹp, giảm thiểu số giờ làm thủ tục về thuế theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành. Tạo điều kiện thuận lợi và môi trường kinh doanh tốt nhất cho doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc.



Ajinomoto Việt Nam: Bảo vệ môi trường là nguyên tắc vàng cho sự phát triển bền vững

Được thành lập từ năm 1991, Ajinomoto Việt Nam là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, thuộc Tập đoàn Ajinomoto Nhật Bản. Công ty luôn áp dụng các mô hình tiên tiến, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, hướng tới ba mục tiêu: Doanh nghiệp không phát thải; sử dụng năng lượng hiệu quả và đẩy mạnh kinh doanh dựa trên chu trình sinh học, góp phần BVMT.

Sau gần 30 năm xây dựng và phát triển, Ajinomoto Việt Nam hiện có 2 trụ sở văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội; 2 nhà máy sản xuất ở tỉnh Đồng Nai, bao gồm: Nhà máy Ajinomoto Biên Hòa, hoạt động từ năm 1991 và Nhà máy Ajinomoto Long Thành, hoạt động từ năm 2008. Ngoài ra, Công ty có 5 trung tâm phân phối, 62 chi nhánh, hơn 280 đội bán hàng trên toàn quốc. Tổng số nhân viên làm việc tại Công ty lên đến hơn 2.400 người. Công ty hiện đang sản xuất và giới thiệu ra thị trường hơn 30 loại sản phẩm trong lĩnh vực thực phẩm: Gia vị (umami, đa dụng, lỏng, hạt, bột); thực phẩm chế biến (bột bánh rán); nước giải khát.

Hướng đến sự phát triển bền vững thông qua việc BVMT, Ajinomoto Việt Nam áp dụng chu trình sinh học khép kín Bio-Cycle vào quá trình sản xuất sản phẩm bột ngọt. Theo đó, Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu có nguồn gốc nông nghiệp là tinh bột sắn (khoai mì) và mật mía đường để sản xuất bột ngọt; nghiên cứu phát triển các sản phẩm như phân bón sinh học dạng lỏng, hữu cơ sinh học dạng rắn và nguồn thức ăn chăn nuôi từ nguyên liệu tái sử dụng là các chất thải sản xuất... Năm 2001, Ajinomoto Việt Nam áp dụng thành công Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001, không ngừng cải tiến công nghệ và nâng cao nhận thức về tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Từ năm 2014, Công ty đưa vào vận hành Lò hơi sinh học sử dụng trấu ép - nguồn phụ phẩm nông nghiệp làm nhiên liệu để cung cấp hơi nước cho sản xuất. Ưu điểm của việc chuyển đổi nhiên liệu hóa thạch sang nhiên liệu sinh học là cắt giảm được hơn 44.000 tấn CO₂ ra môi trường (giảm hơn 50% lượng khí thải CO₂ so với sử dụng nhiên liệu truyền thống như dầu và khí đốt). Trung bình mỗi năm, Công ty sử dụng hơn 100.000 tấn vỏ trấu

và lượng trấu viên đã qua sử dụng sẽ trở thành nguyên liệu làm phân bón cho cây trồng.

Bên cạnh đó, để giải nhiệt máy móc, Công ty đã xây dựng hệ thống tháp giải nhiệt và hồ chứa nước riêng, nhằm sử dụng tuần hoàn nước, giúp lượng nước giảm đến 83,5%. Ngoài ra, với chủ trương “Tiết kiệm năng lượng và tìm kiếm các nguồn năng lượng thay thế chính là BVMT”, Ban Chuyên trách về năng lượng được thành lập, thực hiện thường xuyên và tối ưu các hoạt động tiết kiệm năng lượng, tăng cường sử dụng năng lượng xanh, thân thiện với môi trường như năng lượng mặt trời, gió. Ban

Chuyên trách cũng tiến hành kiểm toán năng lượng định kỳ để đánh giá thực trạng sử dụng và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả sử dụng. Từ năm 2010 - 2017, 19% lượng điện năng tiêu thụ và 26% lượng hơi nước bảo hòa đã được tiết giảm.

Nước thải là vấn đề luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, Công ty đã đầu tư 100 tỷ đồng để xây dựng hệ thống xử lý nước thải (XLNT) áp dụng công nghệ xử lý ni tơ sinh học tiên tiến từ Nhật Bản, công suất 3.400 m³/ngày, đêm. Hoạt động xả thải, XLNT được kiểm soát nghiêm ngặt bằng hệ thống ghi nhận dữ liệu quan trắc nước thải tự động và báo



▲ Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Nhà máy Ajinomoto Biên Hòa (Đồng Nai)



cáo trực tuyến về Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam (QCVN 40:2011) trước khi thải ra môi trường. Đối với chất thải rắn, Công ty triển khai Chương trình “Không phát thải” bằng 3T: Tiết giảm, tái chế, tái sử dụng, nhằm tận dụng hiệu quả lượng chất thải rắn, giảm gánh nặng ô nhiễm môi trường. Đến năm 2017, Công ty đã tận dụng được 99,97% tổng lượng chất thải rắn để tái chế. Ngoài ra, các mảng tường, mái che trong khuôn viên Công ty được phủ xanh bằng thực vật dây leo, tạo không gian làm việc hiện đại và thân thiện với môi trường. Hàng tháng, Công ty còn tổ chức cho khách hàng thăm quan Nhà máy, tìm hiểu thêm về các hoạt động BVMT mà doanh nghiệp đang triển khai, tạo cầu nối giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Từ những thành công trên, Ajinomoto Việt Nam đã vinh dự nhận Giải thưởng Thương hiệu Xanh năm 2008 vì công tác BVMT cho Sự phát triển bền vững của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam; Giải thưởng Doanh nghiệp Kinh tế Xanh 2013 vì sự phát triển bền vững của Bộ TN&MT.

Trong giai đoạn hiện nay, sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ được đo bằng kết quả kinh doanh mà còn được quyết định bởi việc tạo lập những giá trị chung cho cộng đồng và xã hội. Trong đó, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và môi trường luôn là vấn đề được xã hội quan tâm. Việc sản xuất kinh doanh tuân thủ Luật BVMT, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm điện và tài nguyên... đã giúp Ajinomoto Việt Nam khẳng định được thương hiệu, hướng đến sự phát triển bền vững■

ĐỨC THÁI



▲ Bức tường phủ xanh dây thường xuân trong khuôn viên Ajinomoto Biên Hòa

Capital House - Kiến tạo cuộc sống xanh



▲ Lễ khởi động Dự án trường mầm non đạt tiêu chuẩn xanh LOTUS

Capital House là tập đoàn phát triển đa ngành, tập trung vào mục tiêu kiến tạo môi trường sống xanh cho cộng đồng, ứng dụng các giải pháp thiết kế thông minh và công nghệ hiện đại. Những năm gần đây, Capital House xây dựng nhiều công trình đạt Chứng chỉ xanh quốc tế về sử dụng tài nguyên hiệu quả (EDGE) của Tổ chức Tài chính quốc tế IFC; Tiêu chuẩn công trình xanh Việt Nam (LOTUS) của Hội đồng Công trình xanh Việt Nam (VGBC), tiêu biểu như EcoLife Capitol, EcoHome Phúc Lợi, khu văn phòng xanh Capital House, Trung tâm giao dịch Sales Center...

VĂN PHÒNG XANH CAPITAL HOUSE

Một không gian lý tưởng là yếu tố quan trọng quyết định hiệu suất làm việc của người lao động - nhân tố chính tạo nên sự thành công của một doanh nghiệp. Văn phòng Capital House đã mang đến cho cán bộ, công nhân

viên một không gian làm việc kiểu mẫu và tiết kiệm chi phí vận hành, BVMT.

Toàn bộ không gian văn phòng được làm mát bởi hệ thống điều hòa hiệu suất cao, thiết kế phân vùng, điều khiển thông minh và trang bị hệ thống cấp khí tươi, hút khí thải. Bên cạnh đó, Capital House lắp đặt hệ thống chiếu sáng tiện nghi, được tính toán phù hợp với điều kiện làm việc, chống lóa, mắt mỏi theo Bộ quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đồng thời, tận dụng tối đa nguồn ánh sáng tự nhiên. Khu vực văn phòng sử dụng đèn LED tiết kiệm điện, hiệu suất cao, được tích hợp khả năng cảm ứng chuyển động thông minh tại những nơi có tần suất sử dụng thấp. Khu vực làm việc bao phủ bởi hệ thống kính cản nhiệt Low-E, có hệ số hấp thụ năng lượng mặt trời (SHGC) = 0,28, chỉ hấp thụ 28 % và phản xạ lại 72 % khi chiếu vào công trình, nhằm ngăn cản tia hồng ngoại, hạn chế bức xạ mặt trời, nhưng vẫn đảm bảo cho



▲ Ông Trịnh Tùng Bách - Giám đốc Ban Nghiên cứu và Phát triển Tập đoàn Capital House (đứng thứ 3 từ trái sang) nhận chứng chỉ Lotus cho Dự án văn phòng xanh

ánh sáng đi vào bên trong căn hộ... Ngoài ra, vật liệu và nội thất sử dụng tại văn phòng Capital House cũng được công nhận là sản phẩm thân thiện với môi trường (EPD) như sàn tre, ván gỗ, trần thạch cao, thảm trải sàn, các loại keo dán nội thất trong văn phòng... Những sản phẩm này đều được sản xuất tại các nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 14001. Một điểm nổi bật nữa của văn phòng xanh Capital House chính là sơn sinh thái Graphenstone, với tính năng kháng khuẩn, chống nấm mốc và đặc biệt, đây là loại sơn duy nhất thành phần 100 % tự nhiên, không hóa chất độc hại, có khả năng hấp thụ CO₂. Đây là những giải pháp hiệu quả giúp tiết kiệm năng lượng tiêu thụ, nhưng vẫn đảm bảo được tiện nghi cho nhân viên.

Ngày 10/8/2017, văn phòng xanh Capital House vinh dự được VGBC công nhận đạt tiêu chuẩn LOTUS - Hệ thống đánh giá công trình xanh chặt chẽ từ 5 bộ tiêu chuẩn xanh nổi tiếng trên thế giới, bao gồm: LEED (Mỹ), Green Star (Ôxtrâyli), BREEAM (Anh), GBI (Malaixia) và Green Mark (Singapo), để phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

DỰ ÁN TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT TIÊU CHUẨN XANH LOTUS

Mới đây, Tập đoàn Capital House khởi công Dự án Trường mầm non thuộc hệ thống giáo dục Capi Edu. Đây là trường học đầu tiên tại Hà Nội ứng dụng tiêu chuẩn

xanh LOTUS do VGBC thẩm định và xét duyệt, với định hướng xây dựng cho thế hệ tương lai những hành trang về trí tuệ, nhân cách, một phong cách sống xanh, phát triển dựa trên nền tảng tư duy khám phá, trải nghiệm từ tự nhiên.

Ngôi trường nằm ở khu đô thị mới Tây Hồ Tây, tổng diện tích đất 5.596 m², diện tích sử dụng toàn khu là 6.160,5 m², gồm 3 tầng được xây dựng trên diện tích 2.161 m², được tạo lập theo phong cách tự do, với hình dáng mô phỏng như hòn đá cuội đặt giữa cỏ cây, từ đó, các giải pháp thiết kế về thông gió, chiếu sáng tự nhiên cũng sẽ được giải quyết khi hơn 80% vị trí trong các lớp học có tầm nhìn trực tiếp ra không gian xanh bên ngoài qua lớp kính trong suốt, giúp các em học sinh có cảm giác như đang ngồi học giữa một vườn cây.

Hệ thống cảnh quan sân vườn trong trường cũng được chú trọng, các kiến trúc

sư đã thiết kế rất nhiều cây xanh và nguyên liệu tự nhiên như gỗ, đá, tre, nứa tại khu vui chơi giải trí như sân địa hình, sân cỏ nhân tạo kết hợp chạy thể thao, sân bóng đá mini, khu trò chơi dân gian, khu vui chơi liên hoàn, vườn thực nghiệm, khu tìm hiểu giao thông, khu chăm sóc vật nuôi, bồn hoa và cây xanh... Dự kiến, công trình sẽ được hoàn thành vào cuối 2018 và đi vào hoạt động từ đầu năm 2019. Với Dự án này, một lần nữa Capital House khẳng định quyết tâm phát triển tất cả các dự án của Tập đoàn theo tiêu chuẩn xanh quốc tế.

Với phương châm "Kiến tạo cuộc sống xanh", Capital House đã và đang mang lại một không gian làm việc, học tập xanh thực sự. Mỗi cá nhân đều có cơ hội trải nghiệm để mỗi người có thể trở thành một đại sứ xanh, lan tỏa sứ mệnh kiến tạo môi trường sống xanh đến toàn cộng đồng và xã hội. ■

TRƯƠNG THỊ HẬU



Huy động nguồn lực bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa giai đoạn 2017 - 2020

ĐÌNH ANH - TÔ THÚY NGÀ

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương

Sau một năm triển khai thực hiện Đề án thí điểm về hoàn thiện, nhân rộng mô hình BVMT trong xây dựng nông thôn mới (NTM) tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 - 2020 (theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 25/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ) đến nay đã đạt được một số kết quả nhất định.

Về xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến BVMT nông thôn, Bộ NN&PTNT đã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội rà soát và đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách tăng mức cho vay tín dụng tối đa để xây dựng hoặc nâng cấp, cải tạo các công trình cấp nước lên 10 triệu đồng/hộ (trước đây tối đa là 6 triệu đồng/hộ) tại Quyết định số 1025/QĐ-TTg ngày 19/9/2018. Đây là cơ sở quan trọng để hỗ trợ các hộ dân, đặc biệt là các hộ ở vùng sâu, vùng xa cải thiện việc thiếu nước sạch đạt quy chuẩn. Bên cạnh đó, một số địa phương đã chủ động tăng cường ngân sách tỉnh để đẩy mạnh công tác BVMT, như Đồng Nai, Nam Định, Hải Dương, Trà Vinh, Bình Thuận, Hà Tĩnh...

HIỆN TRẠNG CÁC MÔ HÌNH BVMT TẠI KHU VỰC NÔNG THÔN

Hiện nay, cả nước có khoảng 88,5% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó, gần 51% sử dụng nước đạt Quy chuẩn 02:2009/BYT, tỷ lệ này có sự chênh lệch tương đối lớn giữa các tỉnh thuộc các khu vực. Tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng (Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình...), tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch cao, dao động từ khoảng 70 - 80%, trong khi đó các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch ở mức dưới 40%. Số lượng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung có tăng lên, song tỷ lệ công trình hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động vẫn còn cao. Công tác quản lý, vận hành và khai thác các công trình cấp nước nông thôn chủ yếu quản lý dựa vào

cộng đồng (chiếm 76,8%) hoặc đơn vị sự nghiệp của nhà nước.

Từ thực tế nêu trên, trong thời gian tới, đối với khu vực đồng bằng, nơi có mật độ dân số cao (trên 1.200 người/km²), cần phải đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư và vận hành, quản lý công trình cấp nước tập trung. Khu vực trung du, mật độ dân số tương đối cao (khoảng 700 - 1.200 người/km²), nhu cầu về sử dụng nước sạch ngày càng tăng, cần tăng mức hỗ trợ vốn của nhà nước cho đầu tư cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch bên cạnh nguồn vốn của doanh nghiệp. Tại một số vùng sâu, vùng xa, mật độ dân số thấp, việc cấp nước gặp nhiều khó khăn, tăng tỷ lệ vốn đầu tư (thậm chí là 100% đầu tư của nhà nước) và do đơn vị sự nghiệp nhà nước đầu tư, vận hành để đảm bảo cơ hội được sử dụng nước sạch cho người dân.

Trong khi đó, lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt nông thôn phát sinh ngày càng tăng lên, tỷ lệ thu gom còn thấp, trung bình đạt khoảng 40-55% so với tổng lượng CTR phát sinh (vùng ven đô thị, có nơi đạt đến 80%; vùng sâu, vùng xa, ước chỉ đạt khoảng 10%), còn lại chưa được thu gom và xử lý đúng quy định, là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Theo

thống kê đến năm 2016, cả nước có 458 bãi chôn lấp CTR sinh hoạt quy mô trên 1 ha, các bãi chôn lấp quy mô nhỏ ở các xã chưa được thống kê đầy đủ; chỉ có một số vùng, rác chủ yếu được chôn lấp hợp vệ sinh, còn lại chôn lấp thông thường, chưa đảm bảo các quy định về bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh. Theo thống kê sơ bộ của 36 tỉnh, hiện nay có 285 lò đốt rác, trong đó có 218 lò quy mô cấp xã (chiếm 76,5%), công suất dưới 5 tấn/ngày; 46 lò quy mô từ 5 - 50 tấn/ngày (chiếm 16,1%); 21 lò công suất trên 50 tấn/ngày (chiếm 7,4%). Các lò cấp xã chủ yếu sử dụng công nghệ đốt, không sử dụng nhiên liệu nên nhiệt trị thấp, tỷ lệ tro sau khi đốt còn cao; hầu hết không đảm bảo quy trình vận hành thường xuyên, đúng kỹ thuật.

Để giải quyết vấn đề rác thải nông thôn cần giảm lượng rác phát sinh thông qua việc phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải; tuyên truyền, vận động và huy động sự vào cuộc của các tổ chức chính trị - xã hội; xem xét, quy định mức phí vệ sinh môi trường theo lượng rác phát thải (không khoán theo đầu người hoặc hộ gia đình như hiện nay) để người dân có ý thức giảm thiểu lượng rác phát sinh và tăng cường phân loại rác tại nguồn. Cần phát triển các tổ



thu gom hoặc hợp tác xã thu gom rác thải tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về giao thông; ban hành mức phí vệ sinh cao hơn hiện nay; đầu tư trang thiết bị thu gom rác cho các tổ, đội thu gom; có cơ chế chi trả lương, chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Về xử lý CTR, tại khu vực đồng bằng, cần ưu tiên xây dựng các lò đốt quy mô cấp huyện (xử lý từ 50 tấn/ngày trở lên) để đảm bảo yêu cầu xử lý đối với khí thải, nước thải, tro thải; địa phương có điều kiện thuận lợi, có thể đầu tư khu xử lý quy mô lớn hơn (trên 200 tấn/ngày) gắn với phát điện để xử lý chất thải liên huyện hoặc cả tỉnh. Đối với khu vực miền núi, trước mắt, việc xử lý theo hình thức chôn lấp hợp vệ sinh là một giải pháp phù hợp với chi phí đầu tư và vận hành thấp.

Ngoài ra, việc thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi đáp ứng quy định về môi trường còn ở mức thấp. Hiện cả nước có khoảng 68% tổng số trang trại có áp dụng biện pháp để xử lý chất thải chăn nuôi, 32% chưa áp dụng biện pháp xử lý; trong số 68% trang trại có áp dụng biện pháp xử lý, có 30,2% có hệ thống biogas, 25,6% tách phân rắn để bán ra ngoài, 6,4% làm đệm lót sinh học, 1,9% ủ phân compost và 3,9% áp dụng các biện pháp khác. Đối với các hộ gia đình chăn nuôi, tỷ lệ chưa áp dụng biện pháp xử lý chất thải khoảng 47%; đặc biệt, hộ chăn nuôi lợn thường ở quy mô nhỏ, nằm xen lẫn khu dân cư, nước thải chỉ được xử lý bằng biogas nên chưa triệt để các thành phần ô nhiễm.

Hiện nay, một số cơ sở đã áp dụng thành công các công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, vừa xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, vừa mang lại thu nhập; đồng thời nhiều mô hình chăn nuôi theo quy trình khép kín từ chăn nuôi - trồng trọt - chăn nuôi đã phát huy hiệu quả. Việc tận thu, tái chế, tái sử dụng chất thải chăn nuôi cho các mục đích sử dụng khác (nuôi trồng thủy sản, trồng nấm, nuôi giun và các loại hình sản xuất nông nghiệp khác) là cần thiết, nhưng còn thiếu các quy định về yêu cầu kỹ thuật cụ thể. Do đó, cần xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi, nhằm từng bước giảm sử dụng lượng phân hóa học; hình thành chiến lược quản lý chất thải vật nuôi toàn quốc theo hướng coi chất thải chăn nuôi là tài nguyên, nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác để tạo lập thị trường trao đổi, chế biến, lưu thông và sử dụng hàng hóa; xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đối với các doanh nghiệp thu gom và xử lý chất thải chăn

nuôi thành phân bón hoặc cho các mục đích sử dụng khác.

Mỗi năm, cả nước phát sinh khoảng trên 11.000 tấn bao gói thuốc BVTV, trong đó khoảng 40% lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh được thu gom, 17,7% được xử lý theo phương pháp đốt đúng quy định, còn lại 82,3% được xử lý như chất thải thông thường (chôn lấp hoặc đốt ở nhiệt độ thấp). Hiện nay, bước đầu hình thành những mô hình quản lý hiệu quả bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên cơ sở giảm thiểu lượng phát sinh, như: Mô hình “cánh đồng không vỏ bao thuốc BVTV” tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; mô hình Hội Nông dân vận động cán bộ hội viên thu gom bao gói thuốc BVTV...

Tuy nhiên, ở nhiều địa phương, ý thức của người dân về việc thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV, hạn chế sử dụng thuốc BVTV trong canh tác nông nghiệp còn chưa cao. Do đó, cần chú trọng đến việc tuyên truyền, khuyến cáo người dân về việc hạn chế việc sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong trồng trọt. Ngoài ra, cần tăng cường trách nhiệm của cơ sở sản xuất thuốc BVTV trong việc thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng, thông qua cơ chế thu hồi các sản phẩm thải bỏ, tính toán chi phí xử lý trong giá thành thuốc BVTV để hạn chế sử dụng, thu phí xử lý bao gói đối với các cơ sở cung cấp...

Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền đã được các địa phương, các tổ chức Hội, đoàn thể quan tâm, đẩy mạnh với một số phong trào gắn với thực hiện tiêu chí



▲ Cơ quan chức năng tiến hành xử lý chất thải do hóa chất BVTV tồn lưu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị



môi trường trong xây dựng nông thôn mới (NTM), như: Mô hình Câu lạc bộ “3 sạch”, Giáo dục cộng đồng thực hiện vệ sinh môi trường; Hỗ trợ xây dựng hố xí; “Tuyến đường phụ nữ tự quản”; “Đoạn đường nở hoa” (trồng hoa); “Nhóm liên gia tự quản”; “Tổ phụ nữ thu gom rác”; “Đoạn đường thanh niên tự quản” “Ngày thứ 7 tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh”, “Thanh niên tình nguyện BVMT”; “Phân loại rác tại nguồn và hạn chế sử dụng túi ni lông”... Tuy nhiên, công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức BVMT cho hội viên còn tập trung vào các hoạt động bề nổi, chưa có cơ chế tài chính bền vững để duy trì hoạt động tuyên truyền viên BVMT tại cơ sở...

XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM VỀ BVMT

Đây là một trong những nội dung quan trọng của Đề án 712, nhằm thí điểm các công nghệ xử lý chất thải, cơ chế duy trì, vận hành các hệ thống sau đầu tư, huy động nguồn lực thực hiện, trên cơ sở đó sẽ đề xuất các chính sách phù hợp. Có 15 tỉnh/thành phố đã đăng ký nhu cầu cấp nước uống cho trạm y tế và nước uống của các xã đảo, được Trung tâm Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tổng hợp, xây dựng Dự án cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo; 18 tỉnh đã đăng ký xây dựng 23 mô hình thí điểm, trong đó có 7 mô hình cấp nước sạch tập trung; 9 mô hình xử lý chất thải rắn; 3 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi; 4 mô hình xử lý bao gói thuốc BVTV.

Bên cạnh đó, còn thực hiện lồng ghép thực hiện các mô hình thí điểm vào Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM. Một số đề tài, dự án được xem xét, lồng ghép nội dung thực hiện: Nghiên cứu và xây dựng 2 mô hình cấp nước sinh hoạt cho các vùng ô nhiễm đặc thù tại Bình Thuận và Trà Vinh; cải tạo, nâng cấp 4 hồ treo cấp nước tại Hà Giang; hỗ trợ hoàn thiện các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ đệm lót sinh học, xử lý bằng màng lọc biogill tại Trang trại Trang Linh ở Bà Rịa - Vũng Tàu; thí điểm 4 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ phù hợp với đặc thù của vùng Bắc Trung bộ... Ngoài ra, các địa phương cũng tích cực, chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách để thực hiện các đề tài, dự án quy mô cấp tỉnh, cấp

cơ sở triển khai các nội dung liên quan đến Đề án 712, đặc biệt là việc tìm kiếm giải pháp để xử lý CTR sinh hoạt nông thôn, xử lý chất thải chăn nuôi...

Với việc ban hành và triển khai thực hiện Đề án 712 đã huy động sự quan tâm, vào cuộc của các Bộ, ngành Trung ương; tổ chức chính trị - xã hội; địa phương và sự hưởng ứng của các doanh nghiệp dịch vụ môi trường. Ngoài ra, còn có sự quan tâm của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, cơ quan nghiên cứu và chuyên gia về môi trường. Đồng thời, quá trình triển khai thực hiện Đề án 712 đã gắn kết với thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, là một trong những nội dung trọng tâm, nâng cao chất lượng; đã huy động nhiều nguồn lực khác nhau để triển khai Đề án từ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài bước đầu có các dự án đầu tư tại nhiều địa phương; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM, huy động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, việc triển khai thực hiện Đề án còn gặp những khó khăn, vướng mắc, cụ thể: Các thủ tục lập, phê duyệt dự án thường mất 2-3 năm, liên quan đến nhiều lĩnh vực như đất đai, hạ tầng, quy trình thẩm định của nhiều ngành,... trong khi thời gian thực hiện Đề án gần 3 năm (từ 2017- 2020) là chưa đủ để thí điểm về công nghệ xử lý, chỉ mới đủ thời gian để thí điểm về cơ chế huy động vốn đầu tư và cơ chế quản lý thực hiện các Dự án. Việc phân công trách nhiệm thẩm

định công nghệ xử lý chất thải giữa các cơ quan hiện nay còn chồng chéo, chưa rõ, dẫn đến lúng túng trong khâu xây dựng và thẩm định hồ sơ các dự án; sự phối hợp của các ngành liên quan còn chưa chặt chẽ... Ngoài ra, năng lực của các địa phương trong xây dựng hồ sơ đề xuất còn hạn chế, dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm. Về xây dựng mô hình tuyên truyền viên BVMT cấp xã, chưa có cơ chế tài chính cụ thể để chi trả phụ cấp cho tuyên truyền viên, dẫn đến chưa có cam kết, ràng buộc lâu dài đối với đội ngũ này.

Nhìn chung, hơn 1 năm triển khai Đề án đã mang lại những kết quả nhất định trong việc xây dựng cơ chế, chính sách; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có; xây dựng các mô hình thí điểm về BVMT nông thôn, trong đó tập trung vào các khu vực khó khăn theo hướng xã hội hóa. Việc triển khai thực hiện Đề án đã góp phần tích cực cho thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, từng bước tháo gỡ các khó khăn và định hướng giải pháp để giải quyết các vấn đề môi trường theo đặc thù của từng địa phương, vùng miền. Để đẩy mạnh thực hiện Đề án, trong năm 2019 cần tập trung đánh giá các mô hình hiện có theo chiều sâu (trên cơ sở kết quả đánh giá đã thực hiện trong năm 2018) để đề xuất các chính sách phù hợp; tiếp tục triển khai các mô hình thí điểm về cấp nước, xử lý chất thải (sinh hoạt, chăn nuôi, bao gói thuốc BVTV) và đẩy mạnh thực hiện mô hình tuyên truyền viên BVMT cấp xã ■



HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN



▲ Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì Hội nghị

Ngày 27/11/2018, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc và triển lãm quốc gia Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Báo cáo tóm tắt 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã chỉ ra, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng cũng như đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong đó, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển toàn diện nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Ngay sau khi Nghị quyết số 26-NQ/TW được ban hành, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chỉ đạo các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng Bộ, ngành ở Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch, tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Chính phủ cũng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, nêu rõ nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương. Trong đó có việc tập trung xây dựng thể chế, chính sách để thực hiện Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết; ưu tiên phân bổ nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất nông nghiệp đổi mới mạnh mẽ phù hợp với cơ chế thị trường, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn và nâng cao tính cạnh tranh;

hình thành các chuỗi giá trị từ chế biến, bảo quản đến bao tiêu sản phẩm.

Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân, một số mục tiêu Nghị quyết đề ra có khả năng không đạt. Nhiều tồn tại, yếu kém chậm được khắc phục, nhất là về tổ chức sản xuất, chất lượng, hiệu quả, tính bền vững của sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM.

Phát biểu tại Hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đánh giá cao một số tỉnh đã chỉ đạo tái cơ cấu thành công, có mô hình tốt, hiệu quả; đồng thời, thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, nhất là trong chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết, đó là: Đầu tư cho nông nghiệp thấp; Số dân làm nông nghiệp còn cao, đóng góp cho nền kinh tế thấp; Doanh nghiệp trực tiếp đầu tư sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1% tổng số doanh nghiệp; Áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong nông nghiệp còn yếu, tỷ lệ giá trị chất xám trong giá thành sản phẩm nông nghiệp chưa cao; 90% hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu là thô, chưa qua chế biến. Cùng với đó, việc xây dựng nền nông nghiệp công

nghệ cao chưa tạo đột phá để nâng cao giá trị gia tăng; kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến còn hạn chế...

Từ thực tiễn trên, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho rằng, việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trước hết phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường vươn lên của nông dân. Theo Thủ tướng, thời gian tới, Đảng, Nhà nước phải cùng với nông dân, sống trong lòng nông dân để làm cuộc cách mạng mới trong nông nghiệp, nông thôn. Kinh nghiệm rút ra là, ở đâu cấp ủy, người đứng đầu quan tâm sâu sắc, chỉ đạo quyết liệt thì ở đó, nông nghiệp, nông thôn sẽ phát triển mạnh mẽ, diện mạo nông thôn mới khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Thủ tướng đề nghị, Ban Kinh tế Trung ương, Bộ NN&PTNT nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tại Hội nghị để cùng Ban Chỉ đạo hoàn thiện báo cáo tổng kết, đồng thời chủ động xây dựng dự thảo Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chủ trương, giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2020, giai đoạn tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình Bộ Chính trị xem xét trong tháng 12/2018.

Trước đó, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và các đồng chí lãnh đạo đã cắt băng khai mạc Triển lãm quốc gia về Thành tựu 10 năm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tham quan một số gian hàng Triển lãm tiêu biểu.

HƯƠNG MAI



Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới

TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH - Phó Chủ tịch
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Xác định xây dựng nông thôn mới (NTM) là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam các cấp đóng vai trò rất quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết, phát huy sức mạnh thực hiện thắng lợi Chương trình xây dựng NTM. Trong đó, chú trọng đến việc phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước về các nội dung, tiêu chí trong xây dựng NTM, đặc biệt là tiêu chí môi trường.

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, năm 2009, Chính phủ đã xây dựng và trình Quốc hội Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM. Đây là Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng được triển khai trên phạm vi nông thôn toàn quốc; hợp lòng dân, sát với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Qua 10 năm thực hiện Chương trình, diện mạo nông thôn Việt Nam đã có nhiều thay đổi, nhất là hệ thống giao thông, kết cấu hạ tầng xã hội; mô hình sản xuất tập trung bước đầu được hình thành, thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được nâng cao... Tính đến cuối tháng 10/2018, cả nước đã có 3.542 xã (39,7%) đạt chuẩn NTM, tăng 64 xã (0,72%) so với cuối tháng 8/2018; bình quân đạt 14,33 tiêu chí/xã; còn 88 xã dưới 5 tiêu chí. Bên cạnh đó, có 55 đơn vị cấp huyện thuộc 28 tỉnh, TP được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Để có được kết quả trên, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đã được cả hệ thống chính trị vào cuộc triển khai quyết liệt, nhân dân đồng tình, hưởng ứng. Với trách nhiệm của mình, MTTQ Việt Nam các cấp đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, mục đích của Chương trình. Từ kết quả công tác tuyên truyền, Mặt trận đã động viên nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện chủ trương xây dựng NTM. Theo báo cáo của Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh/TP, trong 10 năm qua, nhân dân đã tình nguyện hiến hơn 45 triệu m² đất để làm đường, công trình dân sinh. Các địa phương đã huy động được hàng nghìn tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn. Thông qua cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, trong 10 năm



▲ Đoàn giám sát của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa giám sát công tác BVMT tại Công ty sản xuất bao bì Hiệp Hưng (huyện Diên Khánh)

(2008 - 6/2018), Quỹ Vì người nghèo 4 cấp đã vận động được 14.000 tỷ đồng; an sinh xã hội được 36.000 tỷ đồng; xây dựng, sửa chữa 1,5 triệu nhà đại đoàn kết, giúp nhiều hộ thoát nghèo và ổn định cuộc sống. Đồng thời, Mặt trận đã vận động nhân dân xây dựng gia đình, nếp sống gắn với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tạo môi trường văn hóa lành mạnh ở mỗi cộng đồng dân cư, góp phần giữ gìn thuần phong mỹ tục, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Từ đó, nhận thức của người dân được thay đổi, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng NTM.

Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, tương

thân, tương ái, hàng năm, MTTQ các cấp đã phát động, kêu gọi sự đóng góp của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, cơ quan, đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài nước ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; tuyên truyền, vận động và triển khai phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, bảo vệ an ninh biên giới quốc gia, thực hiện công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, hướng dẫn nhân dân xây dựng mô hình tự quản về an ninh trật tự. Thông qua các mô hình đã phát huy được vai trò tự quản của nhân dân trong giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương... Đặc biệt, từ năm 2005, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã phát động phong trào “Toàn dân tham gia BVMT” để cụ thể



hóa các nhiệm vụ BVMT trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”. Đây là tiền đề để hệ thống MTTQ Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở thực hiện nhiệm vụ BVMT. Đến nay, công tác BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong hệ thống Mặt trận đã trở thành nề nếp và ngày càng có hiệu quả thiết thực, góp phần vào sự phát triển bền vững của mỗi địa phương, cũng như cả nước.

Công tác xây dựng mô hình BVMT được quan tâm thực hiện, ở mỗi tỉnh, TP chọn xây dựng ít nhất 2 mô hình để đánh giá rút kinh nghiệm, tính đến tháng 6/2018, đã xây dựng được 194 mô hình BVMT ở khu dân cư. Một số mô hình BVMT hiệu quả đã được nhân rộng ở 63 tỉnh, TP như: “Khu dân cư tự quản BVMT”, “Khu dân cư thực hiện hài hòa, xóa đói, giảm nghèo và BVMT” được nhân rộng ở trong toàn quốc. Một số mô hình BVMT được lồng ghép thực hiện với phong trào “Tiết kiệm điện nước sinh hoạt”, xây dựng “Gia đình 5 không, 3 sạch”, “Ngày Chủ nhật xanh, sạch, đẹp”, trồng hoa, cây xanh quanh tường rào, tạo nét đẹp cho cảnh quan NTM. Tính đến hết tháng 6/2018, cả nước có 4.859 xã đạt tiêu chí về môi trường (chiếm tỷ lệ 45,4%), 72.194 khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường, hơn 27 tỉnh, TP đã có hệ thống xử lý rác thải tập trung ở khu vực nông thôn như Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Nam Định, Thái Bình... Đặc biệt, hoạt động BVMT của các tổ chức tôn giáo được triển khai và đưa nội dung về BVMT, ứng phó với BĐKH vào chương trình hoạt động hàng năm, đã có 41 tổ chức tôn giáo hưởng ứng tham gia BVMT; xây dựng 322 mô hình tôn giáo tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH.

Cùng với công tác tuyên truyền, vận động, MTTQ Việt Nam đã tích cực thực hiện trách nhiệm giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Hàng năm, MTTQ các cấp đã xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động giám sát, với các nội dung: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện pháp luật về sản xuất kinh doanh, vật tư, nông nghiệp; giám sát BVMT; xây dựng cơ sở hạ tầng; nguồn lực đầu tư xây dựng NTM, nhất là nguồn lực do nhân dân đóng góp, bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng; chính sách hỗ trợ, ưu đãi nông dân phát triển sản xuất, hỗ trợ nông dân nghèo... Trong năm 2016, 2017, MTTQ Việt Nam các cấp một số tỉnh miền Trung đã tập trung giám

sát bồi thường cho người dân sau sự cố ô nhiễm môi trường biển do Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh gây ra... Ở cơ sở, việc giám sát được thực hiện thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, với hình thức trực tiếp đóng góp ý kiến vào việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông nông thôn, quy hoạch sử dụng đất trong xây dựng NTM; giám sát việc hỗ trợ chế độ chính sách đối với người có công, chính sách đối với hộ nghèo ở nông thôn, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo... MTTQ Việt Nam các cấp thường xuyên nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, chủ động đăng ký với cấp ủy, phối hợp với chính quyền và ngành chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát theo chuyên đề.

Thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia giám sát trong xây dựng NTM như: Thực hiện các công trình phúc lợi, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; có cơ chế hỗ trợ và huy động nhân dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng, dần dần đổi thửa... Ngoài ra, MTTQ Việt Nam các cấp cũng tích cực tuyên truyền cho cán bộ, bà con nông dân nâng cao ý thức trách nhiệm tham gia giám sát thường xuyên, kịp thời phát hiện những sai phạm, bất cập và phản ánh với cấp có thẩm quyền.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương

MTTQ Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 78/HD-MTTW-BTT về nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng NTM ở cấp huyện, xã. Đồng thời, chọn 10 tỉnh, TP chỉ đạo điểm để xây dựng đánh giá, rút kinh nghiệm về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng NTM tại 25 xã. Theo báo cáo của các địa phương triển khai thí điểm, việc đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng NTM được thực hiện nghiêm túc, có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền; việc phân công trách nhiệm, theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả của MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư. Trong quá trình thực hiện đã đảm bảo các bước lấy ý kiến của người dân theo quy định và kết quả được niêm yết công khai; việc tổ chức các Hội nghị lấy ý kiến được thực hiện dân chủ với sự tham gia của đại diện các hộ gia đình ở khu dân cư.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 đã bước sang một giai đoạn mới, với yêu cầu nâng cao chất lượng tiêu chí, nhằm đảm bảo tính bền vững của kết quả xây dựng NTM và hướng đến xây dựng các xã, huyện NTM kiểu mẫu. Để góp phần thực hiện mục tiêu này, thời gian tới, MTTQ Việt Nam sẽ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, chú trọng phát huy vai trò tự quản của nhân dân trong giám sát để Chương trình xây dựng NTM đạt hiệu quả cao, nhằm đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước ■



Hải Hậu quyết tâm đạt chuẩn nông thôn mới bền vững và phát triển kiểu mẫu

Hải Hậu (Nam Định) là huyện đầu tiên có 100% (35/35) xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), được Thủ tướng ban hành quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM từ tháng 6/2015. Phát huy kết quả đạt được, cán bộ và nhân dân huyện Hải Hậu đang quyết tâm xây dựng huyện đạt chuẩn NTM bền vững và phát triển kiểu mẫu vào năm 2020.

HUYỆN ĐI ĐẦU TRONG XÂY DỰNG NTM

Qua 9 năm tổ chức thực hiện phong trào xây dựng NTM đặc biệt là 2 năm thực hiện phong trào toàn dân chung sức xây dựng NTM bền vững và phát triển, cơ cấu kinh tế của huyện Hải Hậu đã có chuyển dịch đúng hướng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2017 (so với năm 2010) đạt 7,22%. Sản phẩm bình quân đầu người đạt 39,02 triệu đồng. Giá trị sản xuất bình quân 1 ha canh tác đạt 112 triệu đồng. Văn hóa, y tế, môi trường tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng. Có 114/114 trường học 3 cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia. Đời sống nhân dân ngày được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo không thuộc chính sách Bảo trợ xã hội giảm còn 2%. Tính đến ngày 31/12/2017, tỷ lệ y tế toàn huyện đạt 87,13%.

Nhằm xây dựng Hải Hậu trở thành huyện đi đầu trong xây dựng NTM, Đảng bộ và nhân dân huyện Hải Hậu đã phát động phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng NTM bền vững và phát triển” giai đoạn 2016 - 2020. Trên cơ sở kế thừa Bộ tiêu chí NTM, với những mục tiêu cụ thể, Đảng bộ và nhân dân huyện Hải Hậu đã tạo được sự chuyển biến về chất, hướng tới phát triển toàn diện, đảm bảo sự bền vững trong giai đoạn hiện nay. UBND huyện ban hành Bộ tiêu chí xóm, tổ dân phố (TDP) NTM bền vững và phát triển giai đoạn 2016 - 2020 gồm 11 tiêu chí với 75 tiểu mục.

Xác định phát triển hạ tầng giao thông góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 2016 đến nay, các xã, thị trấn đã tiếp tục đầu tư trên 56 tỷ đồng để cải tạo, nâng cấp và làm mới nhất là các tuyến đường trục, liên xã, liên xóm, TDP, đảm bảo kết nối thông suốt với đường huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ. Để góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nhiều xã, thị trấn vận động cộng đồng dân cư dọc các



▲ Hải Hậu đón nhận Danh hiệu “Huyện đạt chuẩn NTM” năm 2015

đường xây dựng hệ thống điện chiếu sáng riêng biệt.

Trong xây dựng NTM, tiêu chí môi trường trong sản xuất và sinh hoạt của nhân dân được thường xuyên quan tâm và thực hiện đồng bộ các giải pháp: Xây dựng lò đốt rác theo công nghệ khí tự nhiên; thành lập các hợp tác xã thu gom và xử lý rác thải; tổ chức khoán quản lý giải phóng dòng chảy và vớt rác trên tất cả các tuyến kênh; phát động phong trào toàn dân vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, hoa trên tất cả các tuyến đường giao thông. Các địa phương thường xuyên có đội tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt từ 2- 3 lần/tuần, có 28 lò đốt rác bằng khí tự nhiên, 7 hố chôn rác thải đạt tiêu chuẩn đáp ứng được công tác vệ sinh môi trường trong khu dân cư nông thôn. Các hộ gia đình đang từng bước chuyển chăn nuôi gia trại, trang trại ra vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư.

Phong trào xây dựng cảnh quan nông thôn “Xanh - Sạch - Đẹp” thông qua việc chỉnh

trang khuôn viên gia đình, đường làng ngõ xóm, giải tỏa các loại cây tạp trên các tuyến trục xã, đường trục xóm, bồi đắp thêm lề đường và chỉ đạo trồng cây bóng mát, trồng hoa theo quy hoạch đã làm tăng nét đẹp của nông thôn. Đến nay, toàn huyện có trên 454 km đường hoa, có 34/35 xã, thị trấn đăng ký với 84 tuyến đường “Xanh - Sạch - Đẹp kiểu mẫu” do phụ nữ tự quản. Các đơn vị tiêu biểu trồng hoa ven đường trục xã là xã Hải Quang với tuyến đường dài 2,5 km, Hải Châu với tuyến đường dài 2,2 km, Hải Tân với tuyến đường trục chính của xã dài trên 3 km ...

Qua 2 năm tổ chức thực hiện xây dựng NTM bền vững và phát triển, có 498/546 xóm, TDP (bằng 91,2%) được công nhận đạt NTM bền vững và phát triển giai đoạn 2016 - 2020. Trong đợt thẩm định tháng 4/2018, các Tổ thẩm định đánh giá cao phong trào huy động toàn dân xây dựng thôn, xóm “Sáng - Xanh, Sạch - Đẹp” của 39/480 xóm, TDP (bằng 8,5%) có số điểm từ 90



điểm trở lên. Điển hình như: Xóm 3, 5, 7, 13, 14, 15 - Hải Nam, xóm 1 - Hải Hưng, xóm 2, 3 - Hải Hà, xóm 3 - Hải Lộc, xóm 9 - Hải Anh, xóm 8, xóm 10 - Hải Tây, xóm 9 - Hải Toàn, xóm Xuân Đài Đông - Hải Hòa.

ĐỊNH HÌNH MÔ HÌNH NTM KIỂU MẪU

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng, thế mạnh về điều kiện kinh tế - xã hội, mô hình NTM kiểu mẫu - hay còn gọi là NTM nâng cao của huyện tập trung vào 3 nhóm nội dung với các tiêu chí có hạ tầng nông thôn “kiên cố - đồng bộ - kết nối”; có cảnh quan nông thôn “xanh mát - sạch sẽ”; có “ nếp sống văn hóa đẹp - tiến bộ”. Theo đó, huyện Hải Hậu sẽ duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí xã, thị trấn NTM bền vững và phát triển, huyện NTM bền vững và phát triển; Đầu tư xây dựng hình mẫu NTM “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp để phát triển bền vững” trên địa bàn từ cấp huyện, cấp xã, cấp xóm. Trong đó, nâng cao các tiêu chí “Đường có điện có hoa, nhà có tên, sông không rác, cán bộ chuyên cần, nhân dân đồng thuận”, xây dựng huyện Hải Hậu trở thành một miền quê đáng sống.

Hiện nay, Ban chỉ đạo NTM của huyện cũng đã chọn 4 đơn vị là TDP số 8 thị trấn Thịnh Long, xóm 8 xã Hải Tây, xóm 3 xã Hải Hà và xóm 4 xã Hải Bắc làm điểm xây dựng xóm, TDP NTM kiểu mẫu năm 2018 và xã Hải Thanh xây dựng xã NTM kiểu mẫu năm 2019. Trong năm 2018, huyện phấn đấu có 100 % số xóm, TDP của huyện đạt “Xóm, TDP NTM bền vững và phát triển” và trên 50 % số xã, thị trấn đạt “Xã, thị trấn NTM bền vững và phát triển”; có 4 xóm, TDP đạt NTM kiểu mẫu. Năm 2019, mỗi xã, thị trấn có ít nhất một xóm, TDP NTM kiểu mẫu về “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp để phát triển bền vững” giai đoạn 2018 - 2023, có 100 % xã, thị trấn đạt “Xã, thị trấn NTM bền vững và phát triển”.

Để thực hiện mục tiêu trên, UBND huyện đã ban hành Đề án “Nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020, Bộ tiêu chí xây dựng xóm, TDP NTM bền vững phát triển giai đoạn 2016 - 2020 và bộ tiêu chí xây dựng xã, thị trấn NTM bền vững và phát triển giai đoạn 2016 - 2020, một trong những nội dung quan trọng của giai đoạn này là xây dựng môi trường nông thôn “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, an toàn”. Theo đó, đối với việc tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải rắn, UBND huyện Hải Hậu đã ban hành



▲ Khu trung tâm huyện Hải Hậu

quy định xử phạt các hành vi xả rác thải, chất thải rắn ra môi trường, nơi công cộng theo quy định của pháp luật. Mỗi xã, thị trấn có một tổ thu gom rác thải, thu từ 2 - 4 lần trong tuần; có 25 lò đốt rác bằng khí tự nhiên, 9 hố chôn rác thải đạt tiêu chuẩn của Sở TN&MT. Để hạn chế rác thải, chất thải dón về nơi thu gom tập trung, nơi công cộng, các xóm, TDP đều có nội quy, quy ước về thu gom rác thải, chất thải.

Với việc vệ sinh dòng sông, kênh mương, đồng ruộng, UBND huyện Hải Hậu đã có văn bản chỉ đạo về việc giải tỏa vật cản đảm bảo dòng chảy và vệ sinh môi trường, phân cấp quản lý và đảm nhận vệ sinh các tuyến sông, kênh mương cho các đơn vị theo từng cấp từ huyện đến thôn, xóm. Trích từ nguồn thủy lợi phí và nguồn hỗ trợ của huyện là 1,5 triệu đồng/km/năm; phần còn lại các xã, thị trấn trích tối thiểu 30 % từ nguồn sự nghiệp môi trường để xây dựng định mức khoán giải tỏa vật cản và vệ sinh dòng sông trung bình là 2 - 3 triệu đồng/km/năm. Các cánh đồng đều có thùng chứa thuốc bảo vệ thực vật, các xã, thị trấn khoán quản vệ sinh kênh mương cấp 3 và thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, rác thải khác từ 0,3 - 0,5 triệu đồng/km/năm. Hàng

tháng, các cơ quan chuyên môn của huyện phối kết hợp với UBND xã, thị trấn tiến hành nghiệm thu, đánh giá các vị trí đã được khoán quản vệ sinh. Đối với môi trường trong chăn nuôi, các xã, thị trấn đã xây dựng quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, đang từng bước chuyển toàn bộ chăn nuôi quy mô gia trại, trang trại vào nơi tập trung đã được quy hoạch. Hiện nay có 100 % gia trại, trang trại chăn nuôi ký cam kết với UBND xã, thị trấn giữ gìn vệ sinh môi trường chăn nuôi thông qua việc xử lý chất thải bằng hầm biogas và phun các hóa chất khử trùng thường xuyên. Toàn huyện hiện có gần 1.495 hầm biogas/1.090 trang trại và gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Phát huy những kết quả đã đạt được, trong thời gian tới, huyện Hải Hậu sẽ tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM theo hướng phát triển mọi mặt chất lượng đời sống người dân; qua đó tăng cường sự đồng thuận xã hội, tạo động lực để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đã được xác định trong Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hải Hậu lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020■

TRẦN VĂN PHIỆT



BẾN TRE PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2020 CÓ 100% XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ 17 VỀ MÔI TRƯỜNG



▲ Bộ mặt làng quê đang từng ngày đổi thay, Xanh - Sạch - Đẹp hơn

Trong bộ 19 tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới (NTM), UBND tỉnh Bến Tre đã giao Sở TN&MT tham mưu, thực hiện tiêu chí 17 về môi trường. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, có 100% xã đạt tiêu chí 17.

Để đạt được tiêu chí 17 như mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X đề ra, Sở TN&MT đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND huyện, thành phố xây dựng Đề án thực hiện tiêu chí 17 giai đoạn 2018 - 2020 nhằm đề ra nhiệm vụ và giải pháp để các ngành, địa phương thực hiện. Tổng kinh phí để thực hiện Đề án là 244,755 tỷ đồng từ nguồn ngân sách hàng năm của tỉnh.

Nội dung trọng tâm của Đề án là tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các nhà máy nước và các tuyến cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ khoảng 23.364 hộ trang bị thêm dụng cụ trữ nước mưa để dùng cho ăn uống trong mùa khô; Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các thủ tục, công trình và biện pháp xử lý chất thải phát sinh của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản và làng nghề; Phát động ra quân làm vệ sinh và trồng cây xanh tại các địa phương nhân dịp Ngày Môi trường thế giới hàng năm. Đặc biệt, kêu gọi đầu tư hoặc huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư lò đốt rác sinh hoạt tại các huyện Chợ Lách, Mỏ Cày Nam và Giồng Trôm; Đầu tư thêm phương tiện, mở rộng mạng lưới thu gom rác đối với các xã nằm trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ; Thực hiện chuyển đổi đánh giá khối lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật...

Để tổ chức thực hiện tốt nội dung nêu trên, Sở TN&MT sẽ làm nòng cốt hướng dẫn địa phương thực hiện tiêu chí 17, thông qua xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT tại các cơ sở thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh; Tổ chức mít tinh, phát động ra quân làm vệ sinh và trồng cây xanh quy mô cấp tỉnh...

QUỲNH NHƯ

NGHI XUÂN: HUYỆN ĐẦU TIÊN CỦA HÀ TỈNH VỀ ĐÍCH NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018



▲ Toàn cảnh buổi họp, xét công nhận huyện Nghi Xuân đạt chuẩn huyện NTM năm 2018

Ngày 28/11/2018, tại Hà Nội, Hội đồng thẩm định Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 đã tổ chức họp, xét công nhận huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn huyện nông thôn mới (NTM) năm 2018.

Sau khi được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt xây dựng huyện đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020, quá trình xây dựng NTM ở huyện Nghi Xuân đã gặp không ít khó khăn, trở ngại. Với xuất phát điểm thấp khi bắt tay vào xây dựng NTM, tỷ lệ hộ nghèo của huyện chiếm 17,18% (năm 2010), thu nhập bình quân đầu người/năm mới đạt 13 triệu đồng, số tiêu chí bình quân đạt 4,82 tiêu chí/xã... Cùng với đó, cơ sở hạ tầng về văn hóa, giao thông, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn xuống cấp, hư hỏng cần nguồn lực lớn để nâng cấp, xây dựng...

Xác định xây dựng NTM là cơ hội để phát triển, nhiệm vụ chính trị trọng tâm và xuyên suốt, huyện Nghi Xuân đã cụ thể hóa các tiêu chí bằng phương án, dự án, xác định khối lượng cụ thể, xây dựng lộ trình giải pháp thực hiện cho từng giai đoạn.

Kết quả, sau 8 năm triển khai xây dựng NTM, bằng sự đoàn kết, nỗ lực, quyết liệt, sáng

tạo của chính quyền và nhân dân địa phương, huyện Nghi Xuân đã hoàn thành các tiêu chí huyện NTM trước thời hạn 2 năm với nhiều kết quả quan trọng: Thu nhập bình quân đầu người đạt 36,66 triệu/người/năm; Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,66%; Thu ngân sách ước đạt 225 tỷ đồng. Toàn huyện có 17/17 xã đã đạt chuẩn NTM bền vững; Xây dựng được 500 km đường giao thông nông thôn, hơn 200 km mương thoát nước dân cư, 73 km kênh mương nội đồng, 73 công trình trường học, xây mới và nâng cấp 148 nhà văn hóa thôn, 17 nhà văn hóa xã...

Sự kiện Nghi Xuân vinh dự là huyện đầu tiên của tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM đã khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của cấp ủy, chính quyền huyện Nghi Xuân nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung, sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, đồng tâm, chung sức của cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Qua đó, cổ vũ, động viên các địa phương, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng NTM trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của người dân và làm thay đổi bộ mặt nông thôn Hà Tĩnh.

THANH HUYỀN



Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Ea Sô được thành lập năm 1999, là khu rừng đặc dụng, thuộc địa bàn huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, có tổng diện tích 27.800 ha, gồm 3 phân khu: Bảo vệ nghiêm ngặt, rộng 15.959 ha; Phân khu phục hồi sinh thái 9.816 ha và dịch vụ hành chính 2.025 ha, có nhiệm vụ bảo vệ rừng đầu nguồn thủy điện sông Hinh, Krông H'Năng và các hệ sinh thái rừng núi cao Tây Nguyên; Bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã, đặc biệt là những loài thú lớn móng guốc; Phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường, phát triển du lịch sinh thái (DLST)... góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

ĐA DẠNG CÁC LOÀI ĐỘNG, THỰC VẬT

KBTTN Ea Sô có địa hình phong phú và đa dạng, chia cắt phức tạp, chuyển tiếp từ núi cao đến đồi gò, trảng bằng, đồng cỏ, tạo nên một vùng đặc sắc mang nhiều kiểu thảm thực vật, được đánh giá là môi trường sống lý tưởng của bò tót, bò rừng và các loài thú quý hiếm thuộc bộ thú móng guốc ăn cỏ của Việt Nam.

Nơi đây có thảm thực vật rừng đa dạng với nhiều kiểu rừng: Kín thường xanh; kín nửa lá rụng; thưa cây lá rộng; trảng cây to, cây bụi, cỏ cao khô nhiệt đới; nửa rụng lá hỗn hợp giao tre nửa, lồ ô; tre nứa, le gai... Về động vật, theo ghi nhận, KBTTN Ea Sô có 279 loài thuộc 92 họ, 29 bộ ở 4 lớp thú, chim, bò sát, ếch nhái, trong đó, có 69 loài quý hiếm, điển hình như sói đỏ, hươu vàng, mang lớn, bò rừng, chồn, dơi, bò tót, sơn dương... Về thực vật rừng, có 716 loài, thuộc 141 họ, 47 bộ ở 7 lớp của 5 ngành thực vật cùng nhiều loại gỗ quý hiếm như cà te, gỗ đỏ, bằng lăng, cẩm xe, giáng hương...

Nằm trong KBTTN Ea Sô là hồ thủy điện Krông H'Năng, độ cao 240 m, rộng 1.518 ha, với nhiều trò vui chơi giải trí như đua thuyền lướt ca nô trên mặt nước, câu cá vào dịp cuối tuần. Bên cạnh đó, dòng thác Bay, cách trụ sở Ban quản lý KBTTN khoảng 15 km, thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có cột nước cao khoảng 30 m, gồm 3 tầng, uốn lượn giữa đại ngàn Ea Sô xanh thẳm. Thác được hình thành trên một dòng suối nhỏ nằm hoang sơ giữa



▲ Thác Bay trong KBTTN Ea Sô

những cây rừng thuộc họ có rễ phụ đan kín, trông rất lạ mắt. Tiếp đến là khu rừng sinh thái đa dạng, hệ động, thực vật phong phú, những tảng đá đầy đủ kích thước nằm dọc theo con suối quanh năm nước chảy qua... tạo thành một khung cảnh tuyệt đẹp, nên thơ và lãng mạn.

NƠI LƯU GIỮ NHIỀU SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC TRƯNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC Ê ĐÊ

Đến KBTTN Ea Sô, du khách sẽ được tham quan vườn cây ăn quả như nhãn, vải thiều, cam, quýt... của bà con đồng bào dân tộc Ê Đê; Công trình thủy lợi hồ chứa nước Ea Rót tại xã Cư EaLang, gồm hồ chứa nước Krông Pắc Thượng, dung tích 114,84 triệu m³ và hồ chứa nước Ea Rót, dung tích 16,71 triệu m³.

Không thể thiếu trong hành trình khám phá nơi đây, quả đồi Cư Cúc - nơi lưu giữ nhiều dấu tích lịch sử, đứng

sừng sững giữa đất trời, cuốn hút những ai có sở thích khám phá thiên nhiên. Du khách đến đây còn được giao lưu văn hóa với đồng bào Ê Đê, cùng thưởng thức các món ăn độc đáo như canh bột, cá suối, canh cà đắng, ớt mây... Buổi tối, bên ánh lửa trại bập bùng, nhâm nhi chén rượu cần, hòa mình vào điệu múa xoang của các cô gái Tây Nguyên trong nhịp chiêng tươi vui, rộn rã... Ngoài ra, du khách cũng sẽ được tìm hiểu nét văn hóa đặc trưng của 129 nhà dài do phụ nữ làm chủ, phản ánh sự tồn tại của chế độ mẫu hệ, trong đó có 46 nhà dài đẹp, trung bình mỗi nhà khoảng 60 - 90 m². Với những giá trị, sắc thái mang đậm ý nghĩa nhân văn của văn hóa truyền thống, nhà dài không chỉ là niềm tự hào của đồng bào Ê Đê mà còn là nét văn hóa tiêu biểu của dân tộc bản địa tại Ea Kar. Những nét đẹp ấy đã góp phần làm đa dạng và tạo nên bản sắc văn hóa cho Đắk Lắk nói chung, huyện Ea Kar nói riêng.



Toàn cảnh Ea Sô là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, vì vậy, việc hình thành các tuyến, điểm du lịch mới trên địa bàn huyện Ea Kar là việc làm cần thiết để phát huy tiềm năng, lợi thế hiện có, hướng tới phát triển DLST gắn với tham quan, nghỉ dưỡng, giáo dục ý thức BVMT cho thế hệ trẻ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn, việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Đồng thời, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Ê Đê.



▲ Nhà dài do phụ nữ làm chủ, phản ánh sự tồn tại của chế độ mẫu hệ ở đồng bào Ê Đê

Có thể thấy, việc phát triển du lịch tại KBTTN Ea Sô là hình thức phát triển kinh tế gắn với công tác bảo tồn hiệu quả, đặc biệt là DLST - loại hình dựa vào hiện trạng tự nhiên, văn hóa để thu hút du khách. Tuy nhiên, khi khai thác phát triển du lịch, không tránh khỏi những tác động đến môi trường sinh thái, sự đa dạng sinh học. Vì vậy, các cơ quan quản lý, nhà đầu tư phải đặt lợi ích bảo tồn lên trên lợi ích kinh tế, có kế hoạch thực hiện chi tiết, cụ thể, tạo hành lang pháp lý và cơ chế rõ ràng đối với các tổ chức kinh doanh du lịch, đảm bảo có sự chia sẻ lợi nhuận bằng vật chất cho cộng đồng địa phương, bảo tồn thiên nhiên và BVMT. Đồng thời, hệ thống văn bản pháp luật liên quan tới việc khai thác, quản lý tài nguyên thiên nhiên cần được điều chỉnh, bổ sung, tránh sự chồng chéo; Xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật như nhà nghỉ, nhà ăn, trạm dừng chân, chòi quan sát, đường mòn... sao cho thích hợp với nhiệm vụ bảo tồn, không để công tác xây dựng cơ sở vật chất trở thành nguyên nhân của sự tàn phá môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững■

LÊ THỊ NGỌC

Hãy trả lại môi trường sống an toàn cho các loài động vật hoang dã ở khu vực Tây Nguyên



▲ Diện tích rừng ở Tây Nguyên suy giảm là nguyên nhân làm cho các loài ĐVHD bị biến mất do môi trường sống bị phá hủy

Mảnh đất Tây Nguyên được biết đến với diện tích núi đồi đất đỏ bazan rộng lớn, những con sông đầu nguồn và các khu rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học. Nơi đây cũng là nhà của nhiều loài động vật quý hiếm được pháp luật Việt Nam bảo vệ như hổ, beo lửa, báo, bò tót, bò rừng, voọc chà vá chân đen, công xanh, và đặc biệt là voi - loài gắn liền với văn hóa Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung.

MÔI TRƯỜNG BỊ ĐE DỌA

Từ xưa, người Tây Nguyên nương tựa vào thiên nhiên, sinh sống và phát triển yên bình trong lòng thiên nhiên cùng muôn loài hoang dã. Nhưng trong hơn bốn thập kỷ gần đây, bức tranh hài hòa này đang bị phá vỡ. Áp lực phát triển đè nặng lên thiên nhiên. Các cánh rừng bị thu hẹp, nhường đất cho phát triển nông, lâm nghiệp và cơ sở hạ tầng. Các con sông, con suối bị ô nhiễm; quần

thể các loài động vật hoang dã (ĐVHD) bị suy giảm nghiêm trọng do mất sinh cảnh sống và bị săn bắt tận diệt để phục vụ nhu cầu của con người. Từ hàng nghìn cá thể voi hoang dã, giờ Tây Nguyên chỉ còn khoảng 70 cá thể, sống trong Vườn quốc gia (VQG) Yok Don. Loài bò tót đẹp đẽ và dũng mãnh, từ hơn 4.000 cá thể giờ còn chưa tới 400 cá thể trên toàn quốc. Hổ đã biến mất khỏi núi rừng nơi đây và các loài mèo lớn khác đang bị ráo riết săn lùng.



Có thể thấy, số lượng cũng như tổng số các loài ĐVHD ở Tây Nguyên đang giảm đi với tốc độ đáng báo động. Nguyên nhân đầu tiên chính là việc những cánh rừng già nguyên sinh, môi trường sống cố hữu của các loài ĐVHD đã bị khai thác cạn kiệt. Theo thống kê, năm 1980, tổng diện tích rừng của Tây Nguyên có 3.868.400 ha, chiếm 70,66% tổng diện tích tự nhiên cả nước. Nhưng từ năm 1980 - 1995, trung bình mỗi năm Tây Nguyên “xóa sổ” 120 nghìn ha rừng, rừng giàu và trung bình giảm 75%, rừng nghèo tăng 109%. Từ năm 1995 đến nay, mỗi năm không dưới 45 nghìn ha rừng bị phá. Đặc biệt, trong những năm gần đây, khí hậu Tây Nguyên diễn biến bất thường, hạn hán, lũ quét, mùa khô đến sớm và kéo dài, nhiệt độ trung bình hàng năm tăng lên... Vì thế, những loài ĐVHD bị biến mất khỏi nơi đây bởi môi trường sống của chúng bị biến đổi hoặc phá hủy hoàn toàn.

Mặt khác, ghi nhận từ thực tế, tại các trung tâm lớn như Buôn Mê Thuật, Bảo Lộc, Đà Lạt, Kon Tum, Gia Lai... không khó để tìm những món ăn có xuất xứ từ ĐVHD. Theo đó, hàng trăm các nhà hàng đặc sản ĐVHD đã mọc lên và là nguyên nhân khiến những loài thú quý hiếm bị săn bắt bất kể ngày đêm. Tình trạng này đã gián tiếp làm mất cân bằng hệ sinh thái môi trường sống của chính con người.

Tây Nguyên còn là nơi cư trú của hơn 150 loài thú có vú, 400 loài chim, 100 loài bò sát, cũng như côn trùng các loại. Tuy nhiên, quần thể các loài hoang dã đã suy giảm đến mức báo động, nhưng rừng Tây Nguyên vẫn đủ giàu để các loài hoang dã tự phục hồi. Điều quan trọng là phải trả lại cho chúng môi trường sống an toàn và hành lang di chuyển đủ rộng theo tập tính của loài.

HÃY TRẢ LẠI MÔI TRƯỜNG SỐNG CHO ĐVHD

Trong số rất nhiều những giải pháp bảo tồn ĐVHD ở Tây Nguyên mà chính quyền địa phương đang áp dụng như cấm săn bắt, tuyên truyền phổ biến tác hại, lợi ích không đáng có của thịt thú rừng hay thành lập các VQG, bảo tồn môi trường sống, thả thú về rừng... thì việc gây nuôi sinh sản thành công một số loài ĐVHD không những có ý nghĩa về mặt kinh tế (mang lại thu nhập và việc làm cho người dân địa phương) mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc bảo tồn. Mặt khác, việc nghiên cứu tái thả lại tự nhiên một số loài quý hiếm

như trăn và cá sấu sẽ có ý nghĩa to lớn đối với bảo tồn. Tại VQG Cát Tiên (Lâm Đồng), chương trình tái thả lại tự nhiên một số cá thể cá sấu đang được tiến hành và đó là cách để bảo tồn loài động vật quý hiếm nước ngọt này.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương đã tổ chức các sự kiện tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ ĐVHD. Thông qua các hoạt động tuyên truyền là dịp những người con Tây Nguyên tề tựu để nhìn lại thực trạng tài nguyên các loài hoang dã quý hiếm của quê hương và cùng nhau quyết tâm gìn giữ những món quà quý báu mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất cao nguyên tự hào này. Sự có mặt của lãnh đạo các địa phương, sự tham gia đông đảo của thế hệ trẻ và người dân trong sự kiện hưởng ứng Ngày Thế giới bảo tồn các loài hoang dã (4/12) lần đầu tiên được tổ chức tại Buôn Ma Thuật thể hiện sự quyết tâm của người dân Tây Nguyên trong công cuộc bảo vệ thiên nhiên và các loài hoang dã. TP. Buôn Ma Thuật cam kết sẽ trở thành thành phố đầu tiên của Tây Nguyên không buôn bán các sản phẩm ngà voi, nhẵn lông đuôi voi và các loài ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng.

Có thể nói, vì một môi trường sống lành mạnh và sự đa dạng hệ sinh thái, việc bảo tồn, phát huy gìn giữ những loài ĐVHD là thực sự cần thiết với môi trường sống của chính con người. Vì vậy, hãy bắt đầu bằng việc hạn chế sử dụng những sản phẩm từ ĐVHD để giảm thiểu ít nhất khả năng gây nguy hại những động vật này■

LÊ HÀ



▲ Triển lãm tranh về các loài động vật quý hiếm tại sự kiện hưởng ứng Ngày Thế giới bảo tồn các loài hoang dã



Phụ nữ huyện đảo Cô Tô thực hiện hiệu quả phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”

ThS. PHẠM THỊ NHẠN

Học viện Phụ nữ Việt Nam

Với mong muốn thay đổi nhận thức, hành động của từng hội viên phụ nữ trong việc tham gia gìn giữ môi trường tự nhiên vì sự phát triển bền vững, thời gian qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) huyện Cô Tô (Quảng Ninh) đã chú trọng tuyên truyền, xây dựng nhiều mô hình, hoạt động thiết thực. Những hoạt động này đã huy động sự tham gia tích cực của các tầng lớp phụ nữ, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng dân cư chung tay BVMT, điển hình như phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”.

Việc triển khai phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” do Đảng ủy thị trấn Cô Tô chỉ đạo Hội LHPN huyện thực hiện tới toàn thể các chi hội, cán bộ, hội viên và bà con nhân dân trên địa bàn. Với cách làm cụ thể, chọn 1 ngày Chủ nhật hàng tháng và nhân ngày kỷ niệm, lễ, sự kiện lớn của đất nước, tỉnh, huyện hoặc sau đợt thiên tai, mưa lũ, đoàn thể, hội viên phụ nữ

các xã, thị trấn tổ chức đồng loạt ra quân dọn vệ sinh môi trường nhằm xử lý khu vực điểm ô nhiễm môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng, lô đất trống, cống rãnh, kênh mương, đường phố, chợ, điểm du lịch, khu vực ven biển, nơi sinh hoạt công cộng...

Trong “Ngày Chủ nhật xanh”, các lực lượng sẽ tổ chức ra quân dọn vệ sinh môi trường theo phương thức cuốn chiếu, mỗi tuần một lần tại địa điểm ô nhiễm ở các thôn, khu, xóm làm đầu sạch đó, giải quyết dứt điểm tình trạng rác tồn đọng lâu ngày, bãi rác tự phát. Không chỉ một Chủ nhật trong tháng mà các cấp Hội phụ nữ còn kiểm tra thường xuyên, khu vực nào không đảm bảo vệ sinh môi

trường sẽ thực hiện việc dọn dẹp, phát quang, đảm bảo môi trường luôn xanh, sạch, đẹp. Cùng với đó, các cấp Hội LHPN huyện cũng đã tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích thiết thực của phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” cũng như các hoạt động tham gia BVMT đến hội viên, cộng đồng dân cư thông qua các hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đồng thời, vận động nhân dân phân loại rác thải, đặc biệt không vứt túi ni lông xuống biển, đổ rác đúng giờ và nơi quy định; giữ gìn vệ sinh nguồn nước, chuồng trại chăn nuôi, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu đúng hướng dẫn, quy trình, đảm bảo an toàn môi trường trong sản xuất.

Là một trong những chi hội triển khai tích cực và hiệu quả phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, Chi hội phụ nữ khu 2 thị trấn Cô Tô đã huy động cán bộ, hội viên phụ nữ và nhân dân tham gia thu gom rác thải, phát quang đường làng, ngõ xóm trên các tuyến đường chính, khu dân cư... vào ngày Chủ nhật đầu tiên trong tháng. Chỉ trong thời gian ngắn, những đoạn đường hai bên được trồng hoa, sạch, đẹp, nhiều cống rãnh đã được khơi thông. Cùng với đó, các chị em còn tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt phong trào 5 không 3 sạch gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Mặc dù, là địa bàn xa trung tâm huyện nhưng xã Thanh Lân cũng là một trong



▲ Hội viên phụ nữ huyện Cô Tô cùng nhân dân tham gia dọn vệ sinh trên các tuyến đường



những địa phương làm tốt phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, với sự tham gia đông đảo của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị lực lượng vũ trang và bà con nhân dân trên địa bàn xã. Để đảm bảo thực hiện tốt việc triển khai phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, Đảng ủy, UBND xã cũng giao cho các tổ chức vận động tuyên truyền xuống từng thôn, đồng thời phân công cán bộ thôn phụ trách từng đoạn đường. Việc triển khai “Ngày Chủ nhật xanh” sẽ được thực hiện vào tuần đầu tiên của tháng, với sự tham gia của các lực lượng, đoàn thể. Sau đó, mỗi tổ chức, đoàn thể sẽ phụ trách một ngày Chủ nhật. Bên cạnh đó, UBND xã cũng chỉ đạo thực hiện phát thanh tuyên truyền để dẫn hình thành ý thức cho nhân dân trong việc BVMT.

Từ việc triển khai hiệu quả phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, năm 2018, Hội LHPN huyện Cô Tô cũng triển khai 2 Đề án về thu gom rác thải tại nguồn và hạn chế sử dụng túi ni lông. Những năm gần đây, lượng khách du lịch đến Cô Tô tăng mạnh. Đây là lợi thế để địa phương phát triển kinh tế, nhưng kéo theo đó là vấn đề về ô nhiễm môi trường. Theo thống kê, mỗi ngày trên địa bàn huyện thải ra môi trường khoảng 3,37 tấn rác, đặc biệt, vào mùa du lịch có thể tăng lên gấp 20 lần. Thêm vào đó, với đặc thù là một huyện đảo, nếu vấn đề xử lý rác thải không tốt sẽ tác động không nhỏ đến môi trường biển, môi trường sống của nhân dân trên đảo... Mặc dù, công tác BVMT trên địa bàn huyện những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, công tác thu gom, xử lý rác thải chưa được phân loại, chủ yếu là thu gom, chôn lấp.

Để giải quyết những vấn đề trên, song song với việc quy hoạch khu xử lý chất thải trên địa bàn, các cơ quan khối đoàn thể chính trị - xã hội của huyện phối hợp với Hội LHPN thành lập 4 tổ tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình, 4/4 khu dân cư thực hiện 2 Đề án. Theo đó, chỉ tính riêng trong tháng 8/2018, các tổ công tác đã xuống địa bàn khu dân cư tuyên truyền, hướng dẫn cho 650 hộ gia đình cách phân loại rác thải và tác hại của việc sử dụng túi ni lông; cấp phát 650 chiếc làn nhựa, 540 kg túi ni lông sinh học và hơn 600 tờ rơi cho các hộ gia đình; tổ chức 3 buổi vệ sinh môi trường tại Tượng đài Bác và đường làng, ngõ xóm, thu hút trên



▲ Tuyên đường dọc bờ biển thị trấn Cô Tô được lắp bảng hiệu tuyên truyền về BVMT, hưởng ứng phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”

200 cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia, thu gom trên 2 tấn rác thải các loại ở ven biển, đường xóm; vận động nhân dân đóng góp 2,7 triệu đồng lắp hệ thống điện chiếu sáng ở ngõ xóm, khu dân cư. Đi đầu trong các xã thực hiện Đề án, tại xã Đồng Tiến, trong tháng 8, Hội LHPN phối hợp với các đoàn thể tổ chức 3 buổi vệ sinh môi trường tại thôn Nam Đồng, Trường Xuân, đường ven biển với gần 200 lượt cán bộ, hội viên, nhân dân tham gia; xã Thanh Lân quét dọn được 1.150 m đường với 200 hội viên tham gia.

Cùng với đó, từ tháng 3/2018, huyện Cô Tô đã triển khai lắp đặt hệ thống dây chuyển phân loại rác thải có công suất 30 tấn/ngày và bổ sung nâng công suất lò đốt. Đến nay, dây chuyển đi vào hoạt động có hiệu quả với 100% rác thải được phân loại và xử lý bằng công nghệ đốt mới nên đã hạn chế được lượng rác thải tồn đọng. Ngoài ra, trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới kiểu

mẫu, huyện đã chỉ đạo các phòng, ban đẩy nhanh việc hoàn thiện các hạng mục còn thiếu tại khu xử lý rác thải thôn Trường Xuân, xã Đồng Tiến; huy động nguồn lực xây dựng khu xử lý rác thải xã Thanh Lân.

Để đảm bảo môi trường biển đảo sạch đẹp, bền vững, trong thời gian tới, Hội LHPN huyện tiếp tục phối hợp với cơ quan Khối Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện tăng cường vận động cán bộ, nhân dân tham gia và nâng cao ý thức giữ gìn, BVMT, duy trì tốt phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” gắn với xây dựng khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp và thực hiện hiệu quả các Đề án về môi trường. Đồng thời, Hội LHPN huyện cũng đề ra thông điệp xanh “Mỗi người phụ nữ Cô Tô từ trẻ nhỏ đến người già phấn đấu trở thành những tình nguyện viên BVMT” và những du khách khi đến với Cô Tô sẽ được tận hưởng không gian trong lành, với nhiều hoạt động trải nghiệm lý thú■



Công viên địa chất núi lửa Krông Nô



▲ Một trong những cảnh quan địa chất tiêu biểu trong khu vực CVĐCNL Krông Nô (Đắk Nông)

ThS. TRẦN THỊ BẠCH VÂN
NGUYỄN XUÂN THẮNG
Tổng cục Du lịch

Là một phần của cao nguyên M'Nông nên thơ, hùng vĩ, Công viên địa chất núi lửa (CVĐCNL) Krông Nô (Đắk Nông) hội tụ các giá trị tiêu biểu về địa chất địa mạo, khảo cổ, văn hóa và đa dạng sinh học (ĐDSH) đặc trưng của khu vực.

Điểm đặc biệt nhất trong khu vực CVĐCNL Krông Nô là hệ thống hang động trong đá bazan, phân bố ở khu vực Đray Sáp - Chư R' Luh, được phát hiện từ năm 2007. Hệ thống hang động núi lửa này đã được Hiệp hội Hang động Núi lửa Nhật Bản xác lập kỷ lục Đông Nam Á về cả quy mô, độ dài và tính độc đáo. Trong các hang động còn ẩn chứa nhiều điều bí mật về cơ chế tạo thành, các tổ hợp khoáng vật, ĐDSH và di chỉ khảo cổ...

Trong khu vực CVĐCNL Krông Nô còn có các di sản địa kiểu cổ sinh như: Hóa thạch cúc đá, khuôn cây trong đá bazan; dãy núi cao phân bậc địa hình; hồ nước tự nhiên đầy thơ mộng như Ea Snô, Trúc, Tây...; các miệng núi lửa độc đáo và đặc trưng như Chư R' Luh, Nâm Kar, Ea Tling...; hệ thống các thác nước đẹp, hùng vĩ như Gia Long, Trinh Nữ, Đray Sáp...

Bên cạnh đó, CVĐCNL Krông Nô sở hữu đa dạng, phong phú các mỏ và điểm quặng khoáng sản bauxit, antimon, thiếc sa khoáng, puzolan, đá quý và đặc biệt là đá bán quý opal - chalcedon kích thước lớn.

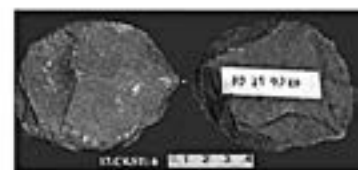
Các phát hiện về di chỉ khảo cổ người tiền sử sinh sống trong khu vực hang động núi lửa của CVĐCNL Krông Nô đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu bước đầu cùng với việc thu thập các di vật khảo cổ có mật độ khá dày đặc như dấu tích văn hóa của cư dân hậu kỳ Đá mới và sơ kỳ Kim khí, có niên đại từ 3.000 - 6.000 năm. Các di vật khảo cổ được phát hiện, bao gồm:

Đồ đá, đá nguyên liệu và các công cụ đá hình đĩa; rìu ngắn; công cụ mảnh tước; phiến tước; hòn ghè, kê, mài...

Về đồ gốm thì có rất nhiều loại vật dụng, với độ dày, mỏng khác nhau, được làm từ đất sét pha cát, hạt nhỏ, nặn bằng tay. Hoa văn trên các mảnh gốm sắc nét và đa dạng như chấm gạch, gạch vải, văn thùng... Ngoài ra, còn có xương động vật, các mảnh xương ống của động vật, hoặc xương của người tiền sử.



Công cụ hình đĩa, hang C4



Công cụ hình đĩa, hang C4



Rìu ngắn ở hang C4



Hòn kê cuối sông ở hang C4

▲ Mẫu vật được trưng bày tại Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam



Ngoài những nét đặc trưng nêu trên, CVĐCNL Krông Nô còn là khu vực có bề dày văn hóa, lịch sử, với những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể như: Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Di tích cấp quốc gia đặc biệt Đường mòn Hồ Chí Minh và 5 di tích cấp quốc gia khác (Di tích lịch sử địa điểm ngục Đắk Mil, Di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV, Di tích lịch sử lưu niệm N'Trang Gưh, Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Đồi 722 - Đắk Sắk; Địa điểm bắt liên lạc khai thông đường Hồ Chí Minh, đoạn Nam Tây Nguyên đến Đông Nam bộ).

CVĐCNL Krông Nô còn là nơi để du khách trải nghiệm đời sống tinh thần đa dạng, phong phú của phần lớn các dân tộc trên địa bàn tỉnh, thể hiện rõ nét qua tín ngưỡng dân gian, nghi lễ, lễ hội, ngữ văn dân gian, nghệ thuật diễn xướng, trò chơi dân gian... Tiêu biểu trong số đó là Sử thi (Ôt N'đrông) của người M'Nông - Di sản Văn hóa phi vật thể cấp quốc gia cần được gìn giữ, bảo tồn và phát huy.

Ngoài ra, Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Nậm Nung, Tà

CVĐCNL Krông Nô nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, ở phía Tây Nam của vùng Tây Nguyên, đoạn cuối dãy Trường Sơn với ranh giới trải dài trên 5 huyện và 1 thị xã, gồm: Huyện Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk GLong và thị xã Gia Nghĩa.

Đùng, rừng đặc dụng - cảnh quan Đray Sáp và một phần phía Nam của Vườn quốc gia Yok Đôn (xã Ea Pô, huyện Cư Jút) là những nơi lưu giữ các giá trị đặc trưng về ĐDSH của khu vực CVĐCNL Krông Nô.

Hệ thống động, thực vật trong CVĐCNL Krông Nô rất phong phú, với nhiều giống, loài quý, hiếm, trong đó nhiều loài có tên trong sách Đỏ Việt Nam và thế giới như voi, hổ, bò rừng và nhiều loài linh trưởng, động vật khác (voọc đen má trắng, chà vá chân đen, bò sát, chim hồng hoàng, gà tiền mặt đỏ). Về thực vật, có sồi ba cạnh, đinh tùng, sao, trắc, giáng hương, cầm xe... Đây là tiềm năng to lớn để Công viên địa chất phát triển các mô hình du lịch sinh thái, thám hiểm, nghiên cứu về ĐDSH... thu hút nhiều nhà khoa học,

cũng như du khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghiên cứu.

Với các giá trị tiêu biểu, có thể nhận thấy, CVĐCNL Krông Nô là tài sản quý giá, không chỉ của cộng đồng các dân tộc tỉnh Đắk Nông, mà còn của Việt Nam và nhân loại. Việc xây dựng thành công danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu cho khu vực núi lửa Krông Nô là hướng đi đúng đắn của địa phương để gìn giữ và phát huy các giá trị di sản; đồng thời, góp phần phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải có sự đồng thuận của toàn dân, sự quyết tâm lớn của hệ thống chính trị và sự phối hợp chặt chẽ của các cấp/ngành trong việc hoàn thiện hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận thành công danh hiệu cao quý này■



▲ Hồng Hoàng (bên trái) và chim Lam (bên phải) tại KBTTN Nậm Nung



Quần thể các loài động vật có xương sống trên toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng

Chỉ số Hành tinh Sống cho thấy, trung bình quần thể các loài động vật có xương sống trên toàn cầu đã giảm 60% trong hơn 40 năm qua. Yếu tố chính gây ra sự mất mát về đa dạng sinh học hiện nay đó là việc khai thác quá mức tài nguyên và hoạt động nông nghiệp. Hai yếu tố này liên quan tới nhu cầu tiêu thụ ngày càng gia tăng của con người.

Đó là một trong những cảnh báo được đưa ra tại Báo cáo Hành tinh Sống 2018 của Tổ chức Quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF). Báo cáo cho biết, sự khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người đang đẩy thiên nhiên tới bờ vực. Báo cáo đưa ra một bức tranh đáng lo ngại về tác động của con người lên tới các loài động, thực vật hoang dã, rừng, biển, sông ngòi và khí hậu trên toàn cầu.

Báo cáo đã chứng minh, các cánh rừng, đại dương và dòng sông đang phải chịu đựng dưới tác động của con người. Sự sụt giảm về số lượng các loài hoang dã và sinh cảnh tự nhiên là một chỉ số về những tác động và áp lực mà con người đang gây ra cho Trái đất. Những điều cơ bản nhất để duy trì sự sống của loài người, đó là thiên nhiên và đa dạng sinh học đang bị phá hủy. Tính tổng thể trên toàn cầu, thiên nhiên cung cấp các dịch vụ trị giá 125 nghìn tỷ USD mỗi năm.

Chỉ số Hành tinh Sống theo dõi xu hướng phát triển quần thể của các loài hoang dã. Theo những dữ liệu mới nhất hiện có, số lượng các loài cá, chim, động vật có vú, động vật lưỡng cư và bò sát đã giảm trung bình 60% từ năm 1970 - 2014. Báo cáo cũng chỉ ra những mối đe dọa lớn đối với các loài có liên hệ trực tiếp tới các hoạt động của con người, bao gồm suy giảm, mất sinh cảnh sống và việc khai thác quá mức động, thực vật hoang dã. Từ những dòng sông và rừng nhiệt đới, cho tới rừng ngập mặn và núi cao, khắp mọi nơi trên Trái đất, quần thể các loài hoang dã bị sụt giảm một cách nhanh chóng kể từ những năm 1970.

Báo cáo đặt ra một kế hoạch nhằm tạo ra sự thay đổi, trong đó có Việt Nam. Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng suy

giảm quần thể các loài hoang dã. Nhu cầu của người Việt đối với ngà voi và sừng tê giác châu Phi đã làm giảm quần thể những loài này, thổi bùng lên các thương vụ buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã trên toàn cầu. Các loài động vật có xương sống của Việt Nam cũng bị sụt giảm nghiêm trọng, phần lớn là do việc đặt bẫy trộm - loại bẫy làm bằng dây kim loại và giết chết bất kể loài nào dính phải. Năm 2010, WWF công bố sự tuyệt chủng của loài tê giác tại Việt Nam. Cá thể tê giác cuối cùng bị giết chết để lấy sừng. Hiện tại, WWF đang hỗ trợ thực hiện bảo tồn quần thể voi hoang dã của Việt Nam, hiện chỉ còn khoảng 100 cá thể.

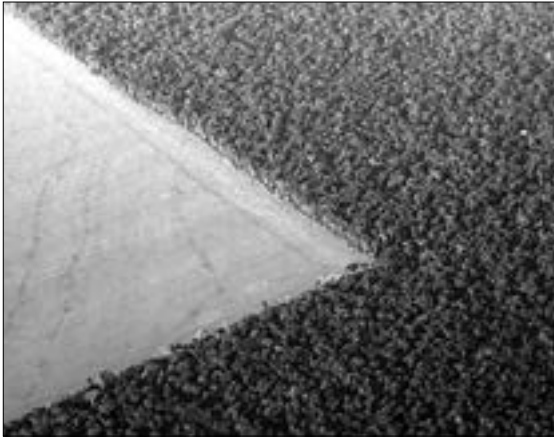
HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐANG LÀM SUY YẾU KHẢ NĂNG HỖ TRỢ CỦA THIÊN NHIÊN

Trong những thập kỷ gần đây, các hoạt động của con người đã tác động nghiêm trọng tới sinh cảnh và nguồn tài nguyên thiên nhiên mà các loài hoang dã, con người đều phụ thuộc, bao gồm đại dương, rừng, rạn san hô, đất ngập nước và rừng ngập mặn. Trong vòng 50 năm, diện tích rừng Amazon đã biến mất 20%, trong khi đó Trái đất mất đi khoảng 1/2 rạn san hô tại những vùng nước nông trong 30 năm qua.

Báo cáo cũng tập trung vào tầm quan trọng của thiên



▲ Nhu cầu sử dụng ngà voi tăng đã làm suy giảm quần thể loài



▲ Một phần rừng Amazon thuộc bang Mato Grosso (Braxin) bị phá để làm đất trồng đậu nành

nhiên đối với sức khỏe, sự thịnh vượng của loài người, cũng như đối với xã hội và các nền kinh tế. Trên toàn cầu, ước tính hàng năm thiên nhiên cung cấp những dịch vụ trị giá 125 nghìn tỷ USD. Ngoài ra, thiên nhiên còn cung cấp không khí, nước sạch, thực phẩm, năng lượng, thuốc, các sản phẩm và nguyên liệu khác.

MỘT LỘ TRÌNH HÀNH ĐỘNG VÌ THIÊN NHIÊN

Sự khỏe mạnh của thiên nhiên, sự thịnh vượng của con người và tương lai của hành tinh có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Bằng chứng cho thấy, hai chương trình - sự phát triển của con người và thiên nhiên - phải cùng gặp nhau tại một điểm nếu toàn cầu muốn xây dựng một tương lai bền vững. Báo cáo Hành tinh Sống 2018 nhấn mạnh các cơ hội mà cộng đồng quốc tế phải thực hiện từ nay tới năm 2020, nhằm bảo vệ và phục hồi thiên nhiên. Năm 2020 là một dấu mốc quan trọng bởi các nhà lãnh đạo sẽ xem xét tiến độ thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ, Thỏa thuận Pari và Công ước về Đa dạng sinh học (CBD).

WWF kêu gọi cộng đồng, doanh nghiệp, Chính phủ mỗi quốc gia hãy huy động nguồn lực, đưa ra một khung thỏa thuận toàn diện cho con người và thiên nhiên trong khuôn khổ thực hiện CBD - một công ước nhằm thúc đẩy các hành động từ lĩnh vực công và tư để bảo vệ, phục hồi thiên nhiên và đa dạng sinh học trên toàn cầu, đồng thời thay đổi xu hướng suy thoái đang diễn ra.

Báo cáo Hành tinh Sống 2018 là ấn phẩm thứ 12 của WWF, phát hành hai năm một lần. Chỉ số Hành tinh Sống của báo cáo lần này theo dõi xu hướng phát triển quần thể của 4.005 loài động vật có xương sống từ năm 1970 - 2014■

NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN

Singapo và cái giá phải trả để giữ sạch thành phố

Tháng 10/2018 đánh dấu một cột mốc lớn: Kỷ niệm 50 năm ngày ông Lý Quang Diệu, người cha lập quốc và là Thủ tướng đầu tiên, phát động chiến dịch “Giữ sạch Singapo”. Nhân dịp này, nhiều chiến dịch thu gom rác đã được triển khai, tạo sức lan tỏa rộng khắp.

ĐẤT NƯỚC XANH VÀ SẠCH

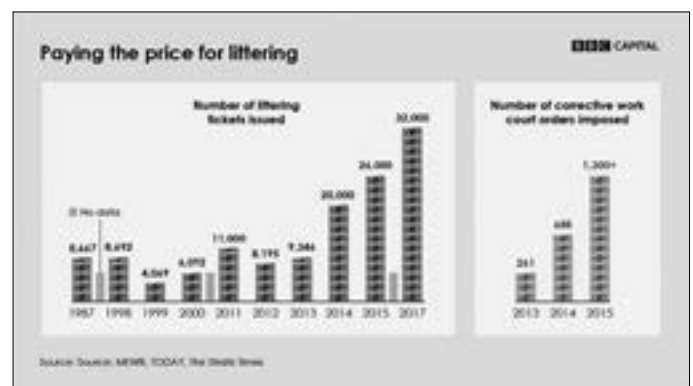
Nếu bạn đã từng đi cùng hướng với xe tải gom rác khi nó đang đi chậm chậm trên đường vào một buổi thu gom rác hàng ngày ở Singapo, bạn sẽ hiểu vì sao TP này được quét dọn không ngừng nghỉ như thế.

Ở những TP có khí hậu mát mẻ, thời gian thu gom rác giữa các hộ gia đình lâu hơn một chút, nhưng ở những vùng nhiệt đới khí hậu nóng ẩm, đó lại là nhiệm vụ khẩn cấp, bởi rác sinh hoạt và rác kinh doanh tồn đọng có thể gây

nguy hiểm tức thì. “Từ rác thải có thể sinh ra chuột, ruồi và gián. Tất cả chúng đều là vật mang vi khuẩn và mầm bệnh”, ông Edward D’Silva, Chủ tịch Hội đồng vệ sinh công cộng Singapo cho biết.

Khi đưa ra chính sách Xanh và Sạch, trong đầu Cố Thủ tướng Lý Quang Diệu có mục tiêu cao hơn. “Chúng ta đã xây dựng, chúng ta đã phát triển, nhưng không có chứng nhận thành công nào đặc thù cho bằng đạt được vị thế của chúng ta như là TP xanh và sạch nhất ở Nam Á”, ông Lý Quang Diệu phát biểu vào năm 1968. Mục tiêu của ông không chỉ đơn giản là làm cho TP trở nên đáng sống, sạch sẽ, mà còn tạo ra một nền kinh tế mạnh hơn.

Trong những năm 1970, 1980, Singapo đã phát động nhiều chiến dịch giữ nhà máy và trạm xe buýt sạch sẽ. Bên cạnh các quảng cáo còn có hoạt động giáo dục công



▲ Số lượng vụ việc xả rác ở Singapo đã được xử phạt (từ năm 1987 - 2017)



chúng; thuyết trình của quan chức y tế; chính quyền kiểm tra cơ sở thường xuyên; sự thi đua để tìm ra văn phòng, cửa hàng, công xưởng, trường học và xe cộ công cộng nào sạch nhất và bẩn nhất.

“Những chuẩn mực này sẽ giữ cho người dân nêu cao tinh thần, tỷ lệ bệnh tật thấp và do đó cũng tạo ra những điều kiện xã hội cần thiết cho tăng trưởng kinh tế trong ngành công nghiệp và du lịch. Điều này sẽ góp phần tạo ra lợi ích chung và cuối cùng đem đến lợi ích riêng cho mọi người”, ông Edward D’Silva nhấn mạnh.

Kết quả là, tuổi thọ bình quân của người dân tăng từ 66 đến 83 (tuổi thọ cao thứ 3 thế giới). Vào năm 1967, lượng du khách đến thăm là hơn 200.000 người, nhưng trong quý III năm 2018, con số này đã đạt gần 10 triệu lượt. Đầu tư nước ngoài đã bùng nổ, tăng từ 93 triệu đô la năm 1970 lên 39 tỷ đô la năm 2010. Hiện, Singapo là nước đón nhận đầu tư nước ngoài nhiều thứ 5 trên thế giới, với 66 tỷ đô la năm 2017...

XỬ PHẠT NGHIÊM MINH

Các cửa hàng giảm giá, bán đồ lưu niệm ở Singapo thường bán áo phông có in dòng chữ: “Singapo - TP phạt” và ở dưới là những hình phạt mà bạn có thể bị phạt. Chiến dịch “Giữ sạch Singapo” năm 1968 là lần đầu tiên Chính phủ nước này điều chỉnh hành vi của người dân thông qua tiền phạt.

Mỗi năm, hàng chục nghìn giấy phạt được chuyển tới người dân vì tội xả rác bừa bãi. Mức phạt tối thiểu là 300 đô la Singapo, tương đương 217 đô la Mỹ. Việc phạt tiền cũng áp dụng đối với những ai đem sấu riêng lên xe điện hay không đội nước bốn cầu công cộng. Ngoài ra, có phạt tiền cho hành vi khạc nhổ bừa bãi. Hút thuốc điện tử cũng đã bị cấm.

Bản thân ông Lý Quang Diệu thường chủ động gửi lời nhắc đến các Bộ trưởng và quan chức khi thấy cái gì đó đặt sai chỗ. Ông tin rằng, mỗi điều nhỏ nhặt đều quan trọng, người dân sẽ “lợi dụng sự lợi lỏng của chính quyền” nếu những vi phạm được bỏ qua.

Phạt tiền có hiệu quả không? Theo ông Liak Teng Lit, Chủ tịch Cơ quan Môi trường Quốc gia Singapo, sự kết hợp của

chiến dịch nâng cao nhận thức và biện pháp trừng phạt đã tạo nên khác biệt. TP trở nên sạch hơn. “Singapo không phải là một TP sạch, đó là TP được làm sạch”, ông Liak nói. Singapo không phải sạch là vì người dân sợ bị phạt, mà vì có một đội công nhân môi trường đông đảo. Hiện có 56.000 công nhân quét dọn đăng ký với Cơ quan Môi trường Quốc gia Singapo. Ngoài ra, còn có hàng nghìn công nhân hợp đồng độc lập không đăng ký với chính quyền, phần lớn là những lao động nước ngoài chấp nhận mức tiền công thấp.

Với lượng công nhân quét dọn đông đảo, Singapo đã bắt đầu xem việc quét dọn là công việc của người khác. Họ thường xuyên để khay thức ăn lại trên bàn tại các trung tâm ăn uống sau khi ăn xong, bởi vì họ không xem đó là xả rác, hoặc cho rằng công việc dọn dẹp bàn ăn là việc của người phục vụ. Ngay cả học sinh cũng không còn tự dọn dẹp những gì mình xả ra nữa bởi vì họ có người dọn dẹp giúp làm công việc này. “Chính quyền

lau dọn tòa nhà căn hộ ngay sát bên hành lang của bạn hai lần mỗi tuần. Khi bạn có dịch vụ quét dọn hiệu quả và nếu hàng xóm của bạn xả rác thì bạn không đổ lỗi cho người hàng xóm đó, bạn đổ lỗi cho người quét dọn vì đã không dọn dẹp”, ông Liak Teng Lit cho biết. Bởi thế, mỗi năm, đảo quốc sư tử chi ít nhất 120 triệu đô Singapo - một khoản tiền lớn để giữ vệ sinh công cộng.

Thay đổi hành vi của người dân như thế nào? Ở Nhật Bản, Úc hay Anh, không có sẵn lao động giá rẻ để làm công việc quét dọn. Còn ở Singapo, công nhân vệ sinh chủ yếu là người nước ngoài và người lớn tuổi. Khi dân số Singapo tăng lên và giá thuê lao động trở nên đắt đỏ hơn thì việc thuê nhiều người quét dọn như vậy đã vượt quá khả năng. Nếu người dân Singapo có thể xây dựng thói quen không vứt rác bừa bãi thì số tiền tiết kiệm được hàng triệu đô la có thể được chi cho y tế và giáo dục■

NGUYỄN HOÀNG ANH



▲ Tại Singapo, việc thu gom rác được thực hiện thường xuyên



Songdo - Thành phố công nghệ cao, thân thiện với môi trường

Theo Liên hợp quốc, đến năm 2050, tỷ lệ người sống ở các thành phố (TP) lớn được dự đoán sẽ tăng từ 54% hiện tại lên 66% tổng dân số toàn cầu. Điều này dẫn tới một loạt thách thức, trong đó có tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông, áp lực đối với cơ sở hạ tầng, nhu cầu năng lượng tăng... Đối với nhiều quốc gia trên thế giới, xây dựng TP thông minh được xem là giải pháp hữu hiệu góp phần giải quyết vấn đề này. Tuy nhiên, cách thức xây dựng các TP thông minh là khác nhau tùy thuộc vào từng khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của người dân mỗi nước và vận dụng các công nghệ sẵn có. Với việc hội tụ đầy đủ các yếu tố gồm hạ tầng hiệu quả, ứng dụng công nghệ hiện đại và môi trường sống thân thiện, Songdo (Hàn Quốc) được đánh giá là một trong những TP thông minh nhất châu Á.

Songdo (tiếng Hàn có nghĩa là hòn đảo của cây thông) là một khu đô thị hiện đại của Hàn Quốc, được xây dựng từ năm 2003, trên một hòn đảo nhân tạo lấn biển, diện tích khoảng 6 km², cách thủ đô Seoul khoảng 65 km.

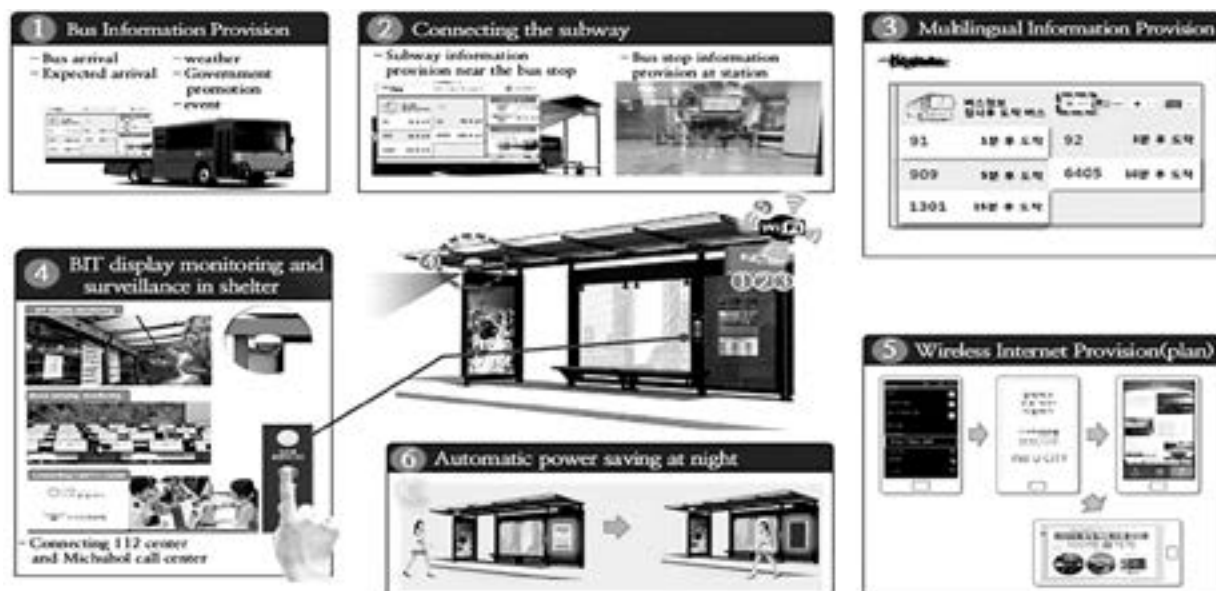
MỘT SONGDO HOÀN TOÀN KẾT NỐI

Công nghệ thông tin đang được xem như nền tảng để xây dựng lên những TP kết nối, mọi quy trình sẽ được điều khiển từ xa hoặc tự động hóa mà không cần đến sự can thiệp

của con người. Do vậy, để vận hành TP một cách hiệu quả, đem lại chất lượng cuộc sống cao cho cư dân (CCTV), Songdo dựa trên một mạng lưới camera giám sát, với hệ thống cảm biến được gắn khắp nơi. TP thực hiện thu thập dữ liệu theo thời gian thực từ hệ thống camera và cảm biến 24/24h, lưu trữ tại một trung tâm dữ liệu, sau đó thực hiện phân tích để đưa ra các quyết định theo hướng có lợi nhất cho người dân.

Hầu hết các cột đèn giao thông ở Songdo đều có camera, bộ cảm biến và những chiếc loa phát thanh. Bộ phận cảm biến có thể tự động điều chỉnh mức điện năng tiêu thụ theo điều kiện thời tiết, ánh sáng, tính toán lưu lượng giao thông để đưa ra quyết định sử dụng

điện hiệu quả nhất. Cùng với đó, các CCTV cũng được lắp đặt tại các giao điểm giao thông, trạm xe bus, công viên, khu mua sắm, trường học... không chỉ giám sát và thu thập thông tin liên quan tới phương tiện công cộng mà còn để theo dõi tình trạng phương tiện lưu thông ở xung quanh đó. Nếu như người dân nhấn vào nút “khẩn cấp” ở trạm xe, lập tức khu vực điều hành trung tâm sẽ nhận được và có các hành động kịp thời. Thông qua việc nhận dạng hình ảnh, các camera cũng có thể chủ động giám sát và phát hiện vấn đề về trật tự trị an. Nếu phát hiện một hoạt động bất thường, video quay được và dữ liệu liên quan sẽ đồng thời được gửi tới cảnh sát và đội phản ứng nhanh để có các hành động cần



▲ Hệ thống trạm xe bus thông minh, đa chức năng của Songdo



▲ Không gian xanh bao phủ khắp TP. Songdo

thiết. Vào ban đêm, các CCTV sẽ được đặt tự động về chế độ hoạt động tiết kiệm điện bằng cách sử dụng các bộ cảm biến phát hiện chuyển động.

Ngoài ra, tại các tuyến phố chính của TP cũng được gắn cảm biến phát hiện điều kiện bề mặt đường (như độ dày của tuyết trên mặt đường, mức độ sương mù...) và cảm biến thời tiết để đảm bảo có cảnh báo kịp thời đối với người tham gia giao thông. Thông tin thu thập sẽ được phân tích kết hợp với dữ liệu trong quá khứ để đưa ra dự báo. Với việc sử dụng công nghệ hiện đại đã giúp Songdo thu nhận, phân tích thông tin để vận hành TP, tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân, BVMT, an toàn cộng đồng một cách thông minh.

Điều đặc biệt, cư dân ở Songdo có thể tự chủ hoàn toàn trong việc tiếp cận các nguồn thông tin, cách thức giải trí, làm việc và học tập của mình. Những buổi học thêm hay họp phụ huynh, thảo luận với đồng nghiệp hay khám bệnh - hoạt động vốn yêu cầu phải ra khỏi nhà, thì nay hoàn toàn có thể thực hiện ngay tại nhà qua hình thức "tele-present" (hiện diện từ xa). Cùng với đó, toàn bộ hoạt động trong ngôi nhà đều được điều khiển bởi một chiếc remote nhỏ gọn. Ấm nước đang sôi cần tắt bếp, rèm cửa đóng hay mở... đều có thể kiểm soát bằng một động tác nhấn nút điều khiển. Bên cạnh đó, bảng điều khiển trung tâm còn cho chủ nhà biết lượng điện tiêu thụ hằng ngày, lượng O₂ hay CO₂ có trong phòng, lượng ánh sáng trong nhà, nhiệt

độ trong căn hộ ở mức bao nhiêu thì phù hợp... Bảng điều khiển này cũng có cảnh báo về mặt môi trường và sức khỏe trước sự xâm nhập của những loại khí độc hay thay đổi đột ngột về thời tiết.

HỆ THỐNG THU GOM RÁC THẢI HIỆN ĐẠI NHẤT THẾ GIỚI

Songdo có nhiều sản phẩm thân thiện với môi trường như trạm sạc pin cho xe điện, hệ thống tái sử dụng nước thông minh, nhưng ấn tượng nhất là hệ thống xử lý rác thải.

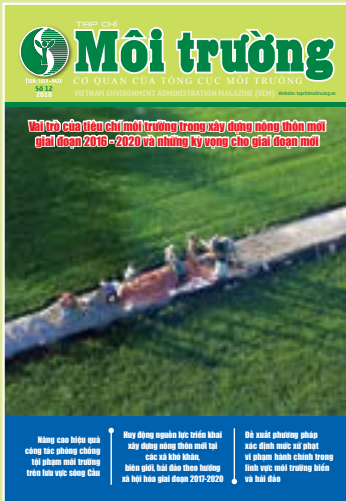
Nhiều TP thông minh trên thế giới lựa chọn gắn thiết bị cảm biến tại các thùng đựng rác để nhận biết thông tin khi nào một thùng rác đầy, báo về trung tâm để bố trí xe đi thu gom hợp lý. Tuy nhiên, tại Songdo, không có xe chở rác chạy trên đường phố hay các thùng rác xếp hàng trước cửa nhà dân, thay vào đó, một hệ thống đường ống nén khí sẽ hút rác từ máng đổ rác của các tòa nhà rồi chuyển tới cơ

sở phân loại rác tập trung. Tại đây, rác được xử lý, biến thành năng lượng hoặc đưa đi tái chế. Nhờ hệ thống thu gom chất thải trên, Songdo dự kiến tái chế 76% lượng chất thải trước năm 2020.

Ngoài ra, Songdo bố trí 40% cho các không gian xanh và làn đường dành riêng cho xe đạp để khuyến khích người dân sử dụng xe đạp, giúp giảm khí thải nhà kính. Đồng thời, Songdo cũng khuyến khích thực hiện giảm thiểu nhu cầu sử dụng ô tô. Các tòa chung cư, văn phòng, công viên, cơ sở y tế, trường học... được thiết kế gần nhau để người dân tiện di chuyển qua các điểm dừng xe buýt, hoặc tàu điện ngầm.

Có thể nói, Songdo đã thành công trong việc ứng dụng công nghệ cao nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và cung cấp nhiều tiện nghi. Tuy đang trong quá trình xây dựng, nhưng Songdo đã có 40.000 cư dân sinh sống và là trụ sở làm việc của 2.600 doanh nghiệp■

THANH HÀ



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thức**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (024) 66569135

Editorial board: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Upgrading the rural transport construction

Photo by: **Trần Đức Thảo**

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 12/2018

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

[8]

● Enhancing environmental protection cooperation in Dong Nai River Basin

[9]

● Developing national action plan on marine plastic waste



LAW - POLICY

[10]

NGUYỄN VĂN SÁU: Enhancing effectiveness of environmental crime prevention in Cau River Basin

[11]

THANH HÀ: Solving bottom ash issue of coal fired thermal power plants

[14]

NGUYỄN THANH HẰNG: Ha Noi strengthens environmental protection measures

[16]

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Son La focuses on dealing with serious polluters



VIEW EXCHANGE - FORUM

[18]

MAI HƯƠNG, NGUYỄN MINH TIẾN: Roles of environmental criteria in new rural development for the period 2016-2020 in hope for the coming time

[21]

LẠI ĐỨC NGÂN, NGUYỄN THỊ MINH HẢI: Proposing increased fines for violations in marine environment and islands

[24]

NGUYỄN THU LÀNH: Expanding love of trees in community

[26]

NHÂM HIỂN, NGUYỄN THỊ THANH BÌNH: Developing sustainable tourism based on green growth



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

[28]

NGUYỄN THỊ HOA: Environmental protection ideas: small initiatives, big benefits

[30]

ĐẶNG TOÀN: Lam Dong applies environmentally friendly high tech agriculture models

[32]

NGUYỄN MINH HẠNH: Me Linh boosting high tech agriculture cultivation for new rural development

[33]

HOÀNG THỦY: Hoa Phong Agriculture Services Trade Cooperative: an example in new rural development

[35]

NGUYỄN THỊ THU HÀ: Livestock current status and recommendation for pollution mitigation in Dong Nai



ENVIRONMENT & BUSINESS

[45]

ĐỨC THÁI: AJNOMOTOVIỆT NAM: environmental protection is a golden rule for sustainable development

[46]

TRƯƠNG THỊ HẬU: Capital House - constructive for green live



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT



DEVELOPING NEW RURAL AREAS

[48]

ĐÌNH ANH - TÔ THÚY NGÀ: Mobilizing resources for new rural development in poor boundary areas and islands toward socialization for the period 2017-2020

[52]

TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH: Vietnam's Farther Front advocates for new rural development

[54]

TRẦN VĂN PHIỆT: Hải Hậu determined to achieve new rural development and model criteria



[57]

THANH HOA: Ecotourism potential in Ea So Nature Protected Area

[58]

LỆ HÀ: Return safe living environment for wildlife in Central Highland

[60]

PHÙNG THỊ TRANG: Women in Co To island district implement green Sunday campaign

[62]

NGUYỄN XUÂN THẮNG, TRẦN NHỊ BẠCH VÂN: Krong No volcano geological park



AROUND THE WORLD

[64]

NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN: Serious losses of global vertebrate

[65]

NGUYỄN HOÀNG ÁNH: Singapore costs for clean cities

[67]

THANH HÀ: Songdo - High-tech, environmentally friendly city



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG (ENTECH) ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CENTER

Địa chỉ: Số 463 (Số cũ 439A9) Phan Văn Trị, P.5, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028. 39 850540, Mobile: 090.3905112, Fax: 028.39 850541

E-mail: entec.pcs@gmail.com - entecvn@yahoo.com

Website: www.vacne.org.vn

PGS.TS. Phùng Chí Sỹ - Giám đốc

Trung tâm Công nghệ Môi trường (Environmental Technology Centre) được thành lập ngày 04/08/1998 theo Quyết định số 20/HMTg-QĐ của Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam và Giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ số 590 ngày 28/09/1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (Số đăng ký gia hạn A-288 ngày 03/09/2009).



▲ Đại hội Công đoàn cơ sở Trung tâm Công nghệ Môi trường (Nhiệm kỳ 2018 - 2021)



● KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Trong thời gian từ năm 1998 đến nay, Trung tâm đã chủ trì và tham gia:

- 09 đề tài thuộc các Chương trình Khoa học Công nghệ cấp nhà nước;
- 140 đề tài, dự án nghiên cứu và điều tra cơ bản tại các vùng kinh tế cũng như tại các tỉnh thành trong cả nước;
- Trên 400 báo cáo ĐMC, ĐTM, Cam kết BVMT cho các dự án phát triển KTXH;
- Trên 150 dự án giám sát và kiểm toán môi trường;
- 30 dự án thiết kế, xây dựng phương án và triển khai xử lý khí thải, mùi hôi, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, lò đốt rác y tế;
- Một số dự án quốc tế về môi trường tại Việt Nam.

● CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

- Trung tâm có mặt bằng sử dụng trên 300m² bao gồm văn phòng, phòng họp, phòng thí nghiệm. Các phòng đều được trang bị máy tính cá nhân nối mạng, máy in màu, máy quét ảnh, điện thoại, fax...

- Phòng thí nghiệm của Trung tâm được cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ, với mã số VIMCERTS 182 (Theo Quyết định số 2738/QĐ-BTNMT ngày 28/11/2016) và được trang bị đầy đủ các thiết bị đo đạc, lấy mẫu, phân tích không khí, khí thải, nước mặt, nước ngầm, nước thải, bùn đáy, chất thải rắn.

● CHỨC NĂNG

- Nghiên cứu thiết kế công nghệ xử lý chất thải, công nghệ bảo vệ môi trường; Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường lao động, nước sạch và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu các giải pháp phục hồi, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Dịch vụ KH&CN: Tư vấn, giáo dục và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về bảo vệ môi trường, giám sát chương trình bảo vệ môi trường và chất lượng môi trường, giám sát các nguồn ô nhiễm do khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Địa chỉ: phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3881 126 * Fax: 0220 3881 338

*Chúc mừng
năm mới* 2019
Happy New Year

